

Sơ thảo
LỊCH SỬ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG
PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI

TẬP I
(1930 - 1954)



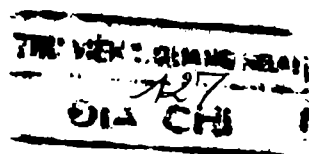
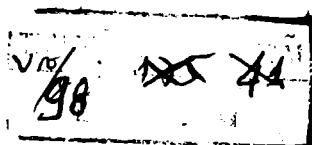
**SƠ THẢO LỊCH SỬ PHONG TRÀO
CÁCH MẠNG PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI**

Nguyễn Thị

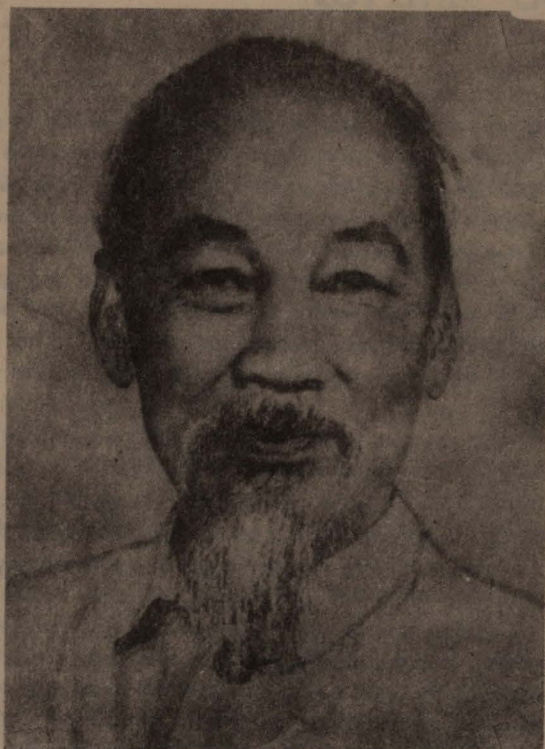
SƠ THẢO

Lịch sử phong trào cách mạng PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI

Tập I
(1930-1954)



HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH QUẢNG NGÃI ● 1991



**CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH**

Lời mở đầu

Lịch sử dân tộc Việt Nam đã ghi nhận công lao to lớn của phụ nữ trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Huyền thoại bà mẹ Âu Cơ đẻ ra một học trứng, từ đó nở ra năm mươi người con trai và năm mươi người con gái chia nhau theo cha lên núi, theo mẹ xuống biển xây dựng nên giang sơn Hồng Lạc ngày nay. Vì thế cộng đồng cư dân sống trên đất nước Việt Nam gọi nhau là "đồng bào" - tức là chung một bào thai. Uống nước nhớ nguồn ! Dân ta không bao giờ quên ơn những người mẹ buổi đầu tạo dựng nên đất nước này.

Rời những Bà Trưng, Bà Triệu từ những thế kỷ đầu Công nguyên đến Bùi Thị Xuân trong phong trào nông dân Tây Sơn, những Bà Ba (vợ Đề Thám), cô Giang, cô Bắc đã làm thực dân Pháp kinh hồn. Song chỉ từ khi Bác Hồ tìm được con đường cứu nước, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời nhận lãnh sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam, phụ nữ Việt Nam mới thực sự vùng lên đấu tranh cho sự nghiệp độc lập dân tộc, giải phóng giai cấp, giải thoát bản thân mình khỏi bao nhiêu cực nhục, tủi hờn, do phong kiến, đế quốc gây ra. Những Nguyễn Thị Minh Khai, Mạc Thị Bưởi, Nguyễn Thị Chiên, Lê Thị Hồng Gấm... tiêu biểu cho các thế hệ phụ nữ Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh cách mạng, do Đảng lãnh đạo.

Nói sao cho hết tấm lòng, công sức của hàng chục triệu các mẹ, các chị đã ăn sinh, nuôi dưỡng, chăm sóc những người chồng, con, cháu, anh em, đang lao động trên mọi trận địa của đất nước. Quả là không có những bà mẹ thì không

có anh hùng, không có những nhà văn hóa, những nhà khoa học...

Trái qua hai cuộc kháng chiến, "đánh thắng hại để quốc to" là Pháp và Mỹ, cũng như trong công cuộc xây dựng ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, phụ nữ Việt Nam đã có những đóng góp to lớn, xứng đáng với danh hiệu "ANH HÙNG - BẤT KHUẤT - TRUNG HẬU - ĐAM ĐANG".

Phụ nữ Quảng Ngãi, một bộ phận hữu cơ của dân tộc và của giới phụ nữ Việt Nam, đã tiếp thu, thừa hưởng công lao tổ tiên để lại, phát huy truyền thống dân tộc, truyền thống của giới mình trong sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Những nét riêng của người phụ nữ Quảng Ngãi, (do điều kiện tự nhiên và xã hội của vùng đất này tạo nên) không hề có sự biệt lập trong bức tranh chung của đại gia đình phụ nữ Việt Nam, mà càng tô thắm hơn trang sử đấu tranh bất khuất của con cháu Bà Trưng, Bà Triệu, Nguyễn Thị Minh Khai.

Chỉ kể từ năm 1885, khi thực dân Pháp trực tiếp đánh chiếm Quảng Ngãi, đến nay, qua bao nhiêu thế hệ, thời kỳ cách mạng, phụ nữ Quảng Ngãi đã cùng chồng, con em mình viết nên những trang sử huy hoàng cho tỉnh nhà, cho giới mình. Một Võ Thị Dệ được mệnh danh "Hộ quốc mẫu nghi", không tiếc thân sức, tiền của vì sự nghiệp cứu dân, cứu nước. Một Trịnh Tuyết Anh từ bỏ giàu sang, mặc võ phục, gid nam trang mang gươm xông vào trận tiền. Rồi Trần Thị Hiệp, Mai Thị Thục, Huỳnh Thị Tuyết, Phạm Thị Trinh... đã nêu cao chí khí bất khuất của người cộng sản, tài trí, thông minh trong đấu tranh với quân thù. Biết bao nữ anh hùng, liệt sĩ có tên và không tên, bao lớp phụ nữ trong các thời kỳ đấu tranh cách mạng đã làm rạng danh phụ nữ Việt Nam và xứng đáng là con em xứ Quảng Cẩm Thành ; anh dũng.

Lịch sử đi qua, không bao giờ trở lại ! Song những di sản ngày xưa, những tên đất, tên người còn sống mãi trong sự nghiệp của con cháu ngày nay và mai sau. Tìm hiểu lịch sử không phải chỉ để biết quá khứ, mà trên cơ sở hiểu đúng quá khứ, ghi công ơn những người đặt cơ sở cho ngày nay và xác định trách nhiệm của mình với ngày nay và ngày mai. Lịch

sử đang cùng chúng ta hành quân vào tương lai, vào chủ nghĩa xã hội tất thắng. Cần làm cho con cháu mình nhớ đến quá khứ đau thương và anh hùng ; từ đó gìn giữ và phát huy công nghiệp của ông bà, cha mẹ lưu lại. Các bà, các mẹ, các chị bằng nhiều hình thức khác nhau (kể chuyện, hát ru...) mà truyền cho con cháu sức mạnh của truyền thống vào công cuộc đấu tranh vì hiện tại và tương lai.

Nhận thức rõ điều này, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy và Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi quyết định biên soạn quyển "Sơ thảo lịch sử phong trào cách mạng phụ nữ Quảng Ngãi".

Những khó khăn không ít. Trước hết là khó khăn về tư liệu, đặc biệt thời kỳ Đảng hoạt động bí mật, những ghi nhớ, ký ức, đều trung thực, nhưng khó tránh những thiếu sót. Trình độ, khả năng chị em biên soạn có hạn. Song được sự giúp đỡ tận tình đầy trách nhiệm của các đồng chí cán bộ Cách mạng lão thành, trước hết là các nữ đồng chí đã đóng góp nhiều cho phong trào phụ nữ tỉnh nhà, sự hỗ trợ của các cơ quan nghiên cứu của tỉnh, của nhiều đồng chí khác, "Sơ thảo lịch sử phong trào cách mạng phụ nữ Quảng Ngãi" tập I (1930 - 1954) đã hoàn thành.

Xin chân thành cảm ơn tất cả các đồng chí và mong chờ sự đóng góp ý kiến tích cực của các đồng chí, của chị em cùng các bạn.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tập sách với tất cả chị em phụ nữ trong tỉnh - một tài liệu học tập truyền thống của giới ta. - để rút bài học cho công cuộc xây dựng Hội, đẩy mạnh mọi hoạt động của Hội, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

HỘI TRƯỞNG HỘI LHPN TỈNH QUẢNG NGÃI

HỒ THỊ HẠNH



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG

Phần thứ nhất

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930 - 1945)

TRONG lịch sử dài lâu của dân tộc, phụ nữ Việt Nam có nhiều công lao to lớn đối với công cuộc dựng nước và giữ nước. Truyền thống Bà Trưng, Bà Triệu mãi mãi sống với nhân dân, phụ nữ Việt Nam trong lao động sản xuất, đấu tranh xã hội, bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Phụ nữ lại cùng chồng con bước vào cuộc chống Pháp, cứu nước. Nhưng triều đình nhà Nguyễn đầu hàng, làm tay sai cho Pháp. Cùng các tầng lớp nhân dân, phụ nữ Việt Nam tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Song "trong đêm tối dường như không có đường ra", các phong trào yêu nước lần lượt bị chìm trong bể máu. Phụ nữ cũng chung chịu cảnh tù đầy, tra tấn, chém giết với trang nam nhi.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam do Bác Hồ kính yêu thành lập, mở ra một bước ngoặt lớn trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Dưới lá cờ đỏ búa liềm, lớp lớp nhân dân bị áp bức bóc lột xông lên cứu nước, theo tiếng gọi của Đảng.

Trong lịch sử chung của dân tộc, của phụ nữ Việt Nam, phụ nữ Quảng Ngãi đã góp phần công sức của mình.

CHƯƠNG MỘT

QUẢNG NGÃI VÀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI

QUẢNG NGÃI - ĐẤT NƯỚC - CON NGƯỜI

Phụ nữ Quảng Ngãi mang những đặc điểm chung của dân tộc và phụ nữ Việt Nam. Tuy nhiên, những đặc điểm địa phương (về tự nhiên, xã hội) cũng hình thành những nét riêng của người phụ nữ Quảng Ngãi.

Trên đất Quảng Ngãi ngày nay, từ lâu đã có người sinh sống tạo lập nên những nền văn hóa đồ đá (cách đây 25 vạn năm) điển hình là nền văn hóa Sa Huỳnh nổi tiếng. Trong quá trình biến đổi lịch sử, Quảng Ngãi trở thành một bộ phận hữu cơ của đất nước Việt Nam ; các dân tộc anh em cư trú trên mảnh đất này hòa nhập vào đại gia đình dân tộc Việt Nam (1).

Quảng Ngãi nằm gần giữa đất nước Việt Nam, vào vĩ độ 15 độ 08 Bắc, kinh tuyến 108 độ 65, bắc giáp Quảng Nam-Đà Nẵng, nam giáp Bình Định, tây giáp Kon Tum, đông giáp biển Đông. Địa thế này được diễn tả một cách hình tượng trong câu ca :

"Núi bên kia, biển bên này

Ép con giải đất, teo gầy miền quê".

Địa hình Quảng Ngãi là núi, sông, trung du, ven biển chen chúc nhau trên một địa bàn hẹp, tạo nên nhiều thắng cảnh và uầm năng đa dạng.

Đất đai, thời tiết, khí hậu Quảng Ngãi không mấy thuận lợi cho

(1) Quảng Ngãi trở thành một tỉnh, với cương giới hiện nay, kể từ năm 1832 (Triều Minh Mạng năm thứ 13). Từ cuối năm 1975 đến 6/1989 hợp nhất với tỉnh Bình Định thành tỉnh Nghĩa Bình. Ngày 1 tháng 7 năm 1989, Quảng Ngãi trở về tỉnh riêng như cũ.

người dân lao động sản xuất và sinh sống. Nhiều vùng là đất cằn, bạc màu, thiếu nước ; phần lớn diện tích lại là thổ canh (làm màu, trồng lúa), đất bán sơn địa. Đồng ruộng hẹp, chỉ trừ một số vùng ruộng nước khá tốt ở Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và dọc các con sông lớn, nhất là con sông Trà Khúc, Núi từ Đông Trường Sơn nhô ra đến biển ở hai địa đầu tỉnh và chiếm ba phần tư diện tích toàn tỉnh. Bốn con sông : Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Cầu, đã chia cắt tỉnh từ Tây sang Đông thành từng khúc một. Với địa hình như vậy, sự phát triển giao thông gặp rất nhiều khó khăn. Đường giao thông chính là đường số 1 và đường xe lửa trên trục đường Bắc-Nam, được xây dựng từ nửa đầu thế kỷ XX, còn lại những con đường ngang thì thật lắm dốc, nhiều đèo, lắm sông, nhiều suối.

Tất cả những yếu tố về địa thế, đất đai, thời tiết, khí hậu như trên tạo nên một nét đặc thù của vùng đất này, đòi hỏi con người ở đây, ngay từ những ngày đầu khai phá, xây dựng phải có một ý chí và nghị lực kiên cường mới có thể tồn tại và phát triển được. Vì vậy để khái quát vùng đất này, nhà bác học Lê Quý Đôn trong "Phủ biên tạp lục" đã dùng từ "đất bạc, người chăm", là đã nói lên được cái "thần" của mảnh đất, con người ở đây vậy.

Tỉnh Quảng Ngãi hiện nay có 6 huyện đồng bằng, 4 huyện miền núi, 1 thị xã, và cù lao Rế (Lý Sơn) bao gồm 2 hòn lớn và bé (1)

Dân biển muốn làm ăn, ngoài việc sử dụng các cửa biển hiện có như Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh, còn cho tàu thuyền đi qua những ghềnh đá và bãi ngang đây sóng gió hiểm nguy.

Đồng bào các dân tộc ít người ở Quảng Ngãi đến nay đã có gần 12 vạn. Trong đó nữ 5,6 vạn, gần 9 vạn đồng bào Hre (Sơn Hà, Minh

(1) Trước kia quần đảo Hoàng Sa cũng thuộc địa giới hành chính tỉnh Quảng Ngãi.

Long, Ba Tơ) hơn 1,9 vạn đồng bào Kor ở Trà Bồng và 7.000 đồng bào KaDong (một nhánh của dân tộc Xê-đăng ở Bắc Tây Nguyên) sinh sống tại vùng cao Sơn Hà (1). Những dân tộc này sống ở miền tây, nơi nắng ít, lạnh nhiều, nghề chính của họ là làm lúa rẫy, ngoài ra còn làm ruộng và săn bắt. Một số nơi phát triển nghề trồng cây công nghiệp khá nổi tiếng như quế ở Trà Bồng, cau, tiêu, thuốc lá, chè ở Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà...

Trước Cách mạng Tháng Tám, đồng bào các dân tộc anh em chia thành 2 làng lớp : làng lớp trên và làng lớp lao động. Riêng vùng giáp ranh nơi Trung Châu có sự phân hóa gần giống người Kinh (có địa chủ và tá điền). Sau Cách mạng Tháng Tám, có nhiều biến đổi trong xã hội miền núi : nhiều cải cách dân chủ được tiến hành, nhân dân lao động đã bước lên vị trí làm chủ trong xã hội, đời sống được cải thiện.

Trong lịch sử, đồng bào các dân tộc ít người đã có những cuộc đấu tranh gan góc, bất khuất kiên cường, chống áp bức của triều đình phong kiến, thực dân, đế quốc. Cuộc "nổi loạn Đá Vách" nổi tiếng kéo dài hàng mấy trăm năm được sử sách nhà Nguyễn nhắc đến như một nỗi lo sợ. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, rồi đế quốc Mỹ có nhiều sự kiện lấy lòng như : khởi nghĩa Ba Tơ (1945), khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (1959).

Người Kinh sống hầu hết ở các huyện đồng bằng, ven biển, thị xã và các thị trấn. Nhưng ngay từ buổi đầu khai phá, đây là vùng đất đầy núi non trùng điệp, hiểm trở, khí hậu bất thường, sông ngòi chia cắt, thú dữ nhiều, giặc giả trộm cướp không ít. Người dân mới đến sinh sống phải đổ ra biết bao mồ hôi, nước mắt và xương máu. Những trận lụt lớn còn để lại những dấu ấn kinh hoàng cho người dân xứ này như những trận lụt "Ông tha Bà không tha" ngày 23 tháng 10 hàng năm

(1) Từ những năm 1980 có khoảng 10 gia đình người dân tộc Tây đi dân vào sinh sống ở Sơn Hà.

Những câu thơ ca sau đây vừa nói lên thực trạng ngày xưa, vừa diễn tả tình cảm trung trinh với chồng của người phụ nữ xứ Quảng :

- *Cách sông em phải lụy đò*

Cách trường Ba gò, em phải lụy anh

- *Đưa anh về Quảng em lo*

Ao vuông là một, Ba gò là hai

Kiêng dè, trong buổi hôm mai

Đàng trong ở cướp, đàng ngoài hang beo

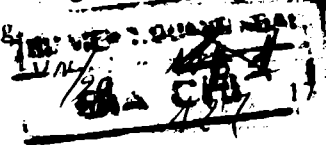
- *Không đi sợ mất bụng chồng*

Có đi lại sợ cái đồng Tú Sơn.

Dân miền biển gặp những năm sóng to gió lớn, có vùng không còn dân ông, phụ nữ phải làm lý trưởng. Thật là hải hùng, tội nghiệp.

Những người đầu tiên vào vùng đất mới này là những binh điền, họ khai phá đất đai để cung cấp lương thực cho binh lính ; những người dân lao động nghèo khổ phải đi sinh cơ lập nghiệp nơi đất lạ ; những người bị tù đầy vì chống đối triều đình... Họ thực sự là những con người lao động, dùng cảm đấu tranh một mất một còn với thiên nhiên khắc nghiệt và xã hội bất công để hào lòn cuộc sống cho mình, cho đất nước trong gần năm, sáu trăm năm. Những tên làng như Tân Hội, Hùng Nghĩa... phần nào nói lên khí phách đó.

Dưới chế độ thực dân phong kiến thống trị, phần lớn ruộng đất-tài sản có giá trị nhất trong nghề nông, đã bị bọn thực dân Pháp, vua quan ở triều đình, địa chủ và các chức sắc ở địa phương chiếm đoạt. Cá biệt có những người chiếm đến hàng nghìn mẫu như Nguyễn Thân. Số ruộng còn lại cho tầng lớp dân nghèo thật ít ỏi. Phần lớn nông dân lao động không một tấc đất cắm dùi, không có công cụ sản xuất, mà phải chịu sưu cao, thuế nặng. Chế độ phu phen tạp dịch nặng nề cũng đè lên cuộc sống của người dân lương thiện. Cảnh sống cơ cực ấy nghe thật não lòng.



"Ai ơi ! Quảng Ngãi quê ta,
 Đất dầm nước mắt, nước pha máu đào !
 Sông dài biển rộng non cao
 Cũng không đựng hết xiết bao nhọc nhằn !
 Dân làm, Tây cướp, Vua ăn
 Thuyền tràn sỷ khố, buồm căng oán thù !... (1)

Câu ca như một lời ta thán, đau buồn của người dân sống trong
 lầm than nô lệ của một thời mất nước, đồng thời cũng vút lên cái
 chí khí uất hận phải vùng lên của người dân xứ này. Đau buồn uất
 hận nhưng lại nặng tình với mảnh đất "Cẩm Thành", tức thành Gấm,
 nơi sinh thành và nuôi tạo người dân xứ Quảng ; nơi có 12 cảnh đẹp
 nổi tiếng.

Nào Thiên Ân, như một ẩn-trời in bóng xuống Trà Giang, là nơi
 yên nghỉ nghìn thu của cụ Huỳnh Thúc Kháng, có ngôi chùa cùng
 chuông thần,giếng Phật với nhiều huyền thoại nên thơ.

Nào "Trà Giang chín khúc tơ vò, đi đâu cũng nhớ con đò Trà
 Giang". Con đò nào ? Có phải con đò đưa Cao Bá Quát ngấm ánh trăng
 vàng dầm nước bạc ? Hay con đò đưa Trương Quang Trọng qua lại
 đôi bờ của bến Tam Thương trong buổi đầu xây dựng Đảng ? Và
 những chiến sỹ cách mạng như Lê Trung Đình, Nguyễn Nghiêm có
 bao nhiêu khúc tơ vò khi máu nhân dân mình đổ xuống bến bờ dòng
 sông này ? Làm sao kể xiết các kỳ tích của con sông này như bến
 nước Mỹ Khê, nơi hàn việc xây dựng tổ chức Việt Nam Thanh niên
 cách mạng đồng chí hội (1927), các bến bờ kín đáo dấu những chiếc
 thuyền của những đảng viên kiên cường để thành lập tỉnh ủy năm
 1938 ; và trên dòng chảy hiền lành này, lương thực, thuốc men, súng

(1) "Quảng Ngãi quê ta" của Nguyễn Quang Mao trong "Thơ văn yêu nước
 Cách mạng Quảng Ngãi" Hội văn nghệ Nghệ An xuất bản 1975. trang 29

đạn từ miền xuôi ngược dòng về chiến khu Vĩnh Sơn cho đội du kích Ba Tơ năm 1945...

Một nét đẹp riêng của Trà Giang và những con sông khác của Quảng Ngãi là những bờ xe nước. Đây là một công trình văn hóa vật chất độc đáo, sáng tạo và đầy tự hào của người dân xứ Quảng. Bánh xe nước quay cùng với thời gian, đem lại màu xanh bất tận cho quê hương này, như Tề Hành diễn tả trong bài "Tiếng sóng"

*"Cái đất nước của ông Đồng, anh Chánh
được khắp mọi người kính trọng, thương yêu
Sông Trà Khúc như cánh tay khỏe mạnh
Đất cội càn, cũng hóa đất phì nhiêu..."*

Người xứ Quảng nào lại quên những cảnh đẹp nổi tiếng khác như "La Hà thạch trận", "Vân Phong túc võ", "Thạch Bích tà dương", "Thạch Cơ diêu tẩu", "Vu Sơn lộc trường"... Từ mảnh đất " Bình Sơn nước mặn đồng chua, nhưng mà nhân nghĩa không thua nơi nào" nơi có tiếng đồn " Đồng Phước nhiều tre, Tham Hội nhiều lúa, Châu Me nhiều tiền". Cho đến đèo Bình Đê gần cửa biển Sa Huỳnh, là bờ biển tuyệt đẹp khiến ai ngắm cũng phải ngạc nhiên. Nhà thơ Xuân Diệu đã từng thốt lên :

*"Hỡi mình biển đẹp vô ngần
Sóng xanh như đến dùng chân Sa Huỳnh"*

Nghề nông ở Quảng Ngãi có nhiều tiến bộ. Với cung cách sản xuất cổ truyền của cư dân trồng lúa nước, họ đã biết cày bừa hai trâu, cày sâu cước bắm ; nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống ; với tinh thần lao động cần cù, sáng tạo để đưa nước lên đồng ruộng bằng những bờ xe, gàu sòng, gàu giai lắm tầng, nhiều bậc... Trên đồng ruộng Quảng Ngãi, hình ảnh và công sức người phụ nữ đã hằn

sâu vào những ruộng cà, những cánh đồng cước ải tháng ba, những đám cây mạ xanh mơn mơn ; những làn lá che với dần cần vọt kéo nước ngày đêm.

Cùng với nghề nông, nghề thủ công cũng khá phát triển, nổi tiếng nhất là nghề trồng mía, nấu đường. Mía là loại cây công nghiệp được thiên nhiên xứ Quảng ưu đãi nên hàm lượng đường khá cao. Cây mía có mặt khắp các vườn đồi của người dân trong tỉnh, nhưng tập trung nhất ở Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa.

- "*Mặn mà muối mặn Sa Huỳnh*

Ngọt đường Quảng Ngãi thơm tình quê ta (1)

- "*Đồng quê Quảng Ngãi mùa mía lên hương*

Nhớ xin về phép ăn đường nghe anh"(2)

Người xứ Quảng lại rất khéo tay trong việc chế biến nhiều loại đường ngon, tạo nên những hàng hóa có giá trị trong và ngoài nước : đường phổi, đường phèn, kẹo gương ở Ba La, Vạn Tượng.

- "*Đường phèn Ba La*

Mạch nha Thi Phố "

- "*Bầu về nhớ ghé Ba La*

Mua cân đường phổi cho ta với mình" (4)

Một số nghề thủ công khác xuất hiện từ lâu đời và khá phát triển như nghề khai quặng, nấu sắt ở Thiết Trường (Mộ Đức) ; nghề đúc đồng ở Chú Tượng ; nghề mộc : "nhất Hồ Nai, nhì Quảng Ngãi" ; nghề khảm xà cừ khá tinh xảo. Đồ gốm Bình Sơn được nhiều người biết

(1) (3) (4) *Ca dao dân gian Quảng Ngãi.*

(2) *Thơ kháng chiến chống Pháp ở Quảng Ngãi.*

đến vì sự phong phú về chủng loại và chất lượng ; nghề nuôi tằm ươm tơ dệt lụa, dệt vải, đan lát, chằm nón... khá phát triển và ngành nghề nào cũng có bộ óc sáng tạo, đôi vai dẻo dai và đôi tay khéo léo của người phụ nữ Quảng Ngãi.

Lao động của người dân Quảng Ngãi, của người phụ nữ tạo nên cảnh tượng hấp dẫn :

- "Ai về Quảng Ngãi mà xem
Bãi dâu tơ óng, đồng ken lúa vàng
Xóm thôn sục nức mùi đàn
Nhập chè Tam Bảo, luận bàn văn chương".(1)

Các ngành nghề chăn nuôi, đánh cá cũng phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Quảng Ngãi là vùng bán sơn địa có nhiều đồng cỏ xanh tốt, khá thuận lợi cho nghề chăn nuôi trâu bò. Nghề đánh cá với đủ loại công cụ : lưới chuồn, lưới cao, lưới ngao, màn đèn, kéo rùng, bè rớ, dàn rớ... hỗ trợ cho người dân biển khi đi khơi, đi lộng, đi đến những ngư trường xa xôi như Bình Định, Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết. Và khi những người con trai vạm vỡ của biển ra khơi, vào lộng thì ở nhà có người mẹ, người vợ, người em gái cần cù, chăm chỉ đan từng mắt lưới, chấp ừng sợi gai để có những công cụ đánh cá tốt. Tình yêu nam nữ cũng nảy sinh trong lao động sản xuất :

- "Em về kẻ biển cùng anh
Chấp gai đan lưới cho thanh con người" (2)

Còn ai khác nếu không phải là những người phụ nữ ở các cửa biển Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh đã khéo tay chế biến các loại mắm, kết tinh thành những hạt muối mặn nghĩa tình. Xứ

(1), (2) Ca dao dân ca dân gian ở Quảng Ngãi.

Quảng còn một số nghề tuy không phổ biến nhưng được nhân dân thường nhắc đó là thuốc lá và giấy hút :

- "Thuốc ngon chợ huyện, giấy quýt Sa Huỳnh
- Nấu xu nước nấu chó hai đĩa mình đừng xa" (1)

Sông Trà Khúc hiền lành, thơm thảo. Vị ngọt dòng sông đã đem đến cho con cá bống, con don của sông Trà một hương vị đặc biệt mà ai đã từng một lần ăn đều không thể không nhớ : "Cô gái lòng son không bằng tô don Vạn Tượng" (2) có những chàng trai mê món ăn, rồi mê luôn cả cô bán don :

"Nghèo thì nghèo, nợ thì nợ
Cũng cưới cho được con vợ bán don
Mai sau nó có chết vẫn còn cặp ui" (3)

Người Quảng Ngãi thường tự hào về các món ăn đặc sản quê hương mình :

"Chim mía Xuân Phổ
Cá hồng sông Trà
Kẹo gương Thu Xà
Mạch nha Thi Phổ" (4)

Thiên nhiên và lao động đã sinh cho vùng đất này những con người "dễ tính con gái, lại lành con trai". Vùng đất mơ ước của những cô gái ở các miền quê khác "vùng đất mía ngọt đường nhiều, tìm trai xứ Quảng mà yêu cho rồi". Vậy, có một điều gì đó bí ẩn, kỳ lạ ở vùng quê này? Con gái xứ Quảng cũng làm cho con trai quê bạn say như điên đổ. Cái gì làm cho người xứ Quảng được mến mộ dường vậy? Không phải chỉ hình thức bên ngoài mà

(1), (2), (3), (4) Ca dao dân ca cần gian ở Quảng Ngãi.

còn là cái "chất" bên trong của những con người, biểu lộ trong lao động sản xuất và đấu tranh bảo vệ quê hương, đất nước.

"Cánh này há để ai vùi dập

Quyết trái thân ra giữ đất đèn"(1).

Nét chung của con người xứ Quảng cũng biểu lộ ở người phụ nữ là những phụ nữ Việt Nam, từ tấm bé được nuôi dưỡng trong côi lòng và bàn tay ấm áp, tiếng ru ngọt ngào của bà, mẹ, chị. Lời ca, truyền thuyết, thần thoại, nghe từ thuở ấu thơ đi theo suốt cuộc đời họ, rồi truyền lại cho con cháu mai sau :

"Bà ru mẹ, mẹ ru con

Liệu mai sau các con còn nhớ chăng"

(Nguyễn Duy)

"Đầu con đi suốt cuộc đời

Vẫn không đi hết những lời mẹ ru"

(Xuân Quỳnh)

Phụ nữ Quảng Ngãi tiếp thu và phát huy truyền thống yêu nước, đảm đang của phụ nữ Việt Nam, mà lịch sử đã ghi lại nhiều tấm gương sáng rực.

Lịch sử giữ nước đã biết đến người phụ nữ Việt Nam qua những chiến tích oanh liệt, lấy lòng chống ngoại xâm. Hàng nghìn năm bị giặc phương Bắc đô hộ, người phụ nữ càng lâm than và khổ nhục hơn ai hết, vì vậy khi vùng lên cũng mãnh liệt khôn lường. Khởi nghĩa của Trưng Trắc, Trưng Nhị (mùa xuân năm 40 sau Công Nguyên) đã qui tụ sự hưởng ứng của nhân dân 65 thành nổi dậy chống nhà Hán. Nổi gương Hai Bà, năm 248, Triệu Thị Trinh giương cờ khởi nghĩa chống sự đô hộ của nhà Ngô. Mỗi người Việt Nam yêu nước, không ai không thuộc lòng câu nói như một tuyên ngôn đầy khí phách tự chủ dân tộc của Bà : "Tôi muốn cời cơm gió mạnh, đập

(1) Bài "Non sông đẹp bởi chí người" trong "Thơ văn yêu nước Cách mạng Quảng Ngãi". Sách đã dẫn - trang 28.

luồng sóng, dừ, chém cá kinh ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang san, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tỳ thiếp”.

Khí phách ấy đã tác động sâu sắc đến nỗi tất cả phụ nữ Việt Nam đều tự nguyện theo Bà khởi nghĩa :

"Ru con, con ngủ cho lành

Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi

Muốn coi lên núi mà coi

Coi Bà Triệu tướng coi voi đánh cồng..."

Trong phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn thế kỷ XVIII, đã xuất hiện nữ tướng kiệt xuất - Bùi Thị Xuân (1). Bà là người tài đức vẹn toàn, cùng các lãnh tụ phong trào và tướng lĩnh Tây Sơn đưa cuộc khởi nghĩa đến thắng lợi, giành độc lập cho dân tộc. Cái chết dũng cảm tuyệt vời của bà trở thành một biểu tượng của tinh thần bất khuất. Giáo sư Pháp La Bissa Chèra chứng kiến vụ Nguyễn Ánh hành hình Bùi Thị Xuân, đã viết "Bùi Thị Xuân mặt không đổi sắc, tiến tới trước đàn voi như chọc tức nó. Mấy tên lính hét bảo Xuân quì xuống, nhưng bà vẫn xăm xăm bước tới, voi lùi lại, bọn lính phải cầm giáo đâm vào đuôi voi, bấy giờ voi mới quất Bùi Thị Xuân tung lên trời. Bùi Thị Xuân chết rồi, bọn lính bèn cầm dao mổ ngực bà lấy úm gan, cắt thịt ở cánh tay bà để mà ăn sống vì chúng muốn được can đảm như bà (2).

Người phụ nữ Việt Nam không những có tài về cầm binh đánh giặc, mà trong việc cai trị đất nước, có những người phụ nữ thực sự mưu lược, nhiều phen đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ "ngàn cân treo sợi tóc". Quyết định của Thái hậu Dương Vân Nga (919 - 980), không vì quyền lợi riêng của dòng họ nhà Đinh, mà vì sự nghiệp

(1) *Bùi Thị Xuân là vợ Trần Quang Diệu, ông quê Mộ Đức - Quảng Ngãi.*

(2) *"Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại" của Lê Thị Nhâm Tuyết, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội 1975 - trang 109.*

lớn bảo vệ Tổ quốc, bà đã dùng cảm và sáng suốt trao quyền cho thập đạo tướng quân Lê Hoàn đánh tan quân xâm lược Tống. Lịch sử không quên bà Nguyên Phi Ý Lan (năm 1069) đã thay mặt Vua, Nối tiếp chính công việc của triều đình, trong lúc Vua cầm quân ngoài biên ải.

Thật đáng ngạc nhiên, mà kính phục bởi người phụ nữ Việt Nam không những đảm lược trong việc cầm binh, trị nước mà lại còn tài hoa trong văn chương, thơ phú, hát hò... Bà Phạm Thị Trân (926 - 976) người ở Hồng Châu (thuộc Hải Hưng ngày nay) được Vua nhà Đinh đưa vào kinh hát chèo và dạy hát chèo. Trong quyển "Hí trường phủ lục" Lương Thế Vinh đã khẳng định bà là tổ sư của nghệ thuật hát chèo Việt Nam. Bà Đoàn Thị Điểm (đầu thế kỷ XVIII) (quê ở Hải Hưng ngày nay) là dịch giả xuất sắc tập sách "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn với "lời văn hoa lệ, bóng bảy" nói lên tâm trạng người đàn bà xa chồng biền biệt. Bà cũng là người nổi tiếng đối đáp giỏi với người ngoại quốc "cho rõ mặt dân bà nước Nam". Nữ sỹ Hồ Xuân Hương (cuối thế kỷ XVIII) quê Nghệ An, nổi tiếng với những bài thơ nôm độc đáo, tài đối thơ nhạy bén, sắc sảo, nội dung tiêu biểu cho chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam. Qua thơ Hồ Xuân Hương, số phận người phụ nữ trong chế độ phong kiến thật bi thương nhưng không kém phần đáng yêu như cốt cách muôn đời của họ.

*"Thân em thì trắng, phận em tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son"*

(Bánh trôi)

Bà Huyện Thanh Quan, tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người Hà Nội, là người văn hay chữ tốt, được vua Minh Mạng rước vào dạy cung chúa trong cung. Nhắc đến tên bà, hẳn không ai quên được bài thơ "Qua đèo Ngang", bởi bài thơ là một bức tranh thủy mặc đơn sơ

nhưng đẹp tuyệt vời. Trong đó bà gửi cả một nỗi niềm đau đáu về nước, về nhà "Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc, thương nhà mỏi miệng cái gia gia".

Khó có thể kể hết những người phụ nữ ưu tú trong lịch sử Việt Nam. Nhưng cũng thật có lỗi với Tổ tiên và hậu thế nếu chúng ta không kể thêm một vài liệt nữ như : Đời Trần có nàng Diễm Bích, đời Lê có Nguyễn Thị Lộ (vợ Nguyễn Trãi). Đời Mạc có Nguyễn Thị Du, Ngô Thị Lan, đời Lê-Trịnh có công chúa Lê Ngọc Hân, Trịnh Thị Ngọc Tú... Người phụ nữ trong chế độ phong kiến bị ràng buộc bởi những đạo lý khát khe "Tam tòng tứ đức", thế nhưng họ đã vươn lên làm chủ cuộc đời và góp phần xây dựng xã hội. Công đức ấy thật hiển nhiên, nên sử sách phong kiến buộc phải ghi lại. Chưa hết, trong "Việt Nam vong quốc sử" Cụ Phan Bội Châu đã nhận xét rất có lý rằng : "Phải có hàng vạn hàng ức anh hùng vô danh mới có những anh hùng hữu danh... Một Trưng Vương mà không có hàng vạn Trưng Vương vô danh làm vây cánh thì nước ta sao khỏi bị chia cắt làm quận huyện".

Ngoài việc làng, việc nước, người phụ nữ Việt Nam (cũng như phụ nữ trên khắp hành tinh), có thiên chức thiêng liêng làm vợ, làm mẹ để duy trì bảo tồn nòi giống, nuôi dạy con cho nên người. Công việc này đòi hỏi ở người phụ nữ một sự kiên trì bền bỉ, uốn bao nhiêu mồ hôi, nước mắt và cả máu thịt của mình :

"Đầu làm cô Tấm cô Tiên

Vẫn coi bếp núc dành riêng phần mình

Đầu làm bà Triệu Thị Trinh

Khí ru nổi vẫn một mình dấng em"

(Trần Mạnh Hào)

Người phụ nữ Quảng Ngãi có đầy đủ đức ứnh đẹp đẽ của người phụ nữ Việt Nam, một đức ứnh nổi bật và xuyên suốt : hy sinh tất cả cho chồng, cho con. Những hy sinh đó tưởng chừng thật nhỏ bé, thật thầm lặng, nhưng đó lại là cái nôi của mọi điều thiện,

mọi lòng nhân mà người mẹ đã truyền dạy cho con mình phải hướng tới : "Chỗ ráo con nằm, chỗ ướt mẹ lặn", "Con ăn mật mẹ liếm vè, con ăn chẻ mẹ liếm bát, con ăn cá mẹ mút xương, con nằm giường mẹ nằm đất"... không thể kể hết những điều tương tự như vậy của mẹ đối với con.

Trong lời ru à ời của mẹ, có những hạt ngọc của lòng nhân nghĩa :

- "Con đừng học thói chua ngoa .
Họ hàng ghét bỏ người ta chê cười
Dù no dù đói cho tươi
Khoan ăn bớt ngủ là người lo toan..."
- "Học đi cho biết con ơi
Biết đây, biết đó, biết người, biết ta
Học cho biết việc nước nhà"
- "Cờ bạc là bác thằng bần"

Trên đôi vai gầy của người vợ đảm, mẹ hiền, là gánh nặng của nghĩa vụ, trách nhiệm đối với gia đình chồng. Bán lưng cho trời, bán mặt cho đất, đi sớm về tối, mua chợ sáng, bán chợ chiều, đủ mọi lo toan, suy nghĩ :

"Lấy gì đóng góp cho chồng
Lấy gì giỗ chạp, thổ công, ông bà
Lấy gì nuôi mẹ, nuôi cha
Lấy gì thu xếp việc nhà chàng ơi..."

Và rồi người phụ nữ còn phải chịu đủ những luật lệ, quan niệm của chế độ phong kiến đối với giới mình. Nào là "Tam tòng tứ đức", "nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", nào là : "Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng"... có lúc không thể cam chịu, không thể nhẫn nhục mãi được, họ cũng phản kháng mạnh mẽ, quyết liệt, nhiều khi dường như cường điệu lên nữa" :

"Ba đồng một mớ đàn ông
Đem bỏ vào lồng chợ kiến nó tha

*Ba quan một mụ đàn bà
Đem về mà trái chiếu hoa cho ngồi"*

Hồ Xuân Hương còn táo bạo hơn nữa : "Chém cha cái kiếp lấy chồng chung"...

Đằng sau sự phản kháng ấy, có gì khác đâu là tấm lòng yêu đời, yêu con người, vốn dĩ rất tràn trề, rất bao dung của họ.

*"Dẫu là nguyên thủ quốc gia hay những anh hùng
Là bác học hay là ai đi nữa
Cũng là con của một người phụ nữ.*

Một người đàn bà bình thường không ai biết tuổi tên...

Anh thân yêu, người vi đại của em

Anh là mặt trời, em chỉ là hạt muối

Nhưng nếu sáng nay em chẳng đông được gạo

Chắc chắn buổi chiều anh không có cơm ăn"

(Xuân Quỳnh)

Song người phụ nữ cũng biết mình, bởi vì : *"Thú thật : là chúng tôi cũng không sống được, nếu không có các anh, thế giới chỉ đàn bà"* (Xuân Quỳnh)

Người phụ nữ Quảng Ngãi có đủ những đức tính cơ bản của người phụ nữ Việt Nam: cần cù, đảm đang, thủy chung, bất khuất.

Gần nửa thiên niên kỷ có mặt ở mảnh đất này họ đã cùng chồng con tạo dựng nên cơ đồ, sự nghiệp. Khi có giặc đến nhà, thì đàn bà cũng đánh ; khí phách, tinh thần và cả công sức nữa chẳng kém chi mày râu. Hết giặc rồi lại trở về với tiếng ru con à ời, tiếng vông tre đưa kéo kẹt trưa hè, về với lam lũ ruộng đồng chợ búa, với "Quanh năm buôn bán ở mom sông". Thật hiền lành chất phác.

Khí phách anh hùng của người phụ nữ Quảng Ngãi, cũng như người phụ nữ Việt Nam được thể hiện trong những cuộc đấu tranh của dân tộc vì độc lập, tự do, vì tiến bộ xã hội, góp phần tô thắm cho những trang sử oai hùng của quê hương Quảng Ngãi.

TRUYỀN THỐNG YẾU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG CỦA PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRƯỚC KHI ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUẢNG NGÃI RA ĐỜI

Nhân dân Quảng Ngãi, trong suốt chiều dài lịch sử đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh liên tục, bền bỉ, anh dũng trong lao động sản xuất và chống áp bức xã hội. Dưới ách thống trị hà khắc của tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn đã có rất nhiều cuộc đấu tranh của đồng bào kinh và đồng bào các dân tộc ít người ở miền Tây Quảng Ngãi liên tiếp nổ ra từ nửa cuối thế kỷ XVI, và mạnh mẽ trong suốt thế kỷ XVII, XVIII. Năm 1695, nhân dân miền núi đã tham gia phong trào đấu tranh chống áp bức do ông Lịch cầm đầu, tiếp theo đó là cuộc khởi nghĩa do ông Bá lãnh đạo vào thế kỷ XVIII.

Năm 1750, chúa Nguyễn đặt 6 đạo binh để đối phó lại phong trào đấu tranh của nhân dân miền núi. Nguyễn Cư Trinh người Nghệ An, lúc bấy giờ làm tuần vũ Quảng Ngãi, đã đem quân lên đàn áp các cuộc nổi dậy, kéo dài đến hàng chục năm mới tạm yên. Song nhân dân không chịu khuất phục, những cuộc đấu tranh liên tục nổ ra kéo dài hàng trăm năm, mà sử sách triều Nguyễn gọi là "Sự kiện Đá Vách". Trong phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn (1773 - 1802), đồng bào miền Tây Quảng Ngãi đã tích cực tham gia, tạo thành căn cứ "Tây Sơn tả đạo". Vùng này là một trong những căn cứ xuất phát của phong trào nông dân Tây Sơn, cùng với miền đồng bằng Quảng Ngãi, cung cấp nhiều tướng lĩnh và nam nữ nghĩa quân cho cuộc khởi nghĩa. Phong trào nông dân Tây Sơn từ đất Bình Định lan nhanh ra Quảng Ngãi, là đỉnh cao của phong trào nông dân ở nước ta vào cuối thế kỷ XVIII ; đã đánh đổ các tập đoàn phong kiến trong nước,

thống nhất Tổ quốc, đánh bại quân xâm lược Xiêm La, Mãn Thanh. Đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ về phong trào nông dân Tây Sơn ở Quảng Ngãi, mà chắc chắn người phụ nữ đã có một vai trò tích cực. Câu ca dao "Anh đi theo chúa Tây Sơn, Em về cày cuốc mà nuôi mẹ già" được truyền tụng khá phổ biến ở Quảng Ngãi. Ngoài nữ tướng tài ba Bùi Thị Xuân và đạo binh nữ của bà, phụ nữ Quảng Ngãi còn có hai người : Huỳnh Thị Cúc, Nguyễn Thị Dung, được xếp vào nhóm "Tây Sơn ngũ phụng thư" (Năm nữ tướng tài Tây Sơn) (1).

Bà Huỳnh Thị Cúc, quê làng Đông Quang, phía nam huyện Bình Sơn (nay là Sơn Tịnh) (2) cùng anh, là Huỳnh Văn Thuận, liên kết với Trần Quang Diệu lập căn cứ Tuyên Tung, (thuộc xã Bình An, Bình Sơn).

Bà Nguyễn Thị Dung, quê làng Lạc Phố, tổng Lại Đức huyện Mộ Hoa (nay thuộc Đức Nhuận, Mộ Đức)(3) vợ Đốc đốc Tây Sơn Trương Đăng Đồ (quê Mỹ Khê, nay là xã Tịnh Khê, Sơn Tịnh). Khi Thăng Long bị quân Nguyễn Ánh đánh chiếm, Trương Đăng Đồ và Nguyễn Thị Dung đã cùng tuấn kiệt

Triều đại Tây Sơn suy sụp, người phụ nữ lại tiếp tục cuộc sống khổ nhục dưới chế độ phong kiến nhà Nguyễn, rồi chịu thêm sự đô hộ của thực dân Pháp mà Nguyễn Ánh đã cam tâm "Rước voi giày mà lố". Tháng 8 năm 1858, hạm đội Pháp và Tây Ban Nha đánh phá Đà Nẵng, tháng 6 năm 1864, Pháp đã buộc triều đình Huế ký hiệp ước Pa-tơ-nốt công nhận quyền bảo hộ của Pháp đối với Việt Nam.

(1) Nhà Tây Sơn - Quách Tấn, Quách Giao - Sở VH TT Nghệ An XB 1988. Nhóm "Tây Sơn ngũ phụng thư" có Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Nhạn, Nguyễn Thị Dung, Huỳnh Thị Cúc, Trần Thị Lan (trang 71).

(2), (3) Nhà Tây Sơn - Sđd - trang 71.

Câu hát của nhân dân xứ Quảng lúc bấy giờ âm thầm nhắc nhở lòng người :

*"Từ ngày Tây đến cửa Hàn
Lấp sông Cầu Nhí, đào vàng Bồng Miêu
Dặn tấm lòng ai đó đừng xiêu
Ở vậy nuôi cha với mẹ sớm chiều đợi anh."*

Kể từ đây, nhân dân Quảng Ngãi và phụ nữ Quảng Ngãi không chỉ đấu tranh chống áp bức của chế độ phong kiến, mà còn là cuộc đấu tranh quyết liệt, không khoan nhượng, một mất một còn với thực dân Pháp.

Khắp nơi trong cả nước đã nổi lên phong trào Cần Vương. Tại Quảng Ngãi, nhân dân đã cầm vũ khí, hưởng ứng phong trào Cần Vương do cử nhân Lê Trung Đình và tú tài Nguyễn Tự Tân (1) lãnh đạo nổ ra từ 13-7-1885 (tám ngày sau khi vụ biến ở kinh thành Huế bùng nổ). Phong trào đã bị Nguyễn Thân phản bội, đàn áp đẫm máu, Nguyễn Tự Tân bị giết tại trận, Lê Trung Đình bị xử chém bên bờ sông Trà Khúc. Trước khi chết, Lê Trung Đình còn đọc những câu thơ bất hủ thể hiện khí phách hiên ngang trước quân thù.

*"Nay là chìm trong lòng
Mai là cá nằm trên thớt
Thân này tiếc gì đâu
Gián nan tình đất nước".*

(1) Lê Trung Đình người làng Phú Nhơn - Sơn Tịnh,
Nguyễn Tự Tân người làng Phước Thọ - Bình Sơn

Tuy bị đàn áp, nhưng phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi vẫn lan rộng và liên kết với phong trào ở 2 tỉnh bạn là Quảng Nam và Bình Định, kéo dài suốt 3 năm liền (1886 - 1888) dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Bá Loan và Tôn Tường (1). Cuối cùng phong trào bị Nguyễn Thân đàn áp. Cuộc khởi nghĩa này cũng đã góp phần khơi nguồn và hun đúc những gì đẹp đẽ và quý giá nhất trong bản chất người phụ nữ Quảng Ngãi thuộc dòng dõi trâm anh thế phiệt : Trịnh Tuyết Anh (2). Bà là một tiểu thư con nhà quan, thông minh hiếu hạnh văn võ song toàn, là vị hôn thê của Nguyễn Thân. Nhờ những tư chất đẹp, lại được sống trong phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân, bà đã nhận thức được cái nhục "vong quốc nô". Bà dũng cảm phá bỏ một tập tục hàng ngàn năm trong lễ giáo phong kiến mà người phụ nữ phải gánh chịu : từ bỏ lời cầu hôn của Nguyễn Thân, cải dạng nam trang, theo Nguyễn Bá Loan tỵ nghĩa và đã nảy sinh một mối tình tuyệt đẹp giữa hai người. Cùng quân khởi nghĩa bà chiếm đầu ba năm liền và hy sinh khi chưa tròn 20 xuân xanh. Đây là một hình ảnh đẹp, cao quý của người phụ nữ Quảng Ngãi - Vừa cần gươm, vừa cầm bút tham gia đánh giặc ; từ bỏ giàu sang phú quý, môn đăng hộ đối, chọn ngay người chí sĩ yêu nước, để rồi cùng người yêu xông trận.

Mặc dù những cuộc đẩy bính khởi nghĩa đều bị thất bại, phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi vẫn không bị dập tắt.

-
- (1) Nguyễn Bá Loan (con của thượng thư Nguyễn Bá Nghi) người làng Lạc Phố, Đức Thắng - Mộ Đức, Tôn Tường người làng Đồng Dương, Tịnh Ấn - Sơn Tịnh.
 - (2) Trịnh Tuyết Anh, sinh năm 1870 tại làng Quyết Lâm, Mộ Đức. Khi thoát khỏi sự trói buộc của Nguyễn Thân, về với Nghĩa Hội, bà đã làm nhiều bài thơ hay, nói lên chí khí người phụ nữ không kém gì nam nhi (xem phụ lục).

Nhân dân Quảng Ngãi lại đứng lên đấu tranh dưới ngọn cờ chống Pháp của một nông dân nghèo Thái Thú (1894) ; tiếp sau đó là cuộc vận động chống Pháp của Trần Du lan rộng từ Thừa Thiên đến Bình Thuận.

Người phụ nữ Quảng Ngãi liên tục tham gia đấu tranh từ phong trào Cần Vương đến những phong trào tiếp sau đó là bà Võ Thị Đệ (1) nhân dân thường gọi là Hộ Gà. Bà tham gia từ cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình 1885. Trong cuộc khởi nghĩa 1886 - 1888, do Nguyễn Bá Loan cầm đầu, bà là một nữ quân lương dũng cảm, dọc ngang trên sông Trà Bồng để tiếp tế cho nghĩa quân hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi suốt ba năm liền. Sau đó bà tham gia tuyên truyền cổ động cho phong trào Đông Du. Trong cuộc khởi nghĩa 1916, bà đảm nhận việc quân lương, được nghĩa quân suy tôn là "Hộ quốc mẫu nghi".

Các cuộc khởi nghĩa do sĩ phu yêu nước lãnh đạo bị đàn áp, phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi thất bại, nhưng phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi không vì thế bị dập tắt, mà chuyển sang một hướng mới. Lúc này thực dân Pháp đã thiết lập được bộ máy cai trị ở nước ta, và bắt đầu khai thác nhân tài vật lực phục vụ chính quốc.

Để hưởng ứng phong trào Đông Du do cụ Phan Bội Châu đề xướng, tại Quảng Ngãi, cử nhân Lê Đình Cẩn (2) cùng một số thân sỹ yêu nước lập ra Hội Duy Tân. Nhiều thanh niên yêu nước Quảng Ngãi cũng tích cực tham gia vào phong trào này, trong đó có Võ Quán (cháu bà Hộ Gà).

Cử nhân Lê Đình Cẩn, cùng cụ tú Trần Kỳ Phong, Lê Ngung

-
- (1) Võ Thị Đệ, sinh 1861 tại thôn An Diêm, xã Bình Chương - huyện Bình Sơn, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa do Lê Trung Đình lãnh đạo mà bà đã tham gia, bà lấy chồng là Đoàn Như Thiện - một cử nhân yêu nước, bất hợp tác với giặc - và chuyển về quê chồng là thôn Nhơn Hòa, xã Bình Tân, huyện Bình Sơn.
- (2) Lê Đình Cẩn, người ở làng La Hà, huyện Tư Nghĩa.

khởi xướng, lãnh đạo phong trào Đồng Bào (1906 - 1907). Những người tham gia phong trào đều mặc quần áo cộc, cắt tóc ngắn để tỏ sự đồng tâm hiệp lực, cùng nhau chống áp bức bất công. Trong phong trào cải cách này, vượt qua mọi lễ nghi phong kiến, phụ nữ Quảng Ngãi tham gia đông đảo, biểu lộ tư tưởng yêu nước, tiêu biểu là bà Hộ Gà. Khi được cụ tú Trần Kỳ Phong khuyên nên cẩn thận hơn, bà đáp: "mình làm sự phải, dầu có hy sinh cũng vui lòng, việc quốc gia đại sự ai cũng phải có nghĩa vụ đóng góp".

Năm 1908 ở Quảng Ngãi nổ ra một phong trào rất rầm rộ, sôi nổi, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia, kể cả một số Hương lý, Chánh tổng : phong trào kháng sưu, chống thuế. Nhân dân trong tỉnh đã mang theo cơm nước, gậy gộc để kéo đến tỉnh thành đấu tranh từ ngày 24-3-1908 - 23-4-1908. Một số người lãnh đạo chủ chốt như Lê Tự Khiết, Nguyễn Bá Loan đã bị giặc bắt và xử chém ở phía đông thành Quảng Ngãi. Hàng loạt cụ Tú, Cử bị bắt như Trần Kỳ Phong, Phan Long Bằng... Cụ Tú Tuyên (cha của đồng chí Nguyễn Nghiêm) cùng hàng ngàn nhân dân trong tỉnh cũng bị bắt trong phong trào này.

Bà Hộ Gà là người tổ chức vận lương rất đắc lực. Dưới sự chỉ đạo của bà, đội nữ đã đi vận động, quyền góp lúa gạo, xay giã nấu cơm tiếp tế cho hàng vạn người cứ ngày càng tăng thêm trong 28 ngày vây thành. Trong đợt đấu tranh này bà bị bắt, nhưng vẫn giữ khí tiết bất khuất, địch không khai thác gì được, buộc phải thả về.

Phối hợp với phong trào đấu tranh ở đồng bằng, phụ nữ cùng với nhân dân các dân tộc ít người ở Ba Tơ kéo xuống đánh chiếm đồn giặc ở Đức Phổ. Trong cuộc chiến đấu tại đồn Liệt Sơn nhiều người bị bắt. Một nữ nghĩa quân miền núi tỏ rõ khí phách hiên ngang khiến cho Pháp và tay sai phải cảm phục : "Có một con Mọi gái thay mặt mà gián tiếp, tỏ trong lúc ấy có một cái thông minh và nghị lực hiếm có" (1)

(1) Trích Nguyễn Bá Trắc "Quảng Ngãi tỉnh chí" 1933 - Tài liệu đánh máy trang 42, lưu tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi.

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất nổ ra (1914 - 1918), thực dân Pháp và tay sai phong kiến tăng cường vơ vét của cải và bắt lính, càng khoét sâu thêm các mâu thuẫn về dân tộc, giai cấp. Tại Quảng Ngãi nảy sinh phong trào "Việt Nam Quang phục hội", do các ông Lê Ngung và Nguyễn Thụy chủ trương.

Nhà bà Hộ Gà là địa điểm hội họp thường xuyên của những người lãnh đạo. Mặc dù đã già yếu, bà vẫn được cử giữ chức "Biện lương sứ" mà bà đã làm từ những phong trào trước đó. Bà đã dạy dỗ con cháu đi theo con đường của những người yêu nước chống Pháp : Người con trai lớn là Đoàn Cổ làm nhiệm vụ vận chuyển quân lương, người con thứ là Đoàn Triết tham gia vào đội tân binh, cô gái út cùng bà lo liệu việc tiếp tế. Kế hoạch khởi nghĩa chuẩn bị chu đáo, nhưng cuối cùng bị bại lộ. Những người lãnh đạo bị bắt và bị xử tử, hơn 40 người khác bị đày ở nhà tù Lao Bảo, Thái Nguyên. Hai người con trai của bà Hộ Gà bị tù đày, Đoàn Cổ chết tại Lao Bảo. Không những bị bắt, bà còn bị giặc tịch thu và cướp phá tài sản của gia đình. Giặc ra sức dụ dỗ và tra tấn, bà chửi vào mặt chúng : "Tao đầu chết mà cái tiết vẫn còn, mọi người sẽ lấy đó làm gương tru diệt hết quân cướp nước lũ này, đừng hòng tao nói ra điều gì di hại đồng bào, đồng nhân của tao..." (1) Trong lao tù, bà vẫn luôn luôn đọc thơ ca, sáng tác hò vè để vạch mặt kẻ thù, khơi gợi lòng yêu nước. Trải qua ba năm tù tội và nhục hình, cuối cùng địch phải trả tự do cho bà. Sau này Nguyễn Bá Trắc làm đến chức Tuần vũ Quảng Ngãi đến thăm và dụ dỗ bà, bà đã máng khéo : "Ông Tuần học rộng, biết nhiều, chắc còn nhớ tích bà phiêu mẫu nuôi Hàn Tín từ bạo Tần để an dân trong thiên hạ chứ. Già này chỉ ước mình chọn không phải mặt đã gò vàng, bây giờ nghĩ lại hổ thẹn quá" (2).

Già yếu, bà Võ Thị Đệ không thể trực tiếp tham gia đấu tranh, song bà luôn luôn ủng hộ phong trào Phục việt, Hưng nam, Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Quảng Ngãi bằng cách bán

(1) (2) "Sao sáng Sông Trà" - Hồng Sinh - Hồng Phú - Hội văn nghệ Nghệ An XB 1975 - trang 102

ruộng đất lấy tiền mở các hiệu buôn, như Quảng Chánh, Quảng Lộ, Quảng Hòa tế, làm quỹ cho các tổ chức yêu nước hoạt động.

Trong suốt thời kỳ dài đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta đến trước khi có Đảng, bà Hộ Gà đã chung thủy cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Khí tiết, bản lĩnh và sự đóng góp của bà đã được nhân dân biết đến, quân thù nể sợ. Khi bà mất, cụ Từ Trần Kỳ Phong và các văn hào nghĩa sĩ cùng nhân dân phúng viếng rất đông. Cụ Tú Trần đã có những câu viếng nói lên công đức của bà (1). Bên cạnh bà Hộ Gà, còn rất nhiều người mẹ, người vợ, người em gái Quảng Ngãi đã cùng chồng, con, anh em mình tham gia vào các phong trào yêu nước này : Bà Võ Thị Vàng, bà Nhất, bà Chơn, bà Trần Thị Viêm, bà Tú Cơ, Trương Thị Mẫn...

Chị em phụ nữ miền núi cùng nhân dân ở đây, tham gia hầu hết các phong trào chống thuế, đánh địch lòng bất, làm bót, xây đồn ; do Đình Tôn, Đình Mút, Đình Rin (Minh Long) ; Đình Đoàn, Đình Đầu, Ba Rua, Ba Roi (Ba Tơ) ; Đình Ổ ở vùng Tà - Vóc, Bó Hét ở Sơn Hà ; Đình Bó ở Trà Bồng lãnh đạo từ năm 1900 - 1925. Tinh thần đấu tranh bất khuất kiên cường của nhân dân, trong đó phụ nữ người dân tộc ít người, gắn liền với các chiến tích ở Đá Vách, Cà Dam,... đã khiến bọn giặc khiếp vía một thời.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, bọn tay sai Pháp ra sức

-
- (1) "Đảo tận quần thoa lưu, bát thập xã thôn trung xuất nhân đầu địa ;
Túc vi phụ nữ giám, nhị thập thế kỷ hậu văn giả tác hưng".

Tạm dịch : "Tìm khắp trong hàng khăn yếm ở tám mươi làng xã,
chỉ xuất hiện một người đứng trụ.
Nếu tám gương sáng cho hàng nữ giới của thế kỷ 20
này làm giả noi theo".

Một câu khác : - "Xã hội từ tám, bát chốn hoàn qui hiền lão ấu ;
Món phong tảo nghĩa khí, thiên thu hoài ức nữ anh thư"

Tạm dịch : "Xã hội nếu lòng tốt, tám mươi tuổi qua đời người mẹ nghĩa.
Đấu nhà còn khí tiết, nghiệp thu nhớ mãi vị anh hùng".

(Theo "Sao sáng sống Trà" Số 105)

cổ động phong trào "Rồng nam phụng bạc, đánh đổ Đức tặc". Phụ nữ Quảng Ngãi đã đi đầu phong trào đấu tranh không cho con em mình đi lính sang Tây làm bia đỡ đạn. Bao nhiêu cuộc náu kéo, lời tri, bao lần tử tế to nhỏ, bao nhiêu câu hát giọng hò vang lên, nhằm thức tỉnh những lính khổ đỏ muốn sang Tây :

"Anh ra đi lính cho Tây

Đầu tên mũi đạn bỏ thân nơi chiến trường.

Anh ra đi cha nhớ mẹ thương..."

Có những câu hò phổ biến đến mức thành bài hát mẹ ru con nói lên tấm lòng thủy chung, không màng danh lợi của người phụ nữ :

"Kể từ mộ lính đi Tây

Tiền đây không chịu, bạc đây không màng

Ở nhà cơm nguội muối rang

Bữa ăn có thiệp, có chàng mới vui

Anh ra đi mẹ già bỏ lại ai nuôi

Con thơ nó khóc ngủi ngủi thắm chưa..."

Những cuộc đấu tranh của phụ nữ, cũng như nhân dân Quảng Ngãi và cả dân tộc Việt Nam trước khi có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo, tuy rất ngoan cường, bất khuất, liên tục nhưng đều kết thúc thất bại. Những năm 20 của thế kỷ XX, phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam lâm vào khủng hoảng "như trong đêm tối không có đường ra". Nguyễn Ái Quốc - Bác Hồ kính yêu - đã tìm con đường cứu nước đúng cho dân tộc, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, thành lập Đảng. Từ đây, phụ nữ Việt Nam đã có người dắt dẫn để cùng với toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, cũng là giải phóng cho chính mình.

Đồng thời, sau chiến tranh thế giới thứ nhất, với chính sách khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến sâu sắc. Trong giới phụ nữ Việt Nam, cũng như ở Quảng Ngãi cũng chịu tác động, ảnh hưởng của chuyển biến này.

Trước hết, do mục đích thống trị và khai thác tài nguyên, thực dân Pháp đào tạo một số người học chữ quốc ngữ, chữ Pháp. Một bộ phận tây học xuất hiện và ngày càng đông đảo. Một số người học ở trường huyện, tỉnh ; số khác được học cao hơn ở Huế, Hà Nội, trong đó có một số phụ nữ. Xã hội Việt Nam phân hóa rõ hơn.

Một phần dân số sống ở nông thôn đi phu phen tạp dịch ở đồn điền cao su, chè, mỏ than, đường xe lửa, bến tàu... tầng lớp công nhân ngày càng đông. Bộ phận làm cai ký, lục sự, một số người bán hàng ngoại quốc theo đó xuất hiện. Những tư tưởng mới về tự do, dân chủ cũng được truyền nhanh chóng hơn. Lúc này tầng lớp phụ nữ chiếm một tỷ lệ lớn và đã có ý thức giác ngộ nhất định về giới của mình : Con gái cụ Nguyễn Đình Chiểu đã làm chủ bút một tờ báo mang tên "Nữ giới chung" để bênh vực quyền lợi nhân phẩm cho phụ nữ. Hai tiếng "Bình đẳng" cũng được đề ra và nâng cao dần. Không khí dân chủ, vai trò người dân cũng được tôn trọng hơn "Quốc đi dân vi bản"(1). Ngọn cờ Cần Vương không còn phù hợp trong tình hình mới, các sĩ phu nho học cũ đã lần lượt học hỏi bổ sung, trao đổi với nhau để những người theo nho học và tây học cùng có trách nhiệm với đất nước.

Cụ ú Trần Kỳ Phong đã làm những bài thơ vạch trần sự bất công của một dân tộc bị nô lệ và kêu gọi nhân dân đứng lên theo trào lưu tư tưởng mới lúc bấy giờ :

*"Cày bừa nghĩ cũng gay go,
Người ta ăn gạo, trâu, bò ăn rơm.
Người cày mà bị đói cơm,
Mấy anh thợ ngói lấy rơm lợp nhà
Buồn cho các chú thợ da,
Trong lưng không nịt, đi ra không giày.
Buồn cho những chú thợ may,
Bao nhiêu quần áo trao tay cho người
Nói ra giờ khóc giờ cười,
Người làm không hưởng, đứa xơi không làm"* (2).

Ông kêu gọi :

*"Xây nền bác ái đầy Mĩ khác
Làm chuyện Tam vô đó : Liệt Ninh !"*(3)

Tác động mạnh mẽ nhất đến phong trào yêu nước, đến phụ nữ

(1) . Nước lấy dân làm gốc

(2) (3) Thơ văn Yêu nước Cách mạng Quảng Ngãi- Sđt trang 62

là tiếng nói mới mẻ của Nguyễn Ái Quốc được truyền về Việt Nam qua sách báo tiếng Pháp, như "Người cùng khổ", nhất là "Bản án chế độ thực dân Pháp". Số phận người phụ nữ Việt Nam, phụ nữ các thuộc địa được khắc họa rõ nét trong tác phẩm của Người : "Không có chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược của bọn xâm lược: ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, ở đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của các quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga... Thói dâm bạo ở thuộc địa là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được... Dẫu có diễn tả thế nào đi nữa cũng không nói hết được sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào, một thời đại nào người ta lại phạm mọi quyền làm người một cách dã man độc ác đến thế"(1)

Người đã vạch trần sự bi ối của cái gọi là nền văn minh mẫu quốc : "Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng văn minh dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lý v.v... được tượng trưng bằng hình ảnh một người đàn bà dịu hiền và được một hạng người nổi tiếng là hào hoa phong nhã ra sức điểm tô - Lại đối xử một cách hết sức bi ối với người đàn bà bằng xương bằng thịt và xúc phạm một cách vô liêm sỉ tới phong hóa, trình tiết và đời sống của họ" (2)

Những nhận định của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tạo ra một trong những tiền đề quan trọng về mặt nhận thức cho cuộc đấu tranh của dân tộc, giai cấp nói chung và của nữ giới nói riêng. Nhằm phù hợp với tình hình mới này, một số bài báo, một số mảng văn học nghệ thuật đã lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh vì quyền lợi phụ nữ. Để khen tở "NỮ GIỚI CHUNG", do bà Trương Nguyệt Ánh phát hành năm 1918, đã có những câu thơ :

"Vang lừng nữ giới nặng dùi chông

Thúc đẩy quần thoa thoát cửa buồng"

Các hình thức hoạt động văn nghệ khác khá sôi nổi : "Gánh hát

-
- (1) Nguyễn Ái Quốc - *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật 1959 - trang 37.
 - (2) Nguyễn Ái Quốc - *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nhà xuất bản Sự Thật, 1960 - trang 114.

đồng nữ", "Nữ lưu thư quán", các vở tuồng "Giọt lệ chung tình", "Bên tình bên nghĩa"... Một số sách báo nói về phụ nữ bị cấm lưu hành trước đây bây giờ được đông đảo độc giả biết đến : "Gương nữ kiệt" của Phạm Thị Bạch Vân", "Giang hồ nữ hiệp" và "Nữ anh tài" của Hoàng Thị Tuyết Hoa, "Băng tâm ngọc chất" của Huỳnh Anh Thơ...

Tại Quảng Ngãi, lúc bấy giờ cũng xuất hiện nhiều cuộc vận động mới như phong trào chấn hưng công thương nghiệp, phong trào "Cải lương hương chính", "phong trào tương tế ái hữu và hội đồng canh", phong trào đòi thả cụ Phan Bội Châu năm 1925 và để tang cụ Phan Chu Trinh năm 1926...

Song song với các phong trào là sự ra đời của các tổ chức như "Hội thiếu niên Ái Quốc" do Trần Toại, Hồ Độ, Lê Trọng Kha, Võ Sỹ... chủ trương ; "công ái xã" do Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Nguyễn Thiệu, Lê Ngọc Thụy... thành lập. Các tổ chức này có xu hướng tiến bộ, muốn tìm phương hướng đấu tranh mới song vẫn còn lúng túng, không đáp ứng được tình hình mới. Tổ chức Tân Việt Đảng được thành lập ở Quảng Ngãi, cũng không phát triển, vì vẫn không phù hợp nguyện vọng nhân dân.

Lúc bấy giờ một số nhà trí thức người Quảng Ngãi học ở các trường Hà Nội, Huế nhanh chóng tiếp thu các luồng tư tưởng mới trong và ngoài nước, tiêu biểu là Phạm Văn Đồng (học ở Quốc học, Huế, rồi trường Bưởi, Hà Nội) ; Nguyễn Thiệu học ở Huế và Trương Quang Trọng (học ở trường thuốc Hà Nội). Sau khi tham gia các phong trào đòi thả Phan Bội Châu, để tang Phan Chu Trinh ở Hà Nội và Huế, các ông đã trở về Quảng Ngãi và liên hệ với các tổ chức cách mạng trong tỉnh. Từ những năm 1926, 1927, các ông đều được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện cách mạng do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và giảng dạy. Các ông đã tham gia Việt nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội - tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1927, Tỉnh bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội Quảng Ngãi chính thức hoạt động theo nội dung mới. Đồng chí Nguyễn Thiệu - người tham gia vào tổng bộ thanh niên và phụ trách kỳ bộ Trung kỳ - tham gia cuộc họp thành lập tỉnh bộ.

Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Quảng Ngãi

phát triển nhanh chóng, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đường lối của Hội qua thơ ca hò vè yêu nước của các cụ Trần Kỳ Phong, Trần Toại, Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm, Lê Trọng Kha...

Một trong những người phụ nữ đầu tiên tham gia Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Quảng Ngãi là Nguyễn Thị Du(1). Ngoài việc góp phần tích cực vào các hoạt động của tỉnh bộ, bà còn là một cây bút nữ xuất sắc lúc bấy giờ. Có lần, báo "Tiếng dân" đã kích phong trào Cách mạng, bà là một trong những hội viên lên tiếng phản đối, với bài thơ "Ngò cùng báo Tiếng dân" :

"Cái bút chào đời : báo "Tiếng dân"

Năm châu bốn biển tiếng rền vang.

Tiếng nhà, tiếng nước, bao nhiêu tiếng,

Dân chủ, dân quyền, đủ loại dân.

Trong dân có những người cố tiến,

Cố tiến làm cho thỏa ý dân.

Gọi nhau đứng dậy giành tự chủ,

Mới xứng rằng đây : báo "Tiếng dân".

Quảng Ngãi năm 1928(2)

Theo dòng phát triển tất yếu của lịch sử, những năm cuối thập kỷ 20 của đầu thế kỷ này, xu hướng cộng sản trong phong trào cách mạng ở nước ta, cũng như ở Quảng Ngãi thể hiện ngày càng rõ. Từ cuối năm 1928, có nhiều cuộc họp ở tỉnh bộ, kỳ bộ và cả nước để cập chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản. Đầu tháng 5 năm

(1) Nguyễn Thị Du, hiệu Song Nghĩa, sinh năm 1904 trong một gia đình yêu nước tại thị xã. Bà là bạn học của Phạm Văn Đồng, Trương Quang Trọng, Nguyễn Thiệu ở Huế. Đầu bằng thành chung năm 1924 - Nguyễn Thị Du mến tài đức Trương Quang Trọng và trở thành đôi bạn tri kỷ. Bà làm khá nhiều bài thơ nêu cao tình thần yêu nước (xem phụ lục).

(2) Thơ văn yêu nước Cách mạng Quảng Ngãi, Sđd, trang 89.

1929, đồng chí Trương Quang Trọng - Bí thư Tỉnh bộ Quảng Ngãi - được kỳ bộ Trung kỳ cử làm đại biểu tham gia đại hội của tổng bộ tại Quảng Châu (Trung Quốc)(1). Do khác nhau về quan điểm giữa các đại biểu, nên đại hội không hình thành được một tổ chức Cộng sản thống nhất toàn quốc.

Cuối tháng 7 năm 1929, tại đỉnh núi Xương Rồng (nay thuộc xã Phổ Phong, Đức Phổ), đồng chí Trương Quang Trọng triệu tập hội nghị chuyển Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội trong tỉnh thành tổ chức "dự bị Cộng sản", để hoạt động và chờ sự ra đời của tổ chức Đảng Cộng sản trong toàn quốc. Hội nghị quyết định 2 đồng chí Nguyễn Nghiêm (ở Nam Trà), Phạm Viết My (ở Bắc Trà) có trách nhiệm lo công tác Đảng trong tỉnh và bắt liên lạc với cấp trên. Công việc chuẩn bị thành lập tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi đang tiến hành khẩn trương thì tháng 8 năm 1929, 20 đồng chí trong tổ chức bị dịch bắt, trong đó có Trương Quang Trọng (2), Nguyễn Thiệu. Trong quá trình chuyển Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội thành tổ chức Đảng Cộng sản trong tỉnh, Trần Thị Hiệp đã góp phần công sức của mình. Trần Thị Hiệp sinh năm 1910 trong

-
- (1) Trong số 15 đại biểu có mặt tại đại hội, tỉnh ta có 4 người đại diện cho các vùng khác nhau : Phạm Văn Đồng thay mặt cho kỳ bộ Nam kỳ ; Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng (Trung kỳ), Võ Tông (Thái Lan).
- (2) Đ/c Trương Quang Trọng bị đày đi lên nhà tù Kon Tum. Đồng chí đã hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh chống đi xâu làm đường 14 vào tháng 12-1931. Lúc này, Nguyễn Thị Du đang dạy học ở Đồng Hới (Quảng Bình), đã viết bài thơ "giữ trọn lời thề". Năm 1936, bà tìm đến viếng mộ Trương Quang Trọng và làm bài thơ "Viếng mộ liệt sĩ" :

"Nhật nguyệt soi ngời ngọn cỏ xanh.

Tám người liệt sĩ, chết toàn danh.

Máu rơi thêm thấm tình đồng chí,

Súng nổ không lay lăm nhiệt thành.

Xương trắng ai đền ơn đất đỏ,

Lòng son ta ấp nắm mồ xanh.

Cao trào cách mạng càng lên mạnh,

Tạc đá công người biết tử sanh"

Kon Tum 1936

(Thơ văn yêu nước Cách mạng Quảng Ngãi - Sđd (trang 93)

một gia đình yêu nước tại xóm Gò Huyện, làng Thi Phổ, huyện Mộ Đức. Những người anh của đồng chí đều tham gia các phong trào yêu nước và có mặt trong tổ chức Đảng Cộng sản ngay từ những ngày đầu. Trần Thị Hiệp gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội năm 1929. Khi tổ chức "dự bị Cộng sản" ra đời ở trong tỉnh, cùng một số người khác, đồng chí được cử vào Nam Kỳ, để tìm Đảng. Mùa xuân năm 1930, đồng chí được triệu tập trở về tỉnh, kết nạp vào Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quảng Ngãi. Không chỉ là một trong những đảng viên đầu tiên, Trần Thị Hiệp còn là nữ tỉnh Ủy viên đầu tiên của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.(1).

Trong thời kỳ này Võ Thị Vàng, Võ Thị Cơ, Trương Thị Mẫn, Nguyễn Thị Thông, Trần Thị Viêm, Huỳnh Thị Hồng Đào, bà Giáo Huột... và nhiều phụ nữ khác ở các huyện, thị trong tỉnh cũng tham gia hoạt động bằng nhiều cách rất cụ thể thiết thực, cho sự ra đời của tổ chức Cộng sản tại địa phương mình.

Tóm lại, cho đến khi Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ở Quảng Ngãi (1930), phụ nữ Quảng Ngãi đã tham gia đấu tranh trong các tổ chức yêu nước, các tổ chức tiền thân của Đảng với tinh thần và ý thức giác ngộ rất cao. Bằng nhiều hình thức đấu tranh phù hợp với giới tính, các mẹ, các chị đã hoạt động có hiệu quả như : tạo điều kiện cho chồng, con, em tham gia các phong trào yêu nước, phục vụ hậu cần cho các cuộc khởi nghĩa, làm thơ ca hò vè, viết báo, đóng tuồng... nhiều người còn cải dạng nam trang, trực tiếp cầm gươm súng đánh giặc. Những tên tuổi như bà Hộ Gà (Võ Thị Đề), Trịnh Tuyết Anh, Nguyễn Thị Du, Trần Thị Hiệp... tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, sự đóng góp tích cực của phụ nữ vào phong trào đấu tranh cách mạng của tỉnh. Họ đã đặt cơ sở cho việc hình thành phong trào phụ nữ tham gia cách mạng, hoạt động xã hội, một đội ngũ đông đảo phụ nữ đứng vào hàng ngũ Đảng, theo ngọn cờ Đảng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, dù ở vị trí then chốt gian khổ nhất hay những công việc thầm lặng, nhưng vô cùng quan trọng, trong những giai đoạn cách mạng sau này.

(1) *Tại Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng Bộ Đảng CSVN Quảng Ngãi, tháng 6-1930, họp tại làng Hùng Nghĩa, Đức Phổ, Trần Thị Hiệp trúng cử vào tỉnh ủy.*

CHƯƠNG HAI

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Mùa xuân năm 1930, Đảng bộ Quảng Ngãi cũng ra đời. Đó là sự phát triển phù hợp với quy luật tất yếu của lịch sử cách mạng trong nước và trên thế giới, mở đầu từ thắng lợi của Cách mạng Tháng 10 Nga 1917, nhân loại bước vào một kỷ nguyên mới : kỷ nguyên của chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không những soi đường chỉ lối cho các dân tộc, giai cấp bị áp bức trên thế giới đấu tranh thành công, mà còn chỉ ra một cách cụ thể nhiệm vụ của Đảng đối với phụ nữ, vai trò vị trí của người phụ nữ trong xã hội. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong quyển "Đường Cách Mệnh" đã giới thiệu về tổ chức phụ nữ quốc tế trong đó có đoạn :

"Ông Các Mác nói rằng : "Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào, thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà con gái, thì biết xã hội tiến bộ ra thế nào".

"Ông Lê-nin nói : "Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nẫu ăn cũng biết làm việc nước, như thế cách mệnh mới gọi là thành công" (1).

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một nguồn động viên to lớn cho giới phụ nữ, bởi vì Đảng đã xác định rõ vai trò, vị trí của phụ nữ khác hơn bất cứ tổ chức cách mạng nào trước đây. Trong Nghị quyết của Đảng (tháng 10 năm 1930), Đảng đã nhận định rằng : "Lực

(1) Hồ Chí Minh, tuyển tập, Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội, 1980 - tập I, trang 264, 265.

lượng cách mạng của phụ nữ là một cái lực lượng rất trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc tranh đấu cách mạng thì cách mạng không thắng lợi được. Bởi vậy nên công tác trong quần chúng phụ nữ không phải là một cái nhiệm vụ phụ thuộc của Đảng ; công tác ấy chính là một cái nhiệm vụ lớn và rất trọng yếu.(1)

Nghị quyết còn vạch rõ nỗi cơ cực của người phụ nữ lao động :
“Công nhân phụ nữ ở Đông Dương chiếm một phần lớn trong giai cấp vô sản. Bọn tư bản và bọn đế quốc càng ngày càng mở rộng cách “hợp lý hóa” dùng công đàn bà cho rẻ ; bởi vậy, số công nhân phụ nữ lại càng ngày càng thêm đông. Trong đám quần chúng lao khổ ở thành phố và ở nhà quê phụ nữ cũng chiếm một phần lớn. Tình hình sanh hoạt của hai hạng phụ nữ ấy rất cực khổ. Ngoài những cách bóc lột như nhiều giờ làm, ít tiền lương, họ lại bị phong tục bó buộc, bị coi là một hạng người tội mọi rất đê tiện trong xã hội, không có một tự do nào hết”(2).

Nghị quyết còn đề ra các hình thức tổ chức như “Phụ nữ hiệp hội” để tập hợp lực lượng của phụ nữ. Các khẩu hiệu đấu tranh nhằm đem lại quyền lợi thiết thân cho giới nữ : “Mỗi đảng bộ phải tổ chức cho được phụ nữ vào Đảng, vào Thanh niên Cộng sản Đoàn và các đoàn thể cách mạng. Cần đem các phần tử nữ vào các cơ quan chỉ đạo”.

Có đường lối của Đảng, phụ nữ Việt Nam hăng hái đấu tranh, góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng.

Trong cao trào cách mạng 1930-1931, phụ nữ Quảng Ngãi đã là một “lực lượng thật sự trọng yếu” đối với phong trào cách mạng trong tỉnh. Ngay từ những ngày đầu tỉnh Đảng bộ mới được thành

(1) *Văn kiện Đảng 1930-1945, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội 1978, trang 153, 154.*

(2) *Văn kiện Đảng, sđd, trang 153.*

lập, với số lượng đảng viên còn ít ỏi và được chọn lọc kỹ càng, đã có nhiều chị em được kết nạp vào Đảng. Một số chị còn giữ các vai trò trọng yếu ở các cấp ủy như : Trần Thị Hiệp (Mộ Đức), tỉnh ủy viên, Huỳnh Thị Diệu, Võ Thị Cơ (Đức Phổ), Nguyễn Thị Nhạn (Nghĩa Hành), Huỳnh Thị Tuyết (Mộ Đức), Lê Thị Hành (Bình Sơn), Phạm Thị Trinh (Sơn Tịnh)(1) ; các chị khác như : Phạm Thị Xuy (Bình Sơn), Huỳnh Thị Thăng (Ba Tơ), Trần Thị Trong, Trần Thị Viêm (Nghĩa Hành), Mai Thị Ёn, Mai Thị Thục (Sơn Tịnh), Trần Thị Lan (Tư Nghĩa)... đều là những đảng viên tiêu biểu, có uy tín đối với phong trào ở địa phương và nhiều chị lần lượt tham gia lãnh đạo trong cấp ủy.

Ngoài việc giáo dục, giác ngộ chị em đứng vào hàng ngũ của Đảng, Đảng bộ Quảng Ngãi còn mở thêm các lớp đào tạo cán bộ nữ, thành lập các tổ chức như "Phụ nữ đoàn" ở Tư Nghĩa, Mộ Đức, "Phụ nữ hiệp hội" ở Sơn Tịnh... để tập hợp đông đảo phụ nữ, lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh cách mạng của phụ nữ Quảng Ngãi, một tổ chức của giới đã ra đời, dù mới ở cấp cơ sở.

Điểm khác biệt của người phụ nữ Quảng Ngãi trong thời kỳ này là ngoài việc đóng góp trực tiếp vào các hoạt động chung của cách mạng, các chị còn sáng tác rất nhiều bài thơ nói lên lòng yêu nước và ý chí vùng lên đấu tranh chống bất công xã hội, kêu gọi giới mình tham gia cách mạng (2)... Những bài thơ ấy làm lay động lòng người, ở một số bài còn thấp thoáng bóng dáng của một tài hoa đang ẩn giấu.

-
- (1) Một số chị là Bí thư huyện ủy như Nguyễn Thị Nhạn (Nghĩa Hành), Lê Thị Hành (Bình Sơn).
 - (2) "Bon cho kíp người" của Trần Thị Hiệp, "Kêu gọi hành động", "Chị em mau đứng dậy", "Được mở mày", "Bảo bạn gái ra mắt", của Huỳnh Thị Tuyết, "Tự giữ mình" của Trần Thị Lan, "Chờ dịp tung ra", "Quét rác", "Ghé vai đờ lấy sơn hà", "Chỉ tuổi xuân", "Không nao núng"... của Phạm Thị Trinh, "Lời non nước", của Nguyễn Thị Nhạn... và còn rất nhiều chiến sĩ - nhà thơ khác. (Xem phụ lục).

Bài thơ của Trần Thị Hiệp, "Chỉ vui được làm người" không chỉ biểu lộ ý chí, quyết tâm của riêng mình, mà của các bạn cùng giới :

*"Một mình trần trở, nghĩ rồi lo
Tâm sự riêng ta chứa một bờ
Lặn nước khôn nguôi hồn Việt Nữ
Thù nhà hă chuyển chí đào tơ
Cổ chân đạp đổ hăm nô lệ
Cải cánh bay thành bóng tự do.
Xích thằng chường đó xin nổi lại
Vui được làm người, thỏa ước mơ".(1).*

Tháng 6 năm 1930, Đại hội đại biểu Đảng bộ Quảng Ngãi bầu ra ủy viên chính thức, do đồng chí Nguyễn Nghiễm làm Bí thư.

Phong trào đấu tranh của nông dân và công nhân toàn quốc cũng như tỉnh ta nói riêng ngày càng sôi nổi, truyền đơn được rải trên đường số 1 chạy qua địa phận tỉnh và cả ở cơ quan chính quyền địch. Ngày 1 tháng 5 năm 1930, tại một cuộc mít tinh ở Châu Me (Bình Sơn), nữ đồng chí Đào kêu gọi phụ nữ đấu tranh. Ở Mộ Đức, chị Trần Thị Minh (còn gọi là Trần Thị Chút), diễn thuyết ở cuộc mít tinh tại chợ Cà Đó (nay là chợ Đức Minh - Mộ Đức). Trong những ngày sục sôi khí thế cách mạng, bài "Bon cho kịp người" của Trần Thị Hiệp đã vạch ra nỗi thống khổ của người phụ nữ và thúc giục chị em mau đứng dậy đấu tranh :

...
*"Nay có Đảng dẫn đường chỉ lối
Lại có Đoàn mở hội đua tranh
Khắp nơi trống giục biểu tình
Chị em ta hãy bon cho kịp người".*

Trong những câu thơ của Huỳnh Thị Tuyết (nữ huyện ủy viên đầu tiên của huyện Mộ Đức) lại như có thép, có lửa làm cháy bùng

(1) *Thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Ngãi - sđd, trang 140.*

lên lòng yêu nước, xóa sạch chút mặc cảm tự ty nào đó còn sót lại, vốn dĩ là cái hạn chế của người phụ nữ trong chế độ phong kiến, để đứng dậy đấu tranh :

...

*Chồng đi thì đi với chồng
Con đi thì cũng một lòng với con
Cùng nhau giữ vững vương trôn
Dẫu rằng sông thác, dễ mòn lá gan !
Kết đoàn ta hãy đứng lên !
Cờ hồng phải trước, sắp hàng theo sau.*

...

*Dậy ! Dậy ! Dậy ! Mau ! Mau ! Mau !
Đất diu bẻ bạn, nhập vào cho đông
Tiến lên gánh vác non sông
Làm cho Cộng sản thành công mới là ! (1)*

Hưởng ứng cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh nổ ra từ tháng 9 năm 1930, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định lấy Đức Phổ là nơi nổ ra cuộc đấu tranh đầu tiên của tỉnh. Đêm 7-10-1930, gần 5.000 người, trong đó phụ nữ chiếm khá đông, kéo về biểu tình ở huyện đường Đức Phổ. Quan tri huyện hoảng sợ cùng tay chân bỏ huyện đường tẩu thoát. Lực lượng biểu tình kéo vào huyện đường tịch thu và đốt phá giấy tờ sổ sách của chúng rồi kéo về. Trong cuộc biểu tình đông đảo đầu tiên này, hai cô gái Trần Thị Phước và Mai Thị Tinh, khoảng 15-16 tuổi giương cao tấm băng ngay sau lá cờ đỏ búa liềm. Cũng trong thời gian này, chị em phụ nữ cùng nhân dân Mộ Đức tổ chức cuộc đấu tranh phối hợp. Trên đoạn đường quốc lộ I chạy qua huyện và trên đường số 5 (đoạn từ Thạch Trụ đi Ba Tơ), lực lượng quần chúng đã chặt cây ngã ra đường để làm chướng ngại vật ngăn cản lực lượng

(1) *Thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Ngãi, sách đã dẫn, trang 144.*

đàn áp của địch từ Quảng Ngãi vào, từ Ba Tư xuống. Trong lúc huy động và tập hợp quần chúng, nữ đồng chí Huỳnh Thị Tuyết đã đứng lên diễn thuyết.(1)

Sau cuộc biểu tình ở Đức Phổ, địch bắt giam một số đồng chí, đồng bào. Huyện ủy Đức Phổ đã tổ chức một số chị em phụ nữ vào huyện đường đấu tranh, với khẩu hiệu "thả những người bị bắt và để nhân dân tự do khai thác dầu rái ở núi Dầu". Với mục tiêu đấu tranh cụ thể, thiết thực, quần chúng hưởng ứng nhiệt tình, bọn cầm quyền đã phải nhượng bộ thả một số người.

Để kịp thời rút kinh nghiệm và tiếp tục phát động cao trào đấu tranh, ngày 13 tháng 10 năm 1930, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã mở hội nghị tại làng Nghĩa Lập (nay là thôn Nghĩa Lập thuộc Đức Hiệp, Mộ Đức). Hội nghị đã quyết định duy trì và phát triển phong trào, phát động một đợt đấu tranh tiếp theo, lấy huyện Sơn Tịnh và Mộ Đức làm trọng điểm. Các huyện khác tùy tình hình mà tổ chức đấu tranh cho thích hợp.

Ngày 30 tháng 10 năm 1930 (tức mùng 9-9 Canh Ngọ) hàng nghìn quần chúng ở các làng An Vĩnh, An Kỳ, Kỳ Xuyên (xã Tịnh Kỳ ngày nay), cùng các làng Sung Tích (xã Tịnh Long ngày nay), Châu Sa (xã Tịnh Châu ngày nay)... rầm rộ kéo về huyện lỵ Sơn Tịnh. Nữ đồng chí Mai Thị Thục cầm cờ đỏ búa liềm dẫn đầu đoàn biểu tình.(2)

(1) Huỳnh Thị Tuyết quê ở làng Văn Trường, xã Phổ Văn (Đức Phổ). Chồng là Trần Hàm - một trong những tỉnh ủy viên đầu tiên của tỉnh, quê Thị Phổ Nhất, xã Đức Tân (Mộ Đức). Đồng chí vào Đảng sớm, là nữ huyện ủy viên đầu tiên của huyện Mộ Đức. Hoạt động tích cực, bị địch bắt kết án 5 năm tù, sau bị bệnh chết.

(2) Đ/c Mai Thị Thục, quê ở thôn Nghiêm Quang, làng Tư Cung Bắc (nay xã Tịnh Hòa, Sơn Tịnh) sinh ra trong gia đình yêu nước, cả 3 chị em : Mai Thị Huợt (tức Ớn), Mai thị Thục, Mai Thị Triêm đều tham gia cách mạng. Mai Thị Thục là một trong những nữ đồng chí đấu tranh nổi tiếng trong nhà lao Quảng Ngãi giai đoạn 1932-1935.

Quần chúng đấu tranh quyết liệt buộc địch phải nhận yêu sách của ta, sau đó chúng đã bắt một số đồng chí, trong đó có Mai Thị Thục.

Đêm 16 tháng 11 năm 1930, một cuộc biểu tình lớn của nhân dân Mộ Đức đã nổ ra. Nữ Tỉnh ủy viên Trần Thị Hiệp cùng các đồng chí Huyện ủy viên của huyện Mộ Đức trực tiếp chỉ đạo cuộc đấu tranh này. Địch giả vờ nhận yêu sách hứa thực hiện một số điểm, nhưng tìm cách bắt những người cầm đầu, trong đó có nữ đồng chí Hiệp. Khi bị địch bắt, đồng chí đồng dạc thét lớn : "Tụi bay có súng đạn, lừa bắt tao, nhưng bay không thể nào ngăn được lòng phẫn nộ và khí phách hào hùng của đồng bào, đồng chí tao".

Không nao núng trước sự khủng bố của địch, chị Trần Thị Phối, người chỉ huy dự bị, tiến lên giành lấy cờ đỏ búa liềm từ tay giặc tiếp tục giương cao, dẫn đầu đoàn biểu tình.

Sau các cuộc biểu tình này, địch đã đặt hai huyện Mộ Đức, Sơn Tịnh dưới quyền giám sát của những sỹ quan Pháp. Trước đó, chúng đã phải huy động lính lệ dương ở Huế vào chung sức đàn áp, dựng lên hàng loạt đồn bót có lính khố xanh, bang tá để kịp thời đối phó với phong trào. Chúng vây ráp, đốt nhà, lùng bắt các chiến sĩ cách mạng, cho người đi hiểu dụ, phổ biến thơ văn nói xấu cộng sản. Quần chúng cách mạng vẫn giữ vững khí thế, làm chủ thôn xã, trừng trị bọn tay sai phản động chỉ điểm, ra sức tuyên truyền đập lại các luận điệu phản động của địch. Trong các cuộc đấu tranh, phụ nữ đã tỏ rõ lòng dũng cảm và khả năng của mình, nên nhiều người được phát triển vào tổ chức Đảng và Hội phụ nữ. Cùng với các tờ báo "DÂN CÀY", "KHÔN SỐNG", "TIẾN LÊN", của các Đảng bộ trong tỉnh, tờ "BẠN GÁI" cũng được phát hành làm vũ khí đấu tranh của phụ nữ. Nữ đồng chí Huỳnh Thị Tuyết đã làm bài thơ chào mừng sự ra đời của báo :

- "Bạn gái", ta nay tỏ ít lời
Nguyễn cùng non nước, tiếng reo vui
Nơi gương Trưng Triệu, trừ bạo tặc
Sánh bước Nga - Xô dựng cuộc đời
Xưa đã lừng danh đời thực nữ
Nay đâu cam phận kiếp tôi đòi
Đáng về càng thắm duyên chồng vợ
Đẹp cả non sông, rạng giống nòi !".

Các đồng chí Phạm Thị Trinh, Huỳnh Thị Tuyết tham gia rất sớm vào đội tuyên truyền xung kích của Tỉnh ủy.

Cuối năm 1930, nhiều đảng viên lãnh đạo (trong đó có nữ đồng chí Trần Thị Hiệp...) đã bị bắt. Địch tăng cường khủng bố, chúng đốt nhà các đồng chí lãnh đạo, trong đó có nhà đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Nghiêm. Các nữ đảng viên còn lại tiếp tục tuyên truyền, phát huy ảnh hưởng của Đảng, phát huy khí thế cách mạng bằng những công việc cụ thể : giúp đỡ số gia đình bị địch đàn áp, bắt bớ, đốt nhà, đấu tranh gìn giữ lực lượng còn lại ; trực tiếp tham gia việc liên lạc với các Đảng bộ trong và ngoài tỉnh.

Lúc này đồng chí Nguyễn Nghiêm cùng cơ quan Tỉnh ủy thường xuyên thay đổi chỗ ở từ Đức Phổ lên Nghĩa Hành, ra Sơn Tịnh... Đồng chí cũng tìm nhiều cách liên lạc với Đảng cấp trên và các tỉnh bạn. Mẹ con bà Trần Thị Viêm và nữ đồng chí Nguyễn Thị Nhạn hết sức chăm lo nơi ăn chốn ở cho cơ quan Tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Nghiêm. Nữ đồng chí Nhạn là một trong những người vượt qua nhiều khó khăn để giữ vững mối liên lạc giữa đồng chí Nguyễn Nghiêm với tỉnh Bình Định qua đồng chí Nguyễn Trần.

Trước sự đàn áp của kẻ thù, phong trào cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi vẫn dâng cao, lực lượng cách mạng phát triển mạnh, các tổ chức quần chúng được mở rộng, tổ chức Đảng phát triển đều khắp.

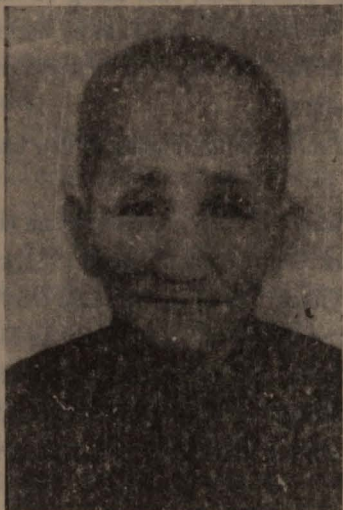


Đồng chí PHẠM THỊ TRINH

Tham gia cách mạng từ năm 1930, Bí thư Ban*

Chấp hành Lâm thời Phụ nữ Cứu quốc tỉnh

Quảng Ngãi (tháng 4-1945).



Đ/c TRẦN THỊ VIÊM

(Nghĩa Hành) cơ sở đặc biệt
tin cậy của Đảng từ
năm 1930.



Đ/c NGUYỄN THỊ NHẠM

Bí thư Huyện ủy huyện Nghĩa
Hành năm 1930.

Để kịp thời lãnh đạo và chỉ đạo phong trào, cuối tháng 12 năm 1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghiêm, Tỉnh ủy họp tại làng Đông Dương (nay thuộc xã Tịnh Ấn, Sơn Tịnh) để đánh giá tình hình và bàn biện pháp đẩy mạnh phong trào.

Sau hội nghị, một đợt đấu tranh mới diễn ra mạnh mẽ, đều khắp trong tỉnh :

Tại Sơn Tịnh, ngày 17 tháng 1 năm 1931, cuộc biểu tình của hơn 2.000 người thuộc tổng Châu đã nổ ra. Đêm 18 tháng 1 năm 1931, các làng Thọ Lộc, Trường Xuân, Ngân Giang, Hà Nhai, Lâm Lộc (nay là xã Tịnh Hà), Phước Lộc (nay thuộc xã Tịnh Sơn), xuống đường biểu tình thị uy. Cả hai cuộc biểu tình đều bị giặc Pháp đàn áp, làm chết và bị thương trên 30 người. Quần chúng vẫn xông lên đấu tranh, đòi chúng bằng bó cho chị Nguyễn Thị Hương và nhiều người bị thương khác, đòi bồi thường nhân mạng.

Ngày 19 tháng 1 năm 1931, 3.000 quần chúng Tây Sơn Tịnh xuống đường biểu tình dưới sự chỉ huy của các đồng chí Nguyễn Giám, Lâm Quang Mậu, Phạm Thị Trinh. Nữ đồng chí Trinh (1) cầm cờ dẫn đầu đoàn biểu tình từ Đồng Ké kéo về huyện lỵ. Trên đường đi, nhân dân tham gia vào cuộc biểu tình ngày càng đông. Đồng chí Trinh đã đứng lên diễn thuyết, nói rõ ý nghĩa mục đích, phát huy khí thế, đề cao sự lãnh đạo của Đảng. Với việc diễn thuyết và tuyên

-
- (1) *Đồng chí Phạm Thị Trinh, sinh năm 1914 tại làng An Phú (nay thuộc xã Tịnh Minh, Sơn Tịnh), trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Đồng chí tham gia cách mạng từ năm 16 tuổi và được kết nạp vào Đảng Cộng sản năm 1930. Đồng chí là thành viên rất tích cực trong đội tuyên truyền của Tỉnh ủy. Đồng chí Trinh đã kinh qua nhiều vị trí quan trọng của phong trào phụ nữ qua các thời kỳ : Hội trưởng kiêm Bí thư đảng đoàn phụ nữ Liên Khu V thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Ủy viên thường trực Ban phụ vận, kiêm trưởng Ban tổ chức TW Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Đại biểu quốc hội khóa 2, 3. Là vợ đồng chí Nguyễn Chánh.*

truyền trong các cuộc biểu tình, những nơi đông người qua lại, bãi chợ, bến tàu, đồng chí Phạm Thị Trinh đóng góp rất thiết thực, có tác dụng động viên giới phụ nữ nói riêng và nhân dân tham gia cách mạng.

Ở Sơn Tịnh, sau cuộc biểu tình của nhân dân tổng Thượng, là cuộc biểu tình của phụ nữ và nhân dân tổng Trung. Cuộc đấu tranh này bị lính lê dương từ thị xã kéo sang đàn áp.

Tại Tư Nghĩa, ngày 15 tháng giêng năm 1931, quần chúng ở Vạn Tượng đã kéo đi đòi tội bọn tay sai. Ngày 17 tháng giêng năm 1931, đồng bào Tây Tư Nghĩa biểu tình phối hợp với nhân dân ở Vạn Tượng, nữ đồng chí Trần Thị Lan cầm cờ dẫn đầu cuộc biểu tình này (1). Ngày 19 tháng giêng năm 1931 nổ ra cuộc đấu tranh của nhân dân vùng Đông Tư Nghĩa. Các cuộc đấu tranh này đều bị địch đàn áp dã man. Hầu hết những đồng chí lãnh đạo đều bị địch bắt.

Tại Bình Sơn, ngày 28 tháng giêng năm 1931, sau khi đồng chí Phạm Quang Lăng (Bí thư huyện ủy) bị bắt, đồng chí Lê Thị Hành (tức Sính) đã triệu tập một số đồng chí cốt cán ở các tổng trong huyện để thành lập lại Ban chấp hành Huyện ủy. Sau khi được củng cố, Huyện ủy đã tổ chức một cuộc đấu tranh quy mô lớn, từ bảy hướng quần chúng kéo về huyện lỵ. Nữ đồng chí Phạm Thị Xuy (2) cầm cờ dẫn đầu cánh Hải Ninh. Địch đàn áp buộc biểu tình và bắt đi các đồng chí lãnh đạo Nguyễn Công Say, Lê VI, Phạm Thị Xuy.

-
- (1) Đồng chí Trần Thị Lan : sinh năm 1905 tại (xóm Bồng) nay thuộc Nghĩa Thắng, Tư Nghĩa. Tham gia cách mạng và vào Đảng năm 1930. Hoạt động rất tích cực, bị địch kết án 5 năm tù giam. Ra tù và chết năm 1937.
- (2) Đồng chí Phạm Thị Xuy : sinh 2-1905 tại Vĩnh An (Bình Sơn) trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Đồng chí đã tham gia tích cực ngay từ những ngày đầu Đảng mới thành lập và là một nữ đảng viên tiêu biểu của Đảng bộ huyện Bình Sơn.

Tại Trà Bồng, ngày 30 tháng 1 năm 1931 (tức ngày 12 tháng 12 Canh Ngọ), hơn 4.000 người, trong đó phần lớn là phụ nữ, dưới sự lãnh đạo của huyện Đảng bộ đã xuống đường biểu tình. Cầm cờ dẫn đầu đoàn biểu tình là 2 thiếu nữ tuổi 16 - 17 : Đoàn Thị Có và Võ Thị Nã. (Hai cô là những liên lạc viên và tự vệ đỏ của Đảng ở làng Xuân Tây - thuộc xã Trà Xuân ngày nay). Trên đường kéo về huyện lỵ, đoàn biểu tình bị giặc chặn lại và đàn áp.

Đầu tháng 2 năm 1931, tại Nghĩa Hành, chị em tham gia vào cuộc đấu tranh của quần chúng phía Đông huyện kéo về huyện lỵ. Chị Nguyễn Thị Kỳ giương cao cờ đỏ búa liềm dẫn đầu đoàn biểu tình tổng Thượng. Để phối hợp với Nghĩa Hành, chị em phụ nữ cùng nhân dân vùng Nam Tư Nghĩa đã tham gia cuộc biểu tình ngày 2 tháng 2 năm 1931.

Ngày 5 tháng 2 năm 1931, nhân dân ở các vùng phía Bắc, Đông và Tây của huyện Đức Phổ đã xuống đường biểu tình. Địch ra sức đàn áp, bắt bớ nhiều quần chúng cách mạng, đốt nhà đồng chí Nghiêm và bắt giam bà Thủ Bảy (mẹ vợ đồng chí Nghiêm). Cùng khoảng thời gian này, chị em phụ nữ còn tham gia vào cuộc biểu tình và nổi dậy làm chủ một tuần lễ ở đảo Lý Sơn vào ngày 9-2-1931.

Tại Ba Tơ, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy lâm thời, đồng chí Huỳnh Kinh - Thượng biểu tình, kéo về châu lỵ Ba Tơ. Nữ đồng chí Huỳnh Thị Thằng (1) cầm cờ dẫn đầu đoàn biểu tình. Khí thế cuộc đấu tranh đã làm cho bọn kiểm lý và binh lính khiếp sợ buộc phải nhận yêu sách của ta. Quần chúng được tự do hoạt động từ đêm 16 đến ngày 23 tháng 2 năm 1931.

Tuy phần lớn các cuộc biểu tình đều bị đàn áp, bắt bớ, nhưng khí thế đấu tranh của quần chúng vẫn dâng cao, ảnh hưởng của Đảng

(1) Đồng chí Huỳnh Thị Thằng: quê ở Nghĩa Hành, sau khi lấy chồng chuyển về Ba Tơ. Đồng chí là một trong những nữ đảng viên đầu tiên của huyện Đảng bộ Ba Tơ.

vẫn lan tỏa ngày càng rộng, đảng viên và hội viên các đoàn thể quần chúng như phụ nữ, nông hội... phát triển mạnh. Trước tình hình địch đánh phá ác liệt phong trào cách mạng, Trung ương Đảng và Xứ Ủy Trung kỳ ra chỉ thị chống khủng bố. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động 3 ngày căm thù 16, 17, 18 tháng 2 năm 1931. (Đây là những ngày nằm trong dịp Tết nguyên đán Tân Mùi). Nhân dân dưới sự hướng dẫn của Đảng, của hội viên các đoàn thể, không tổ chức vui xuân, cúng lễ, không đốt pháo, tổ chức thăm viếng những gia đình bị giặc khủng bố; truy điệu những chiến sĩ đã hy sinh, phát động căm thù, tìm cách liên lạc với những người bị bắt đang ở trong tù, chuẩn bị cho các cuộc đấu tranh mới. Phụ nữ không họp chợ, không bán lương thực, thực phẩm cho địch, tích cực kêu gọi anh em binh lính địch (lính lê dương, đoàn phu, khổ xanh...) không tham gia đàn áp bất bớ quần chúng cách mạng. Bài thơ "Gọi lính" của Trần Thị Hiệp phổ biến rộng rãi khắp nơi.

*"Anh ơi ! Nghĩ lại đó mà coi :
Giai cấp tuy phân, vẫn một nòi !
Không phải thân trâu cùng kiếp ngựa,
Vui gì khẩu súng với đầu roi,
Bể dâu há dễ mình ai chịu ?
Quyền lợi nào riêng một kẻ đòi,
Sao nỡ ghét ghen nhau mãi thế ?
Anh ơi nghĩ lại đó mà coi !*

Bài thơ còn kêu gọi những người lính canh gác nhà tù :

*"Độc ác làm chi chú lính ơi !
Không cho ca hát, bắt tôi thôi.
La rầy chửi mắng chi cho lắm,
Chú đó, tôi đây chỉ một nòi.
Đói cơm rách áo say ca hát,
Thương nhà nhớ nước đắm yêu đời.*

Ngục tù há dễ giam hồn trẻ.

Sao chú đang tâm cố đập vùi ?" (1)

Những lời "tâm tình" ấy gợi nhớ lại cội nguồn dân tộc giống nòi, những đức tính truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam đã có tác dụng tốt đối với binh lính người Việt trong hàng ngũ địch, cá biệt còn có ảnh hưởng đến một số lính lê dương. Có những người lính trở thành lực lượng bảo vệ của cách mạng trong một số cuộc đấu tranh, chống vây ráp... Một số lính lê dương người Đức ở đồn Hòa Bân đã cùng những đồng chí của ta dự định lên núi lập chiến khu chống Pháp.

Giữa lúc phong trào cách mạng trong tỉnh đang lên cao thì một tổn thất nặng nề đến với Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi : Đồng chí Nguyễn Nghiêm bị địch bắt. Quần chúng cách mạng hết sức đau đớn tiếc thương nhưng vẫn không hề run sợ, mà càng tăng thêm quyết tâm và ý chí đấu tranh. Để kịp thời chỉ đạo phong trào, đồng chí Phan Thái Ất (2) được giao nhiệm vụ Bí thư tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Cuối tháng 3 năm 1931, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp Hội nghị mở rộng tại thôn Diên Phước (Sơn Tịnh), dưới sự chủ trì của đồng chí Phan Thái Ất. Các đồng chí nữ đảng viên và chị em phụ nữ cơ sở lo các công tác như liên lạc, canh gác, phục vụ việc ăn nghỉ của những người dự họp. Hội nghị đã phổ biến những chủ trương mới về công tác tổ chức và phong trào đấu tranh chung, gây dư luận chống đàn áp khủng bố, giết người. Những cuộc đấu tranh với quy mô vừa và nhỏ (như cuộc biểu tình ngày 24 tháng 3 năm 1931 tại Đông Sơn Tịnh...) vẫn diễn ra liên tục và có tính chất ác liệt, do sự khủng bố của địch ở hầu hết các nơi trong tỉnh từ cuối tháng 3 đến tháng 4 năm 1931.

(1) Thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Ngãi - sđd, trang 141

(2) Đồng chí Phan Thái Ất có bí danh là Can, là Bạc, người quê Nghệ An, được Xứ ủy giao nhiệm vụ phụ trách các tỉnh phía Nam. Đồng chí về Quảng Ngãi từ tháng 5-1930, trực tiếp chỉ đạo phong trào ở Bắc Trà.

Ngày 23 tháng 4 năm 1931 (tức mùng 6 tháng 3 âm lịch) thực dân Pháp và tay sai đã man xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm tại bờ Nam sông Trà Khúc. Nén chặt đau thương trong lòng, chị Huỳnh Thị Hồng Hà (vợ đồng chí Nguyễn Nghiêm) và nhiều chị em phụ nữ cùng nhân dân chứng kiến cái chết bất khuất của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên của mình mà không để rơi một giọt nước mắt trước mặt kẻ thù. Bà Trần Thị Viêm dùng chỉ khâu liền đầu đồng chí Nghiêm vào thân, trước khi chôn cất. Ngôi mộ đồng chí trải qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn được các tầng lớp nhân dân và phụ nữ Quảng Ngãi bảo vệ, chăm sóc hương đèn cho đến ngày thống nhất đất nước mới dời về nghĩa trang liệt sĩ núi Bút (tháng 4-1983).

Tin dịch xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm đã gây ra một làn sóng căm phẫn trong lòng mọi người dân Quảng Ngãi. Tỉnh ủy đã phát động tuần lễ căm thù đúng vào dịp kỷ niệm Quốc tế Lao động 1-5. Đêm 25-4-1931, cờ Đảng, băng, truyền đơn, khẩu hiệu đấu tranh được treo, dán và rải ở nhiều nơi trong tỉnh. Từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 1 tháng 5 năm 1931, đông đảo các tầng lớp phụ nữ cùng hàng chục ngàn đồng chí, đồng bào xuống đường kéo về tỉnh lỵ đấu tranh. Ở vùng thị xã, thị trấn nổ ra các cuộc tuần hành, mít tinh, học sinh bãi khóa, chị em ưu thương bãi chợ; vùng nông thôn chị em nông dân không ra đồng cấy gặt. Phụ nữ ở Nghĩa Lộ, Nghĩa Hòa và nhiều xã khác ở huyện Tư Nghĩa đã để tang cho đồng chí Nguyễn Nghiêm với hình thức rất tôn nghiêm. Trong ba ngày liền, chị em đội những chiếc nón có quai màu đen, hai tua không gút mà cho thả xuống hai bên, cài băng tang vào tay áo... Giặc nghi ngờ tra hỏi, các chị trả lời để tang cho người nhà. Trong các cuộc đấu tranh xuống đường, mít tinh, những khẩu hiệu được tung ra và hô to là:

- Phán đối xử tử đồng chí Nguyễn Nghiêm.
- Phán đối bất giải thường dân vô tội.
- Ủng hộ và bảo vệ phong trào Nghệ An đỏ.

- *Ứng hộ Liên bang Xô - viết.*

- *Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến.*

Thực dân Pháp và tay sai vô cùng tức tối trước phong trào và khí thế mãnh liệt của các cuộc đấu tranh. Chúng ra sức đàn áp dã man, gây tổn thất lớn về người và của cho phong trào. Chỉ tính trong cuộc đấu tranh ngày 1-5-1931 của nhân dân 3 huyện Sơn Tịnh, Mộ Đức và Tây Tư Nghĩa, giặc xà súng bắn chết tại chỗ 105 người, làm hàng trăm người khác bị thương (1). Chúng còn đốt phá, bắt bớ tràn lan; hàng trăm đồng chí lãnh đạo, đảng viên (trong đó có rất nhiều đảng viên nữ) và hàng ngàn hội viên các đoàn thể, những quần chúng cảm tình bị bắt, đưa đi đày ải, nhốt đầy các nhà giam...

Đây là đợt đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ nhất, là đỉnh cao trong cao trào 1930 - 1931 của tỉnh Quảng Ngãi, khởi đầu từ cuộc biểu tình đêm mừng 7-10-1930 của nhân dân Đức Phổ, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá "Ở Quảng Ngãi, tuy phong trào chưa bằng Nghệ Tĩnh, nhưng nó vẫn là mạnh nhất trong phía Nam Trung kỳ (2). Báo cáo của sở mật thám Pháp tại Quảng Ngãi cũng thừa nhận: "mặc dù bị đàn áp, khủng bố gắt gao nhưng phong trào ở đây vẫn còn tiếp tục nổi dậy cho đến tháng 8-1931 và cuối năm". Đối với vai trò của phụ nữ trong cao trào 1930-1931, Trung ương Đảng đánh giá: "Thời kỳ cách mạng vận động cao nhất của phụ nữ lao động là năm 1930 - 1931. Trong hai năm ấy không có cuộc thị oai, bãi công nào mà không có phụ nữ tham gia. Có lúc phụ nữ dẫn đạo các cuộc tranh đấu (3).

Từ khi Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ra đời, lãnh đạo nhân dân trong

- (1) *Chỉ riêng trong cuộc biểu tình của nhân dân Mộ Đức, do chị Trần Thị Hùng cầm cờ dẫn đầu, khi đến Quýt Lâm, Trà Ninh, giặc đã tàn sát 73 người.*
- (2) *Văn kiện Đảng, Tập I (1929 - 1945) Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1960, trang 137.*
- (3) *Văn kiện Đảng, 1930 - 1945, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội 1978, trang 153, 154.*

lính cùng nhân dân cả nước làm cuộc cách mạng giành độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày; Phụ nữ Quảng Ngãi cũng trong bước chuyển mình vĩ đại đó của dân tộc. Từ chỗ tham gia một cách tự phát vào các phong trào yêu nước chống Pháp trước khi có Đảng, đến chỗ phụ nữ tham gia một cách tự giác, đóng góp tài cả tinh thần, trí tuệ, sức lực và của cải của mình cho phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Những nét đặc biệt và nổi bật trong đấu tranh đã khắc họa nên bản sắc của người phụ nữ Quảng Ngãi trong giai đoạn này. Có thể nói lòng yêu nước vốn có của họ như một khối năng lượng được nén chặt, Đảng Cộng sản đã khơi nguồn làm bùng nổ và trở thành tinh thần cách mạng triệt để, sâu sắc. Phụ nữ Quảng Ngãi đã tham gia cách mạng ngay từ ngày đầu thành lập Đảng và là một trong những lực lượng then chốt trong đấu tranh. Trong đó có những nữ đảng viên đầu tiên, nữ Huyện ủy viên, Tỉnh ủy viên đầu tiên của huyện, của tỉnh... những chị mà chỉ nhắc đến tên là nhân dân, quần chúng cách mạng và cả kẻ thù đều biết tiếng: Trần Thị Hiệp, Phạm Thị Trinh, Huỳnh Thị Tuyết, Mai Thị Thục, Trần Thị Lan... (1) nhân dân và phụ nữ Quảng Ngãi không thể quên được hình ảnh sáng đẹp của các chị: Trần Thị Hiệp, dám dứt bỏ tình riêng (gia đình gả chị cho một người giàu có) để đi theo con đường đấu tranh gian khổ của cách mạng; Phạm Thị Trinh, cô thiếu nữ xinh đẹp mới 17 tuổi, hiên ngang diễn thuyết trước đám đông các bà, các chị lớn tuổi, bất chấp sự rình mò bắt bớ của kẻ thù. Còn biết bao nhiêu người phụ nữ tuy thân hình mảnh mai, nhưng thật can trường, cầm cờ dẫn

- (1) Trong thời gian này có những nữ đ/c ở tỉnh bạn được Đảng cử vào Quảng Ngãi, như Nguyễn Thị Hợi, quê ở Nghệ An, là một nữ đảng viên rất tích cực trong cao trào 1930 - 1931, một người đấu tranh quyết liệt, rất nổi tiếng trong thời gian bị giặc cầm tù ở lao Quảng Ngãi (1932 - 1935).

đầu những đoàn biểu tình, đông đến hàng ngàn người để đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc, của giai cấp và giới mình.

Ngoài việc đảm nhận những nhiệm vụ trọng yếu trong đấu tranh, đương đầu với súng đạn của kẻ thù trong cao trào 1930 - 1931, phụ nữ Quảng Ngãi còn tham gia nhiều công việc âm thầm, lặng lẽ nhưng không kém phần quan trọng, gian khổ, nhiều khi phải đổ cả máu để hoàn thành nhiệm vụ : nuôi giấu cán bộ, in ấn tài liệu, canh gác, liên lạc trong, ngoài tỉnh cho các đồng chí lãnh đạo và phong trào. Nhiều mẹ, nhiều chị như Trần Thị Viêm, Nguyễn Thị Thông, chị Thắng (Nghĩa Hành) ; Võ Thị Cơ, Huỳnh Thị Hồng Đào, bà Thủ Bảy, Huỳnh Thị Bơ, Nguyễn Thị Biền, Huỳnh Thị Tòa (Đức Phổ) ; chị Bảy (Mộ Đức) ; chị Ấm, bà Giáo Huyết, chị Cheo (Sơn Tịnh) ; chị Đánh (Bình Sơn)... và hàng trăm, hàng ngàn chị em phụ nữ cơ sở khác đã làm như vậy.

Trong cao trào 1930 - 1931 ở Quảng Ngãi, cùng với nhiều chiến sĩ cách mạng khác, bao nhiêu chị đã ngã xuống để dòng máu thơm thiên cổ, bao nhiêu chị bị tù đầy tra tấn rồi bệnh tật ốm đau và chết... Những tấm gương hy sinh sáng ngời ấy càng tăng thêm quyết tâm và làm sôi nóng bầu nhiệt huyết cho thế hệ trẻ tiếp nối truyền thống cách mạng.

Cao trào 1930 - 1931 của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là cơ sở cho việc phát triển mạnh mẽ sâu rộng phong trào phụ nữ lĩnh trong giai đoạn này. *Đây là cuộc thử lửa đầu tiên, cuộc tổng diễn tập đầu tiên của phụ nữ Quảng Ngãi để vững vàng bước vào những cuộc đấu tranh mới.*

CHƯƠNG BA

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG THỜI KỲ KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1932-1935)

Phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo đã dấy lên mạnh mẽ chưa từng có. Nhiều cuộc biểu tình đông nghịt người được trang bị giáo mác, gậy gộc, dùng cảm xôn lên đưa những yêu sách cụ thể, thiết yếu đến cuộc sống của mình. Nhiều cuộc xuống đường rầm rộ, những cuộc diễn thuyết say động lòng người... ở đây, vào lúc này, phong trào cách mạng luôn sục sôi, làm cho thực dân Pháp và tay sai ở Quảng Ngãi hoảng sợ. Chúng cay đắng thú nhận rằng, sức mạnh của phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi "chứa chất nhiều nguy hiểm", cần đối phó quyết liệt. Vì vậy, chúng ra sức lập một màn lưới gồm : mật thám, chỉ điểm rải khắp nơi, màn lưới đồn trại với các sắc lính lê dương, lính tập, bang tá, đoàn phu, đoàn tập... tung đi mọi chỗ. Chúng tăng cường tổ chức các cuộc vây ráp, khủng bố, đốt nhà, bắt người... cũng như trong cả nước, làn sóng "khủng bố trắng" của giặc đã được áp dụng triệt để đối với phong trào cách mạng Quảng Ngãi. Lúc này "hệ thống tổ chức cơ sở Đảng, các đoàn thể quần chúng và lãnh đạo các cấp bị phá vỡ, đường dây liên lạc bị đứt" (1) phong trào bị tổn thất nặng, cần được khôi phục và phát triển.

Phong trào và tổ chức phụ nữ Quảng Ngãi cũng bị thực dân Pháp khủng bố gay gắt. Hầu hết những nữ đảng viên lãnh đạo cốt cán, như Trần Thị Hiệp, Phạm Thị Trinh, Mai Thị Thực, Nguyễn Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Cheo, Trần Thị Viêm, Nguyễn Thị

(1) *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1930-1945) Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Nghĩa Bình xuất bản 1985, trang 90.*

Hội... đều bị bắt giam vào nhà lao ở Quảng Ngãi, cùng với hàng trăm nữ đồng chí, hàng ngàn quần chúng cách mạng khác. Trong lao tù đế quốc, các nữ chính trị phạm cùng với các đồng chí nam vẫn tiếp tục đấu tranh đồng thời với cuộc đấu tranh ở ngoài nhà lao, nhằm chống khủng bố, khôi phục tổ chức, bất liên lạc, "giúp đỡ gia đình nạn nhân". Cuộc đấu tranh trong tù cũng diễn ra quyết liệt, không khoan nhượng, chống tra tấn, chống chế độ lao tù hà khắc.

Tuy đang bị địch ráo riết khủng bố, tổ chức Đảng lần lượt và từng bước được khôi phục. Đầu năm 1932, một số đồng chí vừa mới ra tù tìm cách tập hợp nhau và liên hệ với các đồng chí không bị bắt để xây dựng lại tổ chức Đảng ở Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh... sau đó, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh được thành lập, đồng chí Võ Sỹ làm bí thư. Sau khi các cơ sở Đảng bị lộ và nhiều đồng chí bị bắt, ở Đức Phổ, các đồng chí Phạm Qui, Phạm Xuân Hòa gây dựng lại tổ chức Đảng và đảm nhận trách nhiệm lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh. Các cuộc đấu tranh lại tiếp tục nổ ra : đầu năm 1932, nhiều cuộc bãi công của công nhân làm đường xe lửa ở Đức Phổ, Bình Sơn nổ ra đòi bọn chủ phải trả lương đầy đủ. Nhiều cuộc đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày về công cấy, công cày, chống khủng bố vẫn xảy ra liên tiếp ở khắp nơi.

Cùng với phong trào chung được khôi phục, cuộc đấu tranh trong nhà tù vẫn tiếp diễn song mang sắc thái mới, không kém phần gay go ác liệt : đấu tranh giữ vững khí tiết, phẩm chất người cách mạng, vượt qua sự thiếu thốn trong sinh hoạt, chịu đựng đánh đập, tra tấn của kẻ thù mà không rên la, không khai báo. Những cuộc tuyệt thực, làm reo và cả đấu khẩu tay đôi với giặc, là những cuộc đấu tranh đòi hỏi sức mạnh của ý chí, nghị lực, không kém gì dùng khí trước lưỡi lê, họng súng. Nữ tù nhân ở Quảng Ngãi đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh như vậy và đã chiến thắng. Tuy phần nào được "ưu tiên" hơn

nam chính trị phạm, song điều kiện sinh hoạt của chị em cũng vô cùng khổ cực. Phòng giam là những xà lim nhỏ bé, bẩn chật, luôn phải thay nhau người nằm, kẻ ngồi để lấy chỗ thở. Nhà vệ sinh phải dùng chung với nam giới và hết sức hôi thối. Thức ăn là những loại lương thực; thực phẩm gần như đã mất chất : gạo sâu, mỳ, mắm trở mùi, nhiều giòi bọ... Trong điều kiện sống khắc nghiệt ấy, kẻ địch thực thi một lối tra tấn tàn bạo để khủng bố tinh thần, ý chí của chị em : dùng roi cá đuối đánh vào thân thể, tra điện, đổ nước sôi, nước xà phòng, nước ớt vào mắt mũi ; treo ngược người lên xà nhà để đánh... Nhiều chị bị tra tấn rất nặng, sau khi ra tù đã lâm trọng bệnh mà chết.(1)

Bất chấp cuộc sống khổ cực, sự tra tấn, khủng bố của địch, chị em vẫn cùng nhau tổ chức học tập, trao đổi giữ gìn khí tiết. Chí khí và tinh thần cách mạng được diễn tả trong những bài thơ làm trong tù - một hình thức tự động viên mình và đồng chí mình rất hữu hiệu. Những bài thơ nói lên cái tâm, cái chí của những người phụ nữ đã chìm ra lẽ sống đích thực :

"Chết - bỏ, sống về tranh đấu mãi.

Gian nan chi núng phận tơ đào"

(Không nao núng - Phạm Thị Trinh)

Bài thơ nghe như một lời tuyên ngôn, một liều thuốc bổ tinh thần để chị em động viên nhau giữ vững ý chí cách mạng. (2)

Một số chị không những có tinh thần bất khuất, mà còn có những lý lẽ thật sắc bén để đấu lý với giặc khi chúng tra hỏi, Phạm

(1) Như các chị : Tám Chèo, chị Hợi, chị Hiệp, chị Lan, chị Viem và nhiều chị khác.

(2) Xem phần phụ lục. Các bài thơ "Tự giữ mình" của Trần Thị Lan, "Chờ dịp tung ra" của Mai Thị Ân... đều có nội dung đấu tranh để giữ vững khí tiết người cách mạng.

Thị Trinh là một trong số những phụ nữ tiêu biểu cho sự kiên cường, tài trí trong những cuộc đấu tranh bằng lý lẽ. Lúc mới bị bắt chị bị Nguyễn Bính, Tri huyện Sơn Tịnh tra hỏi :

- Chị có biết khi chị trốn tránh thì mẹ chị bị bắt bị đánh không ? Anh chị là thằng Kiệt (1) cũng bị tra tấn, tổng giam không ?

Chị trả lời :

- Tôi có biết

- Biết sao không ra hàng, trốn làm chi cho khổ, đói rét, hùm beo uy hiếp tính mạng đời sống ? Chị làm Cộng sản cấp trên chị là ai, hiện nay ở đâu còn cơ sở của chị ?

Tôi theo Cộng sản vì Cộng sản tốt, chân chính, tôi không có cấp trên mà cũng không có cấp dưới.

- Chị phải khai, không khai thì không được đâu ?

- Tôi không có gì phải khai cả.

Tri huyện dùng vũ lực để đe dọa, nhưng không khuất phục được chị. Nó dụ giọng :

- Chủ nghĩa Cộng sản của chị, tôi tin không bao giờ thắng được. Cộng sản không có vũ khí, không có quân đội mà làm sao thắng được người Pháp ?

- Tôi tin Cộng sản nhất định sẽ thắng. Vũ khí của chúng tôi là tất cả đồng bào, là cả dân tộc Việt Nam.

- Chẳng qua thằng Phan Thái Ất, thằng Thanh nó phỉnh chị đó thôi... !

- Tôi có đầu óc của tôi không ai phỉnh tôi được. Tôi xin hỏi ông : Tuần Trác (2) cũng giỏi phỉnh người sao tôi không theo ông ấy ?

(1) *Tức đồng chí Phạm Kiệt (1902-1975), anh ruột đồng chí Phạm Thị Trinh, hoạt động cách mạng từ 1925. Tham gia Đảng từ 1931. Đồng chí đã đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước, Quân đội, được phong quân hàm trung tướng.*

(2) *Tức Nguyễn Bá Trác, tuần võ Quảng Ngãi.*

Trước đây ông xuất dương qua bên Tàu, nay về làm tuần vũ, ông nói với dân là Tây tốt, nước Pháp là nước mẹ ; Pháp đến bảo hộ dân ta, đem lại cho ta tự do bình đẳng ; thế mà ông Trác chỉ phình được các ông chứ không phình được nhân dân tôi.

Tên tri huyện xua tay : "thôi, thôi, tôi không biết việc đó, chị đừng nói ở đây". Và cho lính đưa chị xuống nhà giam.(1)

Nhân dân nghe tin những người Cộng sản cải lý với quan đầu huyện, kéo đến để xem cho rõ mặt. Giặc rất sợ tinh thần cách mạng này ảnh hưởng đến quần chúng, bèn dẫn chị và các đồng chí khác về giam ở lao Quảng Ngãi. Tuần vũ Quảng Ngãi là Nguyễn Bá Trác tìm mọi cách dụ dỗ để tẩy sạch hai chữ "Cộng sản" trong đầu chị em. Hắn hỏi chị Trinh :

- Thăng Ất, thăng Thanh có khai cho mày, mày nhận đi, nếu không tao cho tra điện.

- Tôi không biết Ất, Thanh là ai cả.

- Tại sao bay đòi đánh đổ người Pháp. Nước Pháp là nước mẹ, bảo hộ đem văn minh cho ta mà sao bay đánh đổ ?

- Người Việt Nam có nước Việt Nam, không có nước mẹ nào cả. Văn minh sao lại đàn áp, sao lại giết anh Nguyễn Nghiêm, tra tấn nhục hình phụ nữ, trẻ em ?

Thấy khó khuất phục, hắn dụ giọng :

- Con nên khai đi để quan sếp tha cho con, tha thăng Trân(2) thăng Kiệt, tha mẹ con không bị bắt và cho con về với mẹ con.

- Tôi đã biết trước điều đó, nhưng tôi không sợ dù phải bị tra tấn. (3)

Biết không dụ dỗ được, chúng đã đánh đập chị rất dã man. Những cuộc tra tấn, đối đáp như vậy cũng diễn ra hàng ngày đối

(2) Phạm Trân, anh ruột đ/c Trinh, cũng tham gia cách mạng từ 1930.

(1) (3) Hồi ký Phạm Thị Trinh (tài liệu đã dẫn).

với các chị Hiệp, chị Nhạn, chị Thực, chị Tuyết, chị Lan và nhiều nữ đồng chí khác.

Để chống lại sự hà hiếp, đánh đập dã man, bắt đi sâu, cho ăn "cơm pha trấu, mắm pha dòi" ; và đòi được xem sách báo, được nhận quà gia đình gửi vào... chị em có nhiều cách đấu tranh : lúc làm reo, khi tuyệt thực, đấu lý... Những cuộc đấu tranh này rất quyết liệt và mang lại hiệu quả, đã gây một tiếng vang nhất định trong nhân dân.

Tháng 7 năm 1932 có một ủy ban điều tra gồm toàn quyền Pa-xki-ê, chánh mật thám Quảng Ngãi Li-véc-xê cùng 2 phóng viên báo Luy-ma-ni-tê (tức báo "Nhân đạo" của Đảng Cộng sản Pháp) đến nhà lao Quảng Ngãi và trực tiếp gặp hai nữ tù nhân Cộng sản, Trần Thị Hiệp và Phạm Thị Trinh.

Toàn quyền Pa-xki-ê hỏi chị Hiệp :

- Chị nghĩ thế nào mà làm Cộng sản ?
- Tôi thấy người ta đi biểu tình thì tôi đi, họ bảo tôi cầm cờ thì tôi cầm cờ, tôi không biết Cộng sản.

Hắn lại hỏi chị Trinh :

- Vì sao cô còn nhỏ mà theo Cộng sản ?
- Tôi là người dân mất nước, tôi không muốn ai cai trị nước tôi ; tôi không muốn làm người dân nô lệ nên tôi làm Cộng sản.

Chị có biết mục đích của Chủ nghĩa Cộng sản là thế nào không ?

- Mục đích của chủ nghĩa Cộng sản là làm cho xã hội không còn giai cấp, không có người bóc lột người, ai ai cũng bình đẳng như nhau, nước này không xâm phạm nước khác, dân tộc này bình đẳng với dân tộc khác.

- Mục đích đó bao giờ thành công ?

- Tất nhiên muốn đạt được mục đích cách mạng còn phải có thời gian dài ; nhưng chúng tôi tin rằng việc làm của chúng tôi nhất định thành công.

- Nếu cách mạng thành công thì người Pháp ở đây như thế nào ?
- Bất cứ người nào, dân tộc nào, nước nào ủng hộ chúng tôi thì họ là bạn. Ai chống lại chúng tôi thì chúng tôi gọi là thù. Còn những người xâm chiếm nước chúng tôi, chúng tôi đánh đuổi họ ra khỏi nước.

- "Thế thì chị làm Cộng sản đến bao giờ mới thôi" ?

- Đến bao giờ đất nước chúng tôi không còn người nước ngoài xâm chiếm cai trị.(1)

Sau cuộc tiếp xúc này, báo "Tiếng dân" và một số tờ báo nước Pháp đã đưa tin về cuộc đấu lý đầy khí phách và dũng cảm của những nữ chiến sỹ cách mạng.

Địch luôn tìm cách phỉnh phờ dụ dỗ các chị từ bỏ lý tưởng cách mạng, nên những cuộc đấu lý vẫn diễn ra. Có lần tuần vũ Trác đã gọi chị Trinh, chị Hợi lên, giả vờ dùng lời lẽ dịu ngọt hỏi :

- Con học lớp mấy ?

Các chị thừa hiểu tâm địa xấu xa của tên phản bội "miệng nam mô, bụng đầy bồ dao găm". Sau cái vỏ dịu dàng ấy, tuần Trác che đậy sự kiêu căng, coi thường chị em "vô học". Nén giận, chị Trinh trả lời :

- Tôi mù chữ.

- Sao vậy ? Hắn ra bộ ngạc nhiên hỏi.

- Cha tôi không cho tôi đi học. Ông bảo học nhiều rồi bày trò xuất dương cứu nước, rồi phản bội, rồi cù rù chồng vợ đồng chí mình. Tuần vũ Trác giận tím mặt, vì bị chửi khéo nhưng vẫn thầm phục sự thông minh sắc sảo của các chị.

Chị em đã biết dùng thế mạnh của mình là khơi dậy ở binh lính địch tình cảm và những điều tốt còn sót lại ở họ, kêu gọi họ trở về cái thiện, với chính nghĩa. Ngược lại, chị em không bao giờ chùn bước đối với

(1) Hồi ký Phạm Thị Trinh (đã dẫn)

những kẻ cam tâm theo địch, luôn hà hiếp phụ nữ và dân lành. Có lần, các chị bắt nhốt tên coi vườn của viên công sứ, tên lính đóng cửa lao... vào chuồng cu, vì tội hống hách, nhùng nhịu, đến khi chúng van xin mới tha.

Một hình thức đấu tranh mà chị em rất chú trọng và để phát huy hiệu quả là tuyệt thực. Ngày 29-4-1933, chị em nữ ở phòng 4 lao Quảng Ngãi đã đấu tranh tuyệt thực 7 ngày liền để phản đối sự ngược đãi tàn bạo của kẻ thù. Cuộc đấu tranh có tiếng vang lớn, các báo trong nước đều đưa tin. Chị Thục, chị Hợi đi đầu trong những cuộc đấu tranh này. Chị Thục nhịn ăn, nhịn uống nhiều ngày, giặc sợ chị chết sẽ gây căm thù nên chặn tay chân chị để tìm thuốc đồ sửa...

Tình cảm giữa những người tù với nhau rất gắn bó. Chị em tận tình chăm sóc những anh em bị tra tấn nặng, từ miếng ăn, viên thuốc, vá ủng manh áo, chiếc quần... Có lần đang nấu cháo cho tù nhân, địch phát hiện đập đổ hết xuống đất, các chị lại tìm chỗ kín đáo hơn để nấu tiếp. Chị Trần Thị Viêm là người mẹ, người chị rất chu đáo, chị có bài thuốc ngoại khoa gia truyền để điều trị cho anh chị em sau khi bị tra tấn, bệnh tật.

Thời gian rảnh rỗi, chị em dạy cho nhau vá may, đan lát, tổ chức đọc sách cho nhau nghe, dạy văn hóa, dạy làm thơ... Chị Nhạn, chị Tuyết, chị Hiệp, chị Trinh là những "thầy giáo" tích cực nhất.

Trong nhà tù, phụ nữ Quảng Ngãi đã tổ chức hàng trăm cuộc đấu tranh và chưa có lần nào nhượng bộ kẻ địch. Tuy bị theo dõi chặt chẽ, các chị vẫn giữ vững mối liên lạc với tổ chức Đảng ở bên ngoài qua các cơ sở, như bà Thất Ngà, bà Nhom (thị xã Quảng Ngãi). Người con gái của bà Ngà lợi dụng việc gánh cơm của nhà thầu cho tù nhân đã liên lạc, chuyển giao tin tức, tài liệu với chị em chính trị phạm.

Khí thế đấu tranh của nữ tù nhân lao Quảng Ngãi luôn luôn làm cho địch phải lo sợ, tìm mọi cách đối phó. Chúng tăng cường đàn áp, kéo dài thời hạn tù... song các cuộc đấu tranh vẫn liên tiếp xảy ra và

ngày càng quyết liệt hơn. Bọn cai ngục thường nói : "Mấy con tù này không biết sợ ai. Đánh nó, nó cười, gĩa án nó, nó cười. Nhốt vào xà lim nó cũng cười. Chuẩn bị đi đày nó cũng cười, nên không thể nào hiểu nó được".(1) Do kết quả của những cuộc đấu tranh, dịch buộc phải nhượng bộ. Hàng ngày nữ tù nhân được ra giặt quần áo, tiếp xúc với người nhà đến thăm, được cải thiện một phần chế độ ăn uống, được lấp thêm vôi nước để dùng.

Từ đầu năm 1932, phong trào cách mạng dần dần được khôi phục, tổ chức Đảng được gây dựng lại để lãnh đạo phong trào toàn tỉnh và xúc tiến việc hình thành tổ chức Đảng ở Trung kỳ. Nhiều cuộc đấu tranh của tù chính trị, công nhân đường xe lửa, nông dân... đã nổ ra. Ngày 22 tháng 6 năm 1933, hơn 300 nông dân Nghĩa Hành biểu tình phản đối bọn chủ thầu đập Suối Đá tự ý tăng tiền thuê lợi phí. Tháng 8 năm 1933, những người tù chính trị từ nhà lao Buôn Ma Thuột chuyển về Quảng Ngãi đã làm reo phản đối chế độ lao dịch. Truyền đơn được rải và cờ đỏ búa liềm treo khắp nơi (Châu Ổ, Sơn Tịnh)...

Dịch rất lo sợ về việc "tái tổ cộng sản" và ra sức dò tìm cơ sở cách mạng. Lúc này các tổ chức Đảng trong tỉnh đã được chấp nối và xây dựng thành hệ thống khá chặt chẽ. Năm 1934, Đảng bộ tỉnh đã bầu liên lạc được với cấp ủy miền Nam Đông Dương, xứ ủy Nam kỳ, Thành ủy Sài Gòn và thành lập "Địa phương chấp ủy Trung Trung kỳ", do đồng chí Phạm Xuân Hòa làm Bí thư. Phong trào cách mạng trong tỉnh lúc này lại tiếp tục lên cao, dịch phải kêu lên là nạn "tái tổ cộng sản" làm "giảm uy quyền của tổng lý" đối với dân chúng(2). Đảng đã công khai tổ chức các cuộc mít-tinh, tiêu biểu là cuộc mít-tinh do nữ đồng chí Mai Thị Ân đứng lên diễn thuyết trước 400 đồng chí, đồng bào ở tổng Châu (nay thuộc xã Tịnh Kỳ, Sơn Tịnh) vào tháng 8 năm 1934.

(1), (2) Hồi ký Phạm Thị Trinh (tài liệu đã dẫn)

Đầu năm 1935, Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ I họp tại Ma Cao (Trung Quốc), bầu ra ban lãnh đạo mới. Trước tình hình này, Đảng bộ tỉnh cùng "Địa phương chấp ủy Trung Trung kỳ" chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tiếp thu các Nghị quyết, chỉ thị mới của Đảng, trong đó có Nghị quyết về công tác phụ vận. Về vấn đề này, Nghị quyết Đại hội đã chỉ rõ : "Mỗi đảng bộ phải thiết pháp tổ chức cho được phụ nữ vào Đảng, vào thanh niên Cộng sản đoàn và các đoàn thể cách mạng. Cần đem các phần tử phụ nữ hăng hái (gồm cả phụ nữ dân tộc thiểu số và người ngoại quốc) vào các cơ quan chỉ đạo. Dùng hết các hình thức công khai và bán công khai mà kéo quần chúng phụ nữ vào phạm vi tổ chức những hình thức tổ chức rất dễ hiểu, rất thích hợp cho các lớp phụ nữ lao động là các hội phụ nữ lao động, phụ nữ lao động giải phóng, học chữ, nữ công, cứu tử, hợp tác xã v.v...(1) Tại đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản ở Mát-xcơ-va 7-1935, nữ đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, thành viên của đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội đã trình bày về tình hình của phụ nữ dưới chế độ thống trị Pháp, về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và giải phóng giai cấp, giải phóng phụ nữ. Đây là sự kiện đáng ghi nhớ và rất tự hào đối với phụ nữ Việt Nam, vì lần đầu tiên có tiếng nói đại biểu của giới mình tại một Đại hội Quốc tế quan trọng. Trong tham luận của mình đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đồng đặc tuyên bố "lần đầu tiên trong lịch sử phong trào của đất nước chúng tôi, lần đầu tiên kể từ khi có Đảng Cộng sản chúng tôi thành lập, tôi, một phụ nữ đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương, không những được tham dự Đại hội của Quốc tế Cộng sản mà còn được từ trên diễn đàn của Đại hội, báo cáo với các đồng chí chúng ta rằng, chúng tôi, những người phụ nữ công nhân, nông dân ở các nước phương Đông, các nước thuộc địa, những người còn bị làm nô lệ gấp bội so với các đồng chí chúng ta ở Tây phương, đã bước vào con đường đấu tranh cách mạng".

(1) *Nghị quyết về phụ nữ vận động, văn kiện Đảng 1930 - 1945- Sđđ, trang 536, 537*

Tại Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 4 năm 1935, "Địa phương chấp ủy Trung Trung kỳ" đã tổ chức một cuộc Hội nghị do đồng chí Tổng Văn Trân - phái viên của Trung ương trực tiếp chỉ đạo, để tiếp thu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất. Trong Hội nghị này, "Địa phương chấp ủy Trung Trung kỳ" chuyển thành "Ban cán sự Trung Nam của xứ ủy Trung kỳ", do đồng chí Phạm Xuân Hòa làm Bí thư.

Sau một thời gian ngắn hoạt động tích cực, hầu hết những đồng chí lãnh đạo và đảng viên trong tỉnh lại bị bắt. Ngày 12 tháng 7 năm 1935, dịch mở phiên tòa đặc biệt xét xử "vụ án tái tổ Đảng Cộng sản Đông Dương", gồm 44 đồng chí. Khí phách của các chiến sĩ Cộng sản trước tòa đã làm cho địch phải nể sợ, chúng đã kết án người nặng nhất 20 năm tù khổ sai.

Tuy phong trào cách mạng bị tổn thất, nhưng một số đồng chí mãn hạn tù từ các nhà tù Buôn Ma Thuột, Đắc Tô... trở về Quảng Ngãi và tập hợp nhau lại, tạo một khả năng mới cho việc thành lập lại tỉnh Đảng bộ.

Thời kỳ lịch sử 1932 - 1935 là một thời kỳ đầy thử thách cam go (đối với phong trào cách mạng của cả nước cũng như của Quảng Ngãi). Lần đầu tiên tham gia cách mạng, đi theo ngọn cờ của Đảng để chiến đấu cho lý tưởng cộng sản, cũng là lần đầu tiên phụ nữ Quảng Ngãi gặp những thử thách gay go khắc nghiệt. Họ bị giam cầm trong ngục tối với chế độ lao tù vô nhân đạo, bỏ lại đằng sau mình mọi niềm mong ước giản dị về một cuộc sống gia đình êm ấm hạnh phúc. Đó là sự hy sinh rất lớn, rất đáng trân trọng của người phụ nữ cho độc lập dân tộc, cho sự nghiệp giải phóng giai cấp và giới mình.

Trong nhà tù, bất chấp mọi gian nguy, các chị lãnh đạo nòng cốt vẫn tiếp tục duy trì phong trào đấu tranh có tổ chức, rất sôi động. Trên cơ sở những hình thức đấu tranh phù hợp với đặc điểm tỉnh

hình, giới tính, nữ tù nhân đã thu được một số kết quả nhất định. Những cuộc tuyệt thực, những cuộc làm reo, những giờ đấu lý, những bài thơ, bài vẽ của chị em đã làm cho địch phải nể sợ nhượng bộ... những tấm gương kiên trinh của các chị Hiệp, Trinh, Viêm, Lan, Cheo, Tuyết, Hoi... đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần quần chúng phụ nữ.

Ngoài nhà lao, chị em phụ nữ tiếp tục *kiên trì thực hiện các nhiệm vụ giao thông, liên lạc, nuôi giấu cán bộ, tham gia vào các cuộc đấu tranh đòi công cày, công cấy, bãi chợ...* với tinh thần không hề nao núng. Đây chính là tinh thần bất khuất, lạc quan cách mạng mà Đảng đã khơi dậy từ truyền thống yêu nước thương nòi, đức tính cần cù chịu khó, vượt khổ trong bất cứ tình huống nào. Tấm lòng thủy chung của người phụ nữ Quảng Ngãi với Đảng càng sáng đẹp, tươi thắm hơn bao giờ hết trong những bước thăng trầm của phong trào.

CHƯƠNG BỐN

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CAO TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH-DÂN CHỦ (1936-1939)

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã gây ra những biến động lớn về kinh tế, chính trị, xã hội trên toàn thế giới. Đời sống của nhân dân lao động ở các nước tư bản, các nước phụ thuộc và thuộc địa vô cùng điêu đứng. Phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước tư bản và phong trào đòi giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa lên cao. Chủ nghĩa phát xít hình thành và phát triển nhanh ở ba nước : Đức, Ý, Nhật, kết thành phe trục chống Quốc tế Cộng sản và chuẩn bị gây chiến tranh thế giới lần thứ hai.

7-1935, Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế Cộng sản đã chỉ rõ kẻ thù của nhân dân thế giới lúc này là chủ nghĩa phát xít, nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân quốc tế là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh, giành dân chủ và hòa bình, thành lập Mặt trận thống nhất bao gồm các đảng phái yêu nước, dân chủ, tiến bộ, các tầng lớp nhân dân nhằm tập hợp lực lượng đông đảo chống kẻ thù chung.

Một điều kiện thuận lợi cho phong trào Cách mạng Việt Nam là Mặt trận bình dân Pháp- có Đảng Cộng sản Pháp tham gia lên cầm quyền vào tháng 6 năm 1936. Trước tình hình mới, tháng 7 năm 1936, Trung ương Đảng họp và quyết định tạm gác khẩu hiệu đánh đuổi đế quốc Pháp và giai cấp địa chủ, giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày, mà chỉ nêu mục tiêu trực tiếp trước mắt đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông

Dương, tháng 3 năm 1938 đổi thành *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*.

Cuối năm 1935, để kịp thời lãnh đạo phong trào, Tỉnh ủy Lâm thời Quảng Ngãi được thành lập, do đồng chí Nguyễn Công Phương làm Bí thư. Sau một năm hoạt động, cơ sở Đảng và quần chúng cách mạng đã phát triển nhiều nơi, các hình thức tổ chức công khai đã xuất hiện : các nhóm đọc sách báo Cách mạng, Tín thành thư xã... Đảng đã tổ chức một vài cuộc rải truyền đơn, treo cờ đỏ ở một số nơi trong tỉnh, nhân ngày 1-5-1936.

Tháng 7 năm 1936, tại nhà đồng chí Nguyễn Công Phương (ở làng Hòa Vinh nay thuộc xã Hành Phước, Nghĩa Hành), Tỉnh ủy tổ chức cuộc họp bàn về việc thực hiện sự chuyển hướng theo chỉ thị của Trung ương Đảng. Ngoài các chủ trương chung, Tỉnh ủy đặc biệt chú trọng củng cố các tổ chức quần chúng bí mật trong đó có tổ chức phụ nữ để làm nòng cốt cho phong trào ; đồng thời phát triển các hình thức tổ chức công khai với phương châm : lấy "Công khai che dấu bí mật", lấy "kinh tế che dấu chính trị", lấy "hoạt động hợp pháp nửa hợp pháp che dấu không hợp pháp".

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, sau khi ra tù, các đồng chí Phạm Thị Trinh, Nguyễn Thị Nhạn đã cùng các chị Mai Thị Ёn, Đoàn Thị Mỹ, Kiều Thị Quang, Nguyễn Thị Toàn... khẩn trương khôi phục phong trào phụ nữ.

Để tập hợp đông đảo quần chúng phụ nữ, các đồng chí đã dùng sách báo công khai để tuyên truyền và vận động tổ chức các hình thức biến tướng, nhằm tập hợp mọi hoạt động theo sự chỉ đạo thống nhất. Ở nông thôn, các "nhóm cấy, nhóm gặt, nhóm đánh tranh, lợp nhà, nhóm tương tế"... tập hợp đông đảo phụ nữ. Ở các làng Minh Quang, Xuân An, Phú Mỹ, Trung Sơn (thuộc Tịnh Hà ngày nay) ; Cổ Lũy, Tư Cung, Mỹ Lai... (thuộc Tịnh Khê, Sơn Tịnh ngày nay), các chị Kiều Thị Quang, Mai Thị Ёn đã lập ra "Phụ nữ ái hữu" nhằm giúp nhau trong công việc cấy, gặt, vắn đối công, may vá quần áo.

Phụ nữ ở Mộ Đức tham gia hội "Nông dân tương tế" (một dạng

biến tướng của tổ chức Nông hội từ năm 1930), nhằm giúp nhau trong ma chay, cưới xin, công việc đồng áng. Riêng tại thôn Thi Phố Nhì đã có tổ chức hội "Phụ nữ dân chủ" với sự tham gia của chị Đoàn Thị Mỹ, Trần Thị Cảnh và nhiều phụ nữ khác.

Tại thị xã Quảng Ngãi, hầu hết các chị làm nghề thợ may và tiểu thương tham gia "Hội ái hữu".

Các hình thức biến tướng công khai, phù hợp với tình hình thực tế của mọi tầng lớp phụ nữ nên đã tập hợp đông đảo chị em vào các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi thiết thân hàng ngày cho bản thân, cho giới, đấu tranh đòi những quyền lợi chung cho cộng đồng.

Để góp phần vào việc tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng và phổ biến kịp thời tin tức thời sự, Tỉnh ủy cho in ấn các tài liệu như : "TẬP CHÍ ĐỎ", "KIẾN CỐ ĐẢNG", "ĐIỀU LỆ ĐẢNG"... đồng thời lập ra các tổ, nhóm đọc và tuyên truyền sách báo cách mạng, các cơ sở "Tín thành thư quán", "Tín thành thư xã"...

Để làm chân rết cho "Tín thành thư quán", chị em phụ nữ ở Nghĩa Hành, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh và thị xã... tham gia rất tích cực vào các tổ nhóm đọc sách báo cách mạng. Các chị Đoàn Thị Như, Đoàn Thị Nhị, Nguyễn Thị Toàn, Võ Thị Hiệt, Đoàn Thị Mỹ, Đoàn Thị Đồng Linh, Lê Thị Tập, Đoàn Thị Hào, Đoàn Thị Hồng... là những chị nòng cốt trong phong trào này. Khi được tin từ báo "Dân chúng" ở Sài Gòn bị đóng cửa, các chị đã vận động quần chúng phụ nữ quyên góp tiền bạc để ủng hộ cho tờ báo được xuất bản lại.

Tháng 9 năm 1936, Tỉnh ủy đã tổ chức một cuộc họp tại đình làng Thiết Trường (Mộ Đức), để bàn việc đẩy lên phong trào "Đại hội Đông Dương" trong tỉnh. Thời gian này, Tỉnh ủy đã lập ra "Ban liên lạc chính trị phạm" để tập hợp những đảng viên cũ, củng cố lại tổ chức Đảng. Đồng thời Tỉnh ủy đã bắt liên lạc với các đồng chí hoạt động ở Sài Gòn và xứ ủy Trung kỳ. Thay mặt xứ ủy, đồng chí Phan Đăng Lưu đã chỉ thị cho Tỉnh ủy lãnh đạo quần chúng cách mạng Quảng Ngãi làm bản dân nguyện, gởi phái bộ chính phủ Mặt

trận nhân dân Pháp, do thượng nghị sỹ Giuyt-tanh Gô-đa dẫn đầu sang Đông Dương. Đây là cuộc đấu tranh công khai với quy mô lớn, thu hút nhiều giai tầng trong xã hội tham gia. Khẩu hiệu trong cuộc đấu tranh thiết thực đối với quyền sống của con người "ủng hộ chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp, chống bọn phát xít và bọn phản động thuộc địa",

"Cải thiện đời sống nhân dân"

"Tự do đi lại, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn" v.v...

Ban đón tiếp Gô-đa do cụ Trần Kỳ Phong dẫn đầu đã được cử ra. Cuộc vận động diễn ra rất sôi nổi, nhưng bọn cầm quyền ở Quảng Ngãi phối hợp với phần tử phản động để phá hoại, chia rẽ, đàn áp phong trào. Ngày 1 tháng 5 năm 1936, nhà cầm quyền Pháp đã ký lệnh giải tán "Ủy ban hành động", ra lệnh cấm hội họp, mít-tinh, lấy dân nguyện, bùa giáng mìn lưới mật thám đầy đặc để bòngh phá hoại cuộc đón tiếp.

Tuy dịch tùm mọi cách cản trở, ngày 1 tháng 3 năm 1937, ba vạn quần chúng mọi tầng lớp từ khắp nơi trong tỉnh, giương cao băng cờ, khẩu hiệu kéo về thị xã Quảng Ngãi. Mặc dù dịch đe dọa và đàn áp, những người lãnh đạo cuộc đấu tranh vừa khôn khéo, vừa quyết liệt đã gặp Gô-đa trình bày nỗi thống khổ của người dân thuộc địa và đưa bản yêu sách có hàng vạn chữ ký của nhân dân cho Gô-đa.

Trong phong trào vận động lấy chữ ký, các chị Kiều Thị Quang (Sơn Tịnh), Nguyễn Thị Toàn (Nghĩa Hành) ; Đoàn Thị Mỹ, Trần Thị Hùng, Nguyễn Thị Xuân, Hồ Thị Toàn ở Mộ Đức... đã vận động được rất nhiều phụ nữ địa phương mình ký vào bản yêu sách.

Thắng lợi bước đầu trong thời kỳ này làm cho đông đảo phụ nữ trong tỉnh phấn khởi và tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sức mạnh của mình, vào hiệu quả các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp.

Đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 tháng 6 năm 1937, chị em cùng với nhân dân tham gia vào cuộc biểu dương lực lượng rất đông đảo dọc hai đầu cầu Trà Khúc để đón gặp viên toàn quyền Đông Dương

Brê-vi-ê.Nhân dân nhắc lại các yêu sách đã đưa và đòi thả những người bị bắt trong những cuộc đấu tranh vừa qua.

Tháng 8 năm 1937, hưởng ứng cuộc vận động của tỉnh Đảng bộ, chị em cùng chồng con bàn bạc bầu cử những người do Đảng ta vận động đề cử, và đã giành thắng lợi trong cuộc bầu vào viện Dân biểu Trung kỳ.

Bên cạnh những cuộc đấu tranh có quy mô lớn trong tỉnh, những cuộc đấu tranh vừa và nhỏ liên tục nổ ra trong từng địa phương, làng xã, thôn xóm. Tháng 2 năm 1937, dưới sự chỉ đạo của các chị Đoàn Thị Mỹ, Đoàn Thị Nhị, Đoàn Thị Như, Võ Thị Hiệt, Nguyễn Thị Toàn đã nổ ra cuộc bãi chợ tại Nhơn Lộc (nay thuộc xã Hành Tín, Nghĩa Hành).

Tháng 3 năm 1938, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp hội nghị, đặt nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng là thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Hội nghị đã đề ra các chủ trương đối với phong trào phụ nữ là "phải chú ý bênh vực quyền lợi thiết thực của phụ nữ, nhất là phụ nữ lao động và buôn gánh bán bưng".

..."Kéo các lớp phụ nữ vào các tổ chức đơn sơ : tương tế, đám cưới, đám giỗ... ca hát, hội thiện v.v.. như khoáng đại hội nghị Trung ương năm 1937 đã nói... chỉ có bắt đầu từ những điều thấp đó mới có thể dắt dẫn họ lên giác ngộ chính trị và tham gia vào các cuộc vận động giải phóng phụ nữ và cho cả nhân loại".

Về công tác tổ chức, Nghị quyết nêu : " Mỗi Đảng bộ phải có một ban phụ nữ chuyên môn, phải lấy những người phụ nữ hăng hái vào làm việc ấy. Phải đào tạo một số cán bộ phụ nữ để gánh lấy công việc phụ nữ vận động".(1)

Thực hiện nghị quyết của TW Đảng và Tỉnh ủy, các cuộc đấu tranh của quần chúng phụ nữ tiếp tục được tổ chức. Năm 1938, chị em cùng nhân dân làng Hòa Vinh, nay thuộc xã Hành Phước (Nghĩa Hành) đòi bắt thăm khi chia lại công điền. Khí thế cuộc đấu tranh

(1) Văn kiện Đảng (1930 - 1945) sđd, trang 279, 280 .

rất mạnh mẽ làm cho bọn mật thám không dám can thiệp. Tháng 6 năm 1938, một cuộc đấu tranh đòi công cày, công gặt, chia lại công điền, chống tệ xôi thịt ở Vạn Mỹ (nay thuộc xã Nghĩa Phương - Tư Nghĩa) ; cũng trong thời gian này, Nguyễn Thị Nhạn đã lãnh đạo chị em cùng nhân dân ở thôn Đồng Viên (Tư Nghĩa) đấu tranh chống bọn địa chủ chiếm bờ xe nước và giành được thắng lợi.

Trong phong trào đấu tranh chống dự án thuế mới của địch, chị em tiểu thương ở chợ thị xã Quảng Ngãi, sông Vệ, chợ Trạm (Sơn Tịnh), không chịu nộp thuế môn bài, thuế chỗ ngồi, thuế sát sinh... cho địch. Chị em còn dùng cảm chống lại những hành động cướp bóc, hăm hiếp của bọn lính. Trong quần chúng phụ nữ thời bấy giờ còn lưu lại rất nhiều câu chuyện về các chị ở chợ Trạm, chợ Sông Vệ tay không đã tổ chức vây đánh và giật súng khi bị bọn lính ức hiếp, cuối cùng giặc phải tháo lui, nhượng bộ. Chị em ở các chợ thuộc huyện Sơn Tịnh đã bãi thị nhằm chống lại việc đánh thuế, đồng thời nhóm ở những điểm do các chị tự qui định để đáp ứng yêu cầu trao đổi mua bán. Tiêu biểu nhất trong phong trào chống dự án thuế mới là cuộc bãi thị tại chợ Châu Sa (nay thuộc xã Tịnh Châu, Sơn Tịnh) vào ngày 3 tháng 2 năm 1939. Cuộc đấu tranh thu hút hơn 1.000 quần chúng, phần lớn là phụ nữ, do đồng chí Trương Quang Giao và Mai Thị Ân chỉ đạo. Cuộc bãi thị đã trở thành một cuộc biểu tình lớn của nhân dân kéo về huyện lỵ. Đoàn biểu tình đã bị tên quan một Pháp, chỉ huy 30 tên lính khố xanh từ thị xã kéo sang chặn lại ngay chân núi Thiên Ấn. Bất chấp sự khủng bố của địch, đoàn người vẫn hô to các khẩu hiệu : *"Ủng hộ chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp", "chống bọn phát xít và bọn phản động thuộc địa", "phản đối các dự án thuế mới", "thi hành dự án thuế của viện dân biểu Trung kỳ để ra", "thi hành các quyền tự do dân chủ"...*

Lo sợ ảnh hưởng của cuộc biểu tình sẽ lan rộng, địch phải nhận yêu sách, do đồng chí Trương Quang Giao trực tiếp trao, rồi yêu cầu nhân dân giải tán. Đoàn biểu tình quay về chợ Châu Sa để họp mít tinh phát huy thắng lợi và giữ vững khí thế đấu tranh.

Ngày 25 tháng 2 năm 1939, lấy cớ đi xem hát bội (ban ngày) ở Châu Me (Bình Sơn), nhân dân các xã thuộc tổng Châu (Sơn Tịnh) cùng nhân dân các làng lân cận và Châu Me, tổ chức mít tinh ở đình làng sau đó chuyển thành cuộc biểu tình với các khẩu hiệu : Chống dự án thuế mới, đòi các quyền tự do dân chủ. Bọn địch đã chặn bắt người chỉ huy, thu băng cờ, yêu sách. Tuy không đạt được yêu cầu, nhưng cuộc đấu tranh ở Đông Bình Sơn đã có tiếng vang trong tỉnh.

Thời gian này bọn quân phiệt Nhật đang tiến hành mở rộng chiến tranh ở Trung Quốc, trực tiếp uy hiếp và đe dọa Đông Dương. Phụ nữ trong tỉnh đã quyên góp tiền bạc ủng hộ cách mạng Trung Quốc. Hưởng ứng cuộc vận động tẩy chay hàng hóa Nhật, mỗi người đều không dùng hàng Nhật dù vài vốc, đồ sứ Nhật rất đẹp. Họ ri rai với nhau : Thăng Nhật là phát xít, nó độc ác, nó muốn vào cướp nước ta để thay Pháp cai trị, chúng đưa hàng vào tuyên truyền đấy. Nó sẽ moi gan mổ bụng bà già trẻ em. Chị em đừng mua hàng của Nhật...

Nhân ngày quốc khánh của Pháp (14-7-1939), phụ nữ cùng nhân dân Quảng Ngãi tham gia cuộc mít tinh và sau chuyển thành cuộc biểu tình. Trong cuộc đấu tranh này địch đã bắt những đồng chí lãnh đạo đã diễn thuyết và mở phiên tòa xử vào ngày 18-7-1939. Ngay trong phiên tòa các đồng chí đã vạch trần tội ác của địch và đòi phải thực hiện các yêu sách của nhân dân.

Cùng với cuộc đấu tranh của nhân dân miền xuôi, đồng bào các dân tộc ở miền Tây Quảng Ngãi đã phối hợp đấu tranh chặt chẽ, nhịp nhàng. Đó là những cuộc nổi dậy vào những năm 1935 - 1936 của đồng bào ở Tổng Kê (Sơn Hà). Đặc biệt phong trào "Nước xu đỏ"(1) từ năm 1937 đến năm 1939 rất sôi động, nhằm chống xâu,

(1) Là phong trào của các dân tộc ít người ở Bắc Tây Nguyên, nhằm chống thuế, chống xâu, chống áp bức của đế quốc Pháp, giành quyền làm chủ núi rừng.

chống thuế, chống ách cai trị của thực dân Pháp. Trong các cuộc nổi dậy này, chị em phụ nữ các dân tộc đã có những đóng góp quan trọng, như bà Liên, bà Mỏ Nga... vận động chị em đóng góp lúa gạo, nấu cơm tiếp tế, dẫn đường đưa quân đi phá đồn giặc Pháp.

Cuối năm 1939, tình hình thế giới bắt đầu thay đổi. Bọn tư bản phản động phát xít quân phiệt đã gây ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II. Ở Việt Nam, thực dân Pháp dần dần thủ tiêu các quyền tự do dân chủ ít ỏi mà nhân dân ta đấu tranh giành được trong thời kỳ 1936 - 1939, chúng ra mặt khủng bố đàn áp khốc liệt. Để phù hợp với tình hình đó, Trung ương Đảng quyết định chuyển hướng phong trào Cách mạng trong nước. Phong trào đấu tranh của phụ nữ Quảng Ngãi cũng ở trong tình thế chung này.

Trong thời kỳ 1936 - 1939, sau các hoạt động khủng bố trắng của địch (1932 - 1935), phong trào phụ nữ cũng như phong trào Cách mạng ở Quảng Ngãi lại bùng lên mạnh mẽ. Quân thù tưởng rằng sau những đợt vây bắt giam cầm, tra tấn sẽ làm nhụt chí đấu tranh của những người phụ nữ "bản xứ" bé nhỏ mảnh mai này, nhưng không một sức mạnh, một sự khủng bố nào khuất phục được họ. Tuy chưa có một tổ chức riêng của giới từ tỉnh xuống cơ sở như giai đoạn sau này, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, phụ nữ được tập hợp trong các tổ chức ở cơ sở như "Phụ nữ Dân chủ", "Phụ nữ Ái hữu", tham gia các tổ chức biến tướng để đấu tranh. Ngoài việc tham gia các phong trào đấu tranh chung của nhân dân trong tỉnh, phụ nữ Quảng Ngãi còn có những hình thức đấu tranh riêng như : bãi thị, tẩy chay hàng hóa Nhật...

Trong thời kỳ này cũng như sau này, bao giờ phụ nữ cũng đảm nhận những công việc âm thầm nhưng không ít nguy hiểm, đòi hỏi tinh thần dũng cảm và ~~trí~~ thông minh, như giao liên, in ấn, lo ăn nghỉ và bảo vệ cho các ~~đồng chí~~ cán bộ, tham gia quyền góp tiền của, lương thực phục vụ cho các cuộc đấu tranh và nổi dậy của nhân dân trong tỉnh.

Ngoài các đồng chí đã dày dạn kinh nghiệm đấu tranh qua các thời kỳ Cách mạng trước đây, như Nguyễn Thị Nhạn, Phạm Thị Trinh, Mai Thị Ёn, Huỳnh Thị Hồng Đào, Võ Thị Cơ, Nguyễn Thị Thông... nhiều phụ nữ khác được trưởng thành trong cuộc đấu tranh mới như : Đoàn Thị Mỹ, Kiều Thị Quang, Nguyễn Thị Toàn, Võ Thị Hiệt...

Có thể nói, những cuộc đấu tranh của phụ nữ thời kỳ này là *một bước tổng diễn tập* nhằm rèn luyện bản lĩnh và Lhả năng để cùng với nhân dân tham gia việc giành chính quyền vào năm 1945 lịch sử.

CHƯƠNG NĂM

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG (1939-1945) VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM

Trong thời kỳ 1939-1945, phong trào cách mạng Việt Nam đứng trước một thử thách mới rất nặng nề. Những sự kiện lớn trên thế giới tác động trực tiếp đến mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân ta. Đế quốc Pháp nhanh chóng đầu hàng phát xít Đức, phát xít Nhật; thẳng tay đàn áp mọi phong trào yêu nước ở chính quốc và thuộc địa. Hiệp định Pháp - Nhật đã được ký vào ngày 23 tháng 9 năm 1940 đã tạo điều kiện cho Nhật chiếm đóng hầu hết những vị trí xung yếu trong nước. Ở Quảng Ngãi, phát xít Nhật chiếm thị xã, Cổ Lũy, Châu Ổ, Sa Huỳnh. Bọn tay sai, các tổ chức phản động thân Nhật mọc lên như nấm. Pháp - Nhật thi nhau xâu xé miếng mồi ngon Đông Dương. Nhân dân ta ngoài ách nô lệ cũ chưa cời bỏ được lại thêm sự áp bức mới. Thật là cảnh "một cổ hai tròng".

Thực dân Pháp dùng chính sách cai trị thời chiến, vơ vét đến mức tối đa mọi nhân tài vật lực của nước ta, phục vụ chiến tranh, để "giúp đỡ mẫu quốc". Về chính trị chúng thẳng tay khủng bố, đánh phá các tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng; kiểm soát chặt chẽ những người cộng sản. Chúng bắt lính, mộ phu để đi chết thay cho chúng ở Pháp, để đánh nhau với Xiêm ở biên giới Lào - Cam-pu-chia. Phát xít Nhật cũng bắt dân ta nhổ lúa trồng đay, bán thóc, đậu với giá rẻ mạt. Sự thống trị, bóc lột của Pháp - Nhật gây nên nạn đói khủng khiếp trong những năm 1944 - 1945. Hơn 2 triệu đồng bào ta ở miền Bắc đã chết đói.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã ra nhiều thông báo cho các cấp bộ đảng xác định nhiệm vụ đấu tranh mới. Hội nghị Trung ương lần thứ VI ra Nghị quyết nêu rõ sự chuyển hướng chiến lược

cho phù hợp tình hình : *"Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng, để tranh lấy giải phóng độc lập"* (1). Về công tác phụ nữ, hội nghị đề ra việc tổ chức các Hội Phụ nữ phản đế, phản chiến, Chi thị của Trung ương gửi các cấp viết : *"Những nơi nào có đồng chí và hội phụ nữ phải tổ chức ngay Ủy ban phụ nữ để lôi kéo tất cả các giai cấp phụ nữ vào hội, điều cần hơn hết là phải liên lạc cho được những người vợ lính và những người chồng họ sắp vào lính, lấy danh nghĩa giúp đỡ nhau trong khi chồng hay con vắng mặt..."* (2)

Trong Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (tháng 5 năm 1941) ở Pác Bó (Cao Bằng), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nêu rõ nhiệm vụ của Cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc Pháp - Nhật để giải phóng dân tộc, rồi mới giải quyết được quyền lợi của bộ phận, giai cấp. Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Điều lệ của Đoàn Phụ nữ cứu quốc ghi rõ tôn chỉ mục đích của đoàn thể này là : *"Đoàn kết hết thảy các chị em phụ nữ ái quốc Việt Nam để mưu lợi ích hàng ngày của phụ nữ, để cùng các đoàn thể khác đánh Pháp đuổi Nhật làm cho nước Việt Nam ta được hoàn toàn độc lập"*.

Tại Quảng Ngãi, sau hội nghị vào tháng 9 năm 1939 của Đảng bộ tỉnh tại Lâm Lộc (nay thuộc xã Tịnh Hà - Sơn Tịnh) tổ chức Đảng bị địch khủng bố ác liệt, bị tổn thất nặng nề và mất liên lạc với cấp trên. Tuy vậy, một số nữ đồng chí còn lại ở Mộ Đức, Nghĩa Hành vẫn giữ được liên lạc với đồng chí Nguyễn Công Phương và các đồng chí khác đang bị giam ở nhà lao Trà Bồng. Chị Nguyễn Thị Thông góp phần vào việc liên lạc giữa Xứ ủy Trung kỳ và đồng

(1) *Văn kiện Đảng (1930 - 1945) Sđd, trang 56.*

(2) *Văn kiện Đảng (1930 - 1945) Sđd, trang 22.*

chí Nguyễn Công Phương, nhờ đó đã có cuộc hội nghị tại lò gạch ở Trà Bồng để thành lập Tỉnh ủy lâm thời. Đến cuối năm 1940, đảng bộ lại bị địch đánh phá gây tổn thất lớn. Tháng 11 năm 1940, đồng chí Đỗ Xáng sau khi nhận tài liệu do đồng chí Phan Đăng Lưu giao, đã về Quảng Ngãi bắt mối hoạt động, tổ chức cho một số người tham gia luyện tập quân sự, chờ thời cơ khởi nghĩa. Lúc này một số phụ nữ ở Sơn Tịnh đã đóng góp vào việc nuôi nấng, che giấu lực lượng, tổ chức rèn đúc vũ khí. Nhưng do thiếu kinh nghiệm tổ chức nên việc luyện tập quân sự bị lộ, 70 người bị bắt vào tháng 1 năm 1941.

Năm 1939, Nguyễn Năng Lự vượt ngục trở về Quảng Ngãi để gây dựng phong trào, đồng chí bắt liên lạc với các đồng chí ở Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, trong đó có Phạm Thị Trinh. Chị Trinh cùng chị Phạm Thị Hưng đã tìm cách nuôi giấu, bảo vệ đồng chí Lự, tổ chức liên lạc với các đồng chí trong tỉnh, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn đồng chí Lự lại bị địch bắt.

Những cố gắng liên tiếp để xây dựng lại tổ chức Đảng lúc bấy giờ đều bị phá vỡ, hầu hết những đồng chí lãnh đạo đều bị bắt. Một số bị đưa lên nhà tù Lao Bảo, Buôn Ma Thuột, một số khác bị tập trung ở Căng an trí Ba Tơ và Di Lăng. Ở Căng an trí Ba Tơ, đ/c Nguyễn Đôn đã cùng với các đồng chí khác bắt liên lạc với một số cơ sở cũ ở Ba Tơ, thông qua đó tìm cách chấp nối với các cơ sở khác ở trong tỉnh. Gia đình đồng chí Trần Toại gồm cụ bà và ba chị em ruột : Trần Thị Thuý, Trần Thị Thoa, Trần Thị Xuân, cùng chị Huỳnh Thị Thàng đã bắt liên lạc được với cơ sở cũ ở Nghĩa Hành, Mộ Đức ; chị Đoàn Thị Mỹ cũng sớm bắt liên lạc với các cơ sở này.

Mùa hè năm 1942, đồng chí Huỳnh Tấn, Ủy viên thường vụ Ban cán sự Trung nam của Xứ ủy Trung kỳ, được chuyển từ nhà lao Buôn Ma Thuột về Ba Tơ. Đồng chí đã bắt liên lạc với đồng chí Nguyễn Đôn, thành lập chi bộ Đảng gồm 5 đảng viên do đồng chí làm Bí thư,

phổ biến tinh thần Nghị quyết VI, VII, VIII của Trung ương để hành động trong tình hình mới. "Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi" được thành lập. Nhiệm vụ của tổ chức này là vừa xây dựng các lực lượng cứu quốc, vừa làm công tác Đảng trong toàn tỉnh, như một Tỉnh ủy lâm thời. Đoàn Thị Mỹ, một thành viên của tổ chức này, được phân công liên lạc với Quảng Nam và Đảng cấp trên để đưa đón cán bộ và phụ trách các vấn đề tiếp tế. Tỉnh ủy Quảng Ngãi bắt liên lạc được với Xứ ủy Trung kỳ vào đầu năm 1943.

Tháng 6 năm 1943, Tỉnh ủy tổ chức một cuộc Hội nghị và chủ trương nhân ngày 14 tháng 7 năm 1943 (ngày quốc khánh nước Pháp) tổ chức rải truyền đơn, treo cờ đỏ sao vàng trong toàn tỉnh. Đêm 16 rạng ngày 17 tháng 7, truyền đơn và cờ đỏ được rải và treo nhiều nơi trong tỉnh. Đồng bào phụ nữ tham gia tích cực vào các hoạt động này. Chị Đoàn Thị Mỹ đã trực tiếp cùng với cơ sở treo cờ ở cầu Cát (La Hà - Tư Nghĩa).

Trước tình hình phong trào cách mạng bắt đầu sôi động, địch lại đối phó bằng những cách cũ : khủng bố, bắt bớ. Chúng đã bắt được đồng chí Huỳnh Tấn và một số đồng chí khác trong Ủy ban cứu quốc tỉnh vào tháng 8 năm 1943. Mùa hè năm 1943 đồng chí Phạm Kiệt, tiếp đó năm 1944 đồng chí Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương được địch liên tiếp đưa từ lao Buôn Ma Thuột về Quảng Ngãi. Đến lúc này, Ủy ban vận động cứu quốc được tăng cường một đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, trên cơ sở này đã lập ra Tỉnh ủy lâm thời, do đồng chí Trương Quang Giao làm Bí thư.

Tình hình thế giới đầu năm 1945 đã có sự chuyển biến quan trọng : Liên Xô và phe đồng minh đang ở thế thắng, phe trục đang bị thua đau ở nhiều nơi. Phát xít Nhật bị thua ở Thái Bình Dương, chúng rất sợ Pháp làm nội ứng cho phe đồng minh và muốn độc chiếm Đông Dương nên đảo chính hất cẳng Pháp, vào ngày 9 tháng 3 năm 1945.

Phình hình mới đem lại cho cách mạng một thời cơ đặc biệt hiếm có. Tỉnh ủy Lâm thời họp đêm 10 rạng ngày 11 tháng 3 năm 1945, quyết định tổ chức khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tơ. Đồng thời Tỉnh ủy chủ trương phát động một phong trào cách mạng rộng khắp trong tỉnh và các địa phương lân cận, tích cực cướp vũ khí của địch, xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ, phát động cao trào chống Nhật, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong toàn tỉnh (1).

Tỉnh ủy đã phân công các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách là những người chỉ huy chính trong cuộc khởi nghĩa. Các đồng chí Trần Lương, Trần Quý Hai, Trương Quang Giao trở về các vùng nông thôn ở Mộ Đức, Sơn Tịnh... phát động quần chúng tham gia phối hợp khởi nghĩa, đồng thời liên lạc với cấp trên.

Ngày 11 tháng 3 năm 1945, châu lỵ Ba Tơ và đồn Ba Tơ đã bị quân khởi nghĩa cùng với quần chúng cách mạng đánh chiếm. Được tin đồng bào từ các xã vùng cao cũng kéo về hưởng ứng. Ta thu toàn bộ súng đạn, lương thực. Cờ đỏ Sao vàng tung bay phấp phới trên cột cờ đồn giặc. Đêm 11 rạng ngày 12 tháng 3 năm 1945, một cuộc mít tinh lớn đã được tổ chức để Ủy ban nhân dân Cách mạng Ba Tơ ra mắt và kêu gọi nhân dân tham gia vào công cuộc cứu nước, cứu nhà...

Ngay trong đêm 11 tháng 3, quần chúng cách mạng ở Khánh Giang, Trường Lệ (Nghĩa Hành), Thiết Trường (Mộ Đức), Tân Phong (Đức Phổ), đã tập trung đến đình làng, nổi trống mõ, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch (Khánh Giang, Trường Lệ) ; chặt cây cản đường ở Thạch Trụ (Mộ Đức), Tân Hội (Đức Phổ), đề phòng Nhật kéo lên Ba Tơ đàn áp. Ở các vùng đồng bằng khác, vì thời cơ khởi nghĩa chưa đến, nên chỉ tổ chức những cuộc mít tinh để cổ động phong trào.

Được tin khởi nghĩa Ba Tơ nổ ra, phát xít Nhật đưa quân lên đàn

(1) *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929-1945, Sđd, trang 155.*

áp. Trùng lĩnh hình dịch còn mạnh, Tỉnh ủy quyết định duy trì đội quân khỏi nghỉa và chuyển lên xây dựng căn cứ tại vùng núi Cao Muôn, phát triển lực lượng và chờ thời cơ lớn.

Trong gần 2 tháng, đội du kích Ba Tư sống ở vùng núi nước Sung, nước Lá, Gò Rinh... phải chịu rất nhiều gian khổ, song được sự giúp đỡ tận tình của đồng bào, các cơ sở, các đoàn thể cứu quốc, Mặt trận Việt Minh và Đảng bộ Ba Tư. Phụ nữ các dân tộc miền núi đã góp từng bó rau, mớ khoai, lon gạo, củ sắn, để nuôi du kích. Thật cảm động trước tấm lòng của mẹ Thía (Ba Vinh), khi biết anh em đã nhịn đói mà không hề đựng đến lá rau, con cá của đồng bào, mẹ đã đi mót khoai đem đến tặng anh em. Vì thấy mẹ quá nghèo, ăn không đủ bữa nên anh em du kích không nhận. Mẹ cố nài nỉ đến khóc. Anh em du kích phải nhận để mẹ vui lòng. Củ khoai mẹ giúp là "bát cơm phiếu mẫu" mẹ dành cho những đứa con du kích (1)

Ngoài sự giúp đỡ tại chỗ của chị em phụ nữ và nhân dân địa phương, đội du kích còn đón nhận nguồn tiếp tế quan trọng từ trung châu lên. Bến Buồng là một trong những địa điểm tập trung đầu mối tiếp tế : tại đây các chị Thuý, Thoa, Xuân, Vệt, Thàng, Đào... đã dùng thuyền đánh cá để chở lương thực. Một số chị ở Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ... cũng đóng góp tích cực vào công việc tiếp tế.

Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, các đoàn thể cứu quốc - trong đó có Hội Phụ nữ cứu quốc - phát triển nhanh chóng. Cuối tháng 3 năm 1945, đồng chí Phạm Thị Trinh được bổ sung vào Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh. Tháng 3 năm 1945, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng chủ trương thành lập Ban chấp hành các đoàn thể cứu quốc. Lúc này đoàn thể Phụ nữ cứu quốc đã có tổ chức cơ sở ở hầu hết các địa phương, trên cơ sở các tiêu tổ phụ nữ bí mật, hình thành từ cuối năm 1944 đến đầu năm 1945. Tỉnh ủy đã

(1) Bà phiếu mẫu nuôi Hán Tin đánh bạo Tân đầu công nguyên.

chỉ định một số đồng chí gây dựng các tiểu tổ Phụ nữ cứu quốc : đồng chí Hồng Châu, Nguyễn Dật Long, Đoàn Thị Mỹ và các đồng chí phụ trách ở đồng bằng như Phạm Thị Trinh, Phạm Thị Hồng, Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Thị Xân.

Ở Mộ Đức, tháng 12 năm 1944, có 3 tiểu tổ phụ nữ cứu quốc tại Thị Phố Nhất gồm :

Nhóm 1 : Hồ Thị Thu, Hồ Thị Mai, Nguyễn Thị Hồng.

Nhóm 2 : Phạm Thị Hồng, Mai Thị Tiên.

Nhóm 3 : Hồ Thị Vinh, Hồ Thị Muộn.

Ở Đức Phổ có các hội viên :

- Thôn Thủy Thạch (nay thuộc xã Phổ Cường) có Nguyễn Thị Cửu, Quảng Minh Đường (do Kiều Thị Tiên phụ trách).

- Thôn Đồng Phú (nay thuộc xã Phổ Thạnh) có Nguyễn Thị Tuyết, Đỗ Thị Phấn.

- Thôn Long Thạch có Trần Thị Kim Long.

- Thôn Văn Trường có Trần Thị Tòa, Mai Thị Tình, Trần Thị Phước.

Ở Nghĩa Hành có các hội viên :

Làng Hòa Vinh (nay thuộc xã Hành Phước) có Nguyễn Thị Thông, Huỳnh Thị Cẩm Tú, Lê Thị Tuyết Lan.

Tháng 2-1945, đồng chí Hồng Châu chỉ thị lập tổ phụ nữ gồm các chị : Tuyết Lan, Cẩm Tú, Cẩm Vân ; sau đó kết nạp thêm Nguyễn Thị Duật và hai chị Liên, Linh ở Đê An (nay thuộc xã Hành Phước).

Ở Ba Tơ, đồng chí Trần Lương trực tiếp giao nhiệm vụ cho chị Trần Thị Thuyết vận động phụ nữ, xây dựng các tiểu tổ phụ nữ bí mật tại các thôn nay thuộc các xã Ba Động, Ba Đình.

Tại Ba Động :

- Thôn Bắc Lân có Ung Thị Cư, Huỳnh Thị Ty, chị Tứ, chị Hùng.

- Thôn Suối Loà có Nguyễn Thị Thanh, Phạm Thị Sáu, Tuấn, Trợ.

- Thôn Hóc Kê : Nguyễn Thị Miên...

Tại Ba Đình, đồng chí Nguyễn Trí trực tiếp giao nhiệm vụ cho các chị :

- Trương Thị Thìn, tổ trưởng tổ Dốc Miếu.
- Trần Thị Tuyên, tổ trưởng tổ Tài Năng.
- Đặng Thị Miệp, tổ trưởng tổ Vườn Trầu.
- Nguyễn Thị Tinh, tổ trưởng tổ Hoàng Đồn.
- Nguyễn Thị Đồ, tổ trưởng tổ Đồng Dinh.

Ở Sơn Tịnh, từ tháng 11 năm 1944 đến tháng 3 năm 1945 đã thành lập được 9 tiểu tổ phụ nữ cứu quốc trong làng Lâm Lộc (mỗi tiểu tổ từ 3 đến 5 chị). Đầu năm 1945, phong trào phát triển mạnh nhất ở các làng thuộc xã Tịnh Minh ngày nay. Tại đây tháng 2 năm 1945, đồng chí Phạm Thị Trinh đã lập tổ Phụ nữ cứu quốc với sự tham gia của các chị : Võ Thị Bân, Lâm Thị Tâm, Võ Thị Lan, chị Minh, chị Liêm...

Ở Bình Sơn, vào đầu năm 1945, tại các làng thuộc tổng Diên (nay là các xã Bình Châu, Bình Tân, Bình Phú, Bình Thạnh), đã có tổ chức phụ nữ do chị Diên phụ trách.

Ở tổng Hà do Phạm Thị Mơi phụ trách.

Ở tổng Trung do Lê Thị Hành phụ trách.

Một số nơi khác ở Bình Sơn phong trào phụ nữ bí mật cũng phát triển khá, như thôn Thanh Trà (nay thuộc xã Bình Chương) ; các làng nay thuộc xã Bình Chánh ; các thôn Tân Bình, Phú Lộc, Phú Lễ (nay thuộc xã Bình Trung), Nam Bình, Phước Bình (nay thuộc xã Bình Nguyên)...

Ở Tư Nghĩa, Nguyễn Thị Xuân là người đầu tiên gây dựng tổ chức phụ nữ bí mật ở đây. Những địa phương như : Xuân Phổ, An Hội (nay thuộc xã Nghĩa Kỳ), An Thạnh, An Định (nay thuộc xã Nghĩa Lâm), Phú Thuận, Nam Phước (nay thuộc xã Nghĩa Thắng)... có tổ chức phụ nữ bí mật sớm nhất trong huyện. Các chị Nguyễn Thị Ái, Đoàn Thị Đồng Linh là những người nòng cốt.

Ở Sơn Hà, các chị Đinh Thị Rú (tức Hoàng Thị Diệp), Đinh Thị Miên, Đinh Thị Diệm, Đinh Thị Đá tham gia sớm nhất. Về sau, thêm một số chị như : Đinh Thị Xuân, Đinh Thị Hội, chị Tiên, chị Phổ, chị Lý...

Các tiểu tổ phụ nữ bí mật có nhiệm vụ tuyên truyền giác ngộ quần chúng vào tổ chức Phụ nữ cứu quốc, liên lạc làm cơ sở cho các đồng chí lãnh đạo của Đảng ở Căng an trí Ba Tơ với các đồng chí bên ngoài nhà lao, canh gác bảo vệ những đồng chí hoạt động bí mật tại địa phương. Các chị còn phụ trách việc in ấn tài liệu của Đảng.

Sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945), các tiểu tổ phụ nữ bí mật di lạc quyền gạo, thực phẩm, khí giới để ủng hộ du kích Ba Tơ.

Chấp hành Nghị quyết của Tỉnh ủy về việc thành lập Ban chấp hành các đoàn thể cứu quốc, trên cơ sở những tiểu tổ phụ nữ cứu quốc bí mật đã được hình thành ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh, tháng 4 năm 1945, tại cuộc Hội nghị ở Thị Phố Nhất (nay thuộc xã Đức Tân-Mộ Đức) có đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Trương Quang Giao tham dự, Đoàn Phụ nữ cứu quốc Quảng Ngãi được thành lập (1) Ban chấp hành lâm thời Phụ nữ cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi gồm có :

Đồng chí Phạm Thị Trinh, Bí thư, phụ trách Sơn Tịnh.

Đồng chí Nguyễn Thị Xân, Phó bí thư, phụ trách Bình Sơn (2)

Đồng chí Đoàn Thị Mỹ, Ủy viên, phụ trách Nghĩa Hành.

Đồng chí Nguyễn Thị Ái, Ủy viên, phụ trách Tư Nghĩa.

Đồng chí Phạm Thị Hồng, Ủy viên, phụ trách Đức Phổ.

Đồng chí Trần Thị Mai, Ủy viên, phụ trách Mộ Đức .

Hội nghị đã đề ra nội dung và phương hướng hoạt động cho phong trào phụ nữ toàn tỉnh :

- Xúc tiến thành lập Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc Lâm thời

(1) 16-6-1941 : Đoàn Phụ nữ cứu quốc (Trung ương) được thành lập, đến 20-10-1946 mới thành lập Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Ở Quảng Ngãi, có thể từ 1946 mới chuyển tên gọi từ Đoàn Phụ nữ cứu quốc thành Hội Phụ nữ cứu quốc- chúng tôi tiếp tục xác minh.

(2) Nguyễn Thị Xân, sinh 1902 tại Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An. Đồng chí tham gia Cách mạng từ năm 1927, và cao trào 1930-1931 tại Nghệ An. Cuối năm 1939 bị địch bắt giam tại nhà lao Quảng Ngãi. Đến tháng 3-1945 đồng chí vượt ngục và tham gia xây dựng tổ chức Phụ nữ cứu quốc tại Quảng Ngãi.

từ huyện đến cơ sở theo điều lệ thống nhất ; tuyên truyền giáo dục, vận động phụ nữ tham gia các tổ chức Phụ nữ cứu quốc. Chú ý vận động chị em ưu thương và tầng lớp trên tham gia vào các phong trào cách mạng.

- Vận động nữ thanh niên tham gia vào dân quân du kích, tự vệ ở địa phương.

- Vận động phụ nữ và nhân dân tham gia vào phong trào ủng hộ, tiếp tế lương thực, thực phẩm, quần áo, quần trang... cho du kích Ba Tơ.

So với các đoàn thể cứu quốc trong tỉnh, đoàn thể phụ nữ đã thành lập Ban chấp hành sớm hơn cả. Lần đầu tiên kể từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo, chị em phụ nữ toàn tỉnh đã có một tổ chức thực sự đại diện cho giới mình ; có tôn chỉ, mục đích, điều lệ, đường hướng và sự lãnh đạo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Ban chấp hành lâm thời Phụ nữ cứu quốc ra đời là một động lực quan trọng có tác dụng tập hợp đông đảo quần chúng phụ nữ, cổ vũ động viên mạnh mẽ tinh thần và khả năng của mọi tầng lớp phụ nữ để tham gia vào phong trào cứu quốc.

Thực hiện nhiệm vụ đề ra trong Hội nghị, trước hết là công tác xây dựng và hoàn tất bộ máy tổ chức các cấp Hội. Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1945, Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc lâm thời ở xã, tổng, huyện được thành lập ; Đức Phổ (4-1945), Bình Sơn (5-1945), Ba Tơ, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh (6-1945)(1)

(1) Một số ủy viên Ban chấp hành lâm thời Phụ nữ cứu quốc ở huyện như : Ở Sơn Tịnh : chị Lâm, chị Mẹo, chị Minh, chị Tân, chị Dương, chị Tài.

Ở Bình Sơn : chị Ba Nuôi, Mai Anh, chị Mai, chị Ái.

Ở Đức Phổ : chị Nga, chị Diệp, chị Thủy, chị Văn, chị Cửu, chị Hồng.

Ở Nghĩa Hành : chị Mai, Tuyết Lan, chị Tuyền, Nguyễn Thị Đình.

Ở Ba Tơ : chị Thuýết, chị Nghĩa.

Thị xã và Nghĩa Lộ : Nguyễn Thị Liên, Bà Liêm, Nguyễn Thị Lê;

Mộ Đức: chị Phương, Thuý Hồng, Trần Thị Thu, Nguyễn Thị Tịnh.

Cùng với việc xây dựng tổ chức, số hội viên Phụ nữ cứu quốc tăng nhanh chưa từng có. Từ tháng 3 đến tháng 7 năm 1945, số hội viên phát triển từ 20.000 đến 40.000 người trong toàn tỉnh.

Thời gian này đội du kích Ba Tơ đã lập chiến khu ở đồng bằng để phát triển lực lượng, đồng thời xây dựng các "tổ du kích", "lực lượng cứu quốc", lo rèn vũ khí, luyện tập, tuyên truyền cổ động phong trào. Số lượng đội du kích từ 20 người khi mới thành lập đã lên đến hàng trăm người, phiên chế thành hai đại đội Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám. Một nhiệm vụ quan trọng của hội viên phụ nữ lúc này là hưởng ứng phong trào ủng hộ du kích Ba Tơ, mà Tỉnh ủy đã lấy "ngày đặc quyền" là 27 (Âm lịch) mỗi tháng - Ngày đã nổ ra khởi nghĩa Ba Tơ.

Việc nuôi dưỡng một đội quân đông đảo trước ngày ta giành được chính quyền trong hoàn cảnh bí mật không phải là điều đơn giản. Sự tồn tại của nó cho đến ngày khởi nghĩa đã chứng minh thực lực của phong trào cách mạng tỉnh nhà. Để góp phần cho sự tồn tại này có công sức đóng góp rất cụ thể, sinh động, có hiệu lực của mọi tầng lớp phụ nữ trong tỉnh.

Từ chủ trương của Tỉnh ủy, các tổ chức phụ nữ đã vận động quần chúng đóng góp vào 4 quỹ đặc quyền :

Quỹ đặc quyền ủng hộ cứu quốc.

Quỹ đặc quyền ủng hộ du kích Ba Tơ.

Quỹ đặc quyền hỗ trợ nuôi quân.

Đặc quyền sắm vũ khí.

Hội phụ nữ vận động quyền góp các nhu yếu phẩm, từ lương thực, thực phẩm, áo quần chăn màn, thuốc, tiền, trực tiếp đi thu lượm sắt vụn, ống bơ để góp vào việc rèn vũ khí. Các mẹ, các chị đã tùy theo đặc điểm của địa phương mình để tổ chức quyền góp tốt.

Về lương thực, hàng ngày mỗi gia đình tiết kiệm để đóng góp gạo, khoai sắn ủng hộ cách mạng. Có người ủng hộ một lần từ 50 đến 100 ang lúa. Một số nơi chị em tịch thu gạo của Nhật hoặc ở

quý hương đông của làng, tổ chức xay giã rồi sấm ghe thuyền chở lên chiến khu.

Về thực phẩm, các mẹ, các chị ở các làng (thuộc Tịnh Kỳ, Tịnh Hà, Tịnh Khê, Sơn Tịnh ngày nay), An Thạch, An Thổ (Đức Phổ), đã đóng góp nhiều loại đặc sản của địa phương mình : tôm phơi khô, giã với muối cho vào ống tre để mang đi, cá khô, mực khô, nước mắm, (mắm ruốc, mắm cá, mắm cô...).

Phụ nữ ở Nam Đức Phổ, địa phương có nghề dệt vải, quyền góp vải vóc, màn, chăn. Một bà cụ ở Văn Trường (Đức Phổ) đã ủng hộ một cây vải dài 20 mét để may quần áo cho du kích. Có đêm nhân dân Đức Phổ chở lên chiến khu hàng 50 tấm chăn sợi. Chị em tiểu thương buôn bán ở sông Vệ (Tư Nghĩa) đóng góp tiền bạc, vải vóc để may quần áo, vải đỏ để may cờ, cung cấp ruột nghề...

Chị em tích cực thu lượm sắt vụn, ống bơ, rồi trực tiếp chuyên chở đến các lò rèn ở Thọ Lộc, Trường Xuân, Đông Dương, Tịnh Ấn (Sơn Tịnh)... để rèn khí giới. Chị em còn góp tiền mua la bàn, mua xe đạp để anh em có phương tiện hoạt động.

Ở đồng bằng, phong trào quyền góp phát triển hầu khắp các làng xã. Nổi bật nhất là các vùng như Văn Trường (thuộc xã Phổ Văn, Đức Phổ), các làng thuộc Đức Tân, Đức Thạnh (Mộ Đức), Hành Phước, Hành Tín (Nghĩa Hành), Tịnh Hà, Tịnh Hiệp, Tịnh Minh, Tịnh Ấn, Tịnh Bình (Sơn Tịnh) ngày nay.

Ở miền núi, chị em phụ nữ các dân tộc Hre, Cor... cũng có những đóng góp to lớn. Mĩ Nủ ủng hộ 2 trâu, 2 bò, hàng chục chiếc nôi và bộ chông 3 chiếc. Nhiều mẹ, nhiều chị khác đã đóng góp những đồ đặc quý giá nhất của một gia đình miền núi : các nôi bầy và các bộ chông... các thôn Bàu Sơn, Càn Sơn, Xà Ấy (Sơn Hà) ; Suối Loa, Hóc Kè nay thuộc xã Ba Động, (Ba Tơ) đóng góp rất nhiều vào các quỹ lạc quyền.

Ngoài việc quyền góp, ủng hộ, các mẹ, các chị còn trực tiếp đảm nhận công việc vận chuyển lên chiến khu bằng nhiều hình thức :

gồng gánh, ghe thuyền, gùi công... các chị phải vượt qua rất nhiều trạm gác của địch, nhiều chặng đường đèo, đường sông để đem đến tận tay các chiến sĩ.

Một nét đặc biệt của phong trào phụ nữ so với trước là đông đảo chị em đã tham gia vào lực lượng quân sự trong tỉnh, vào các "tiểu tổ du kích", các đội "dân quân tự vệ" tại địa phương. Trong hai đại đội Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám đã có hàng trăm phụ nữ. Đinh Thị Ái (Trà Bồng) là một trong những người nữ đầu tiên tham gia vào đội du kích Ba Tơ. Các chị cũng cắt tóc ngắn, mặc quần soóc, mang kiếm, súng tập luyện như nam giới. Các đội nữ du kích do các chị Tịnh, chị Lê, chị Nhung, chị Bưởi, chị Hồng Tâm... phụ trách. Một số chị em thuộc những gia đình giàu có cũng tình nguyện tham gia.

Ở hầu khắp các xã đều có nữ thanh niên tham gia vào các đội tự vệ, du kích. Một số chị trở thành đội viên nòng cốt rất tích cực. Ở Trà Bồng có Đặng Thị Quảng, Nguyễn Thị Liễu, Phan Thị Chuyển thuộc Trà Xuân ngày nay ; Nguyễn Thị Thảo, Trần Thị Hạnh (Trà Phú) ; Nguyễn Thị Tạo, Nguyễn Thị Hoàng (Trà Bình) ; Đinh Thị Hồng, Đinh Thị Hoa, Đinh Thị Hoàng thuộc Trà Giang ngày nay.

Tại Ba Tơ, đã thành lập hai trung đội du kích. Chị Thịnh, chị Tứ phụ trách đội du kích Ba Động, chị Hoa phụ trách đội du kích Ba Đình. Tại Sơn Tịnh, xã Tịnh Minh là một trong những xã có đội du kích nữ khá sớm, do chị Minh phụ trách.

Tại Tư Nghĩa, đội du kích nữ ra đời sớm nhất ở các làng thuộc xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ ngày nay.

Các đội viên du kích Ba Tơ huấn luyện về quân sự, hướng dẫn cho chị em sử dụng các loại vũ khí chính như dao bẫy, (1) dao phay, kiếm bảy năm (2), giáo mác, lỏ ô vót nhọn...

Ban chấp hành phụ nữ tỉnh đã họp nhiều lần trong tháng 6, tháng

(1) (2) Dao bẫy, kiếm bảy năm là loại vũ khí tự tạo ở chiến khu trên miền núi, theo cách đo của đồng bào dân tộc ít người : dùng nắm tay làm chuẩn, là lưỡi dao, lưỡi kiếm dài bằng bảy nắm tay.

7 năm 1945 chuẩn bị cho lực lượng phụ nữ tham gia khởi nghĩa. Hội chủ trương khi thời cơ đến, chị em kịp thời cùng nhân dân nổi dậy cướp chính quyền, làm tốt các công tác bảo vệ cơ sở, giữ gìn bí mật...

Với những nhiệm vụ cụ thể đã được vạch ra, phụ nữ trong tỉnh dự trữ lúa gạo, tiền bạc, thuốc men, quần áo vũ khí (gươm giáo gậy gộc) cờ băng khẩu hiệu... những thứ cần thiết cho cuộc khởi nghĩa đã được chuẩn bị. Một số nơi thuộc vùng biển không có vải vàng, vải đỏ may cờ, chị em sáng kiến giặt trái lười long nhuộm vải trắng để có màu đỏ, lấy nghề nhuộm vải làm ngôi sao vàng. Một số vùng núi như Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ... chị em chuẩn bị lò ô vót nhọn làm vũ khí.

Ngay trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, chị Nguyễn Thị Xuân và Phạm Thị Trinh tham gia đoàn đại biểu, lên chiến khu Phan Đình Phùng dự buổi lễ động viên lực lượng du kích. Các chị thay mặt phụ nữ trong tỉnh mang quà lên ủy lạo đơn vị. Chị Trinh đã trao cho ban chỉ huy đội du kích, mà đồng chí Nguyễn Chánh (1) là người đại diện, một lá cờ "to bằng chiếc chiếu" và một thanh gươm cao quá đầu, tượng trưng cho chiến đấu và chiến thắng.

Khi được tin Nhật đầu hàng đồng minh, chiều 14 tháng 8 năm 1945, Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh, liền tiếp ra các chi thị số 8 và số 9 phát động toàn dân vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền về tay cách mạng.

Với lực lượng chính trị và vũ trang khá hùng hậu trong tỉnh, cuộc nổi dậy mạnh mẽ như triều dâng thác đổ của đồng bào quần chúng Cách mạng đã nổ ra. Từ chiều 14 tháng 8 đến sáng 17 tháng 8 năm 1945, toàn bộ chính quyền từ cơ sở đến tỉnh (kể cả đảo Lý Sơn) đều thuộc về cách mạng. Ngay sau đó, thực hiện chỉ thị của Ủy ban khởi

(1) Nguyễn Chánh (1901 - 1957), quê Thọ Lộc (Tỉnh Hà - Sơn Tịnh) tham gia cách mạng 1930, nguyên là chính trị viên đội du kích Ba Tơ 1945, nguyên Bí thư liên khu ủy V, chính ủy kiêm tư lệnh trưởng các lực lượng vũ trang cách mạng liên khu V trong kháng chiến chống Pháp, nguyên Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II, là chồng đồng chí Phạm Thị Trinh.

nghĩa, chính quyền cách mạng các cấp đã được thành lập. Ngày 30 tháng 8 năm 1945, với khí thế sôi nổi cao độ của những người dân mất nước đã giành được độc lập, mọi tầng lớp phụ nữ cùng nhân dân trong tỉnh tham gia biểu dương lực lượng và dự lễ ra mắt của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Lê Trung Đình.

Trong những ngày khởi nghĩa, chị em nữ dân quân du kích cùng nam du kích, và nhân dân tham gia nhiều trận đánh phát xít Nhật. Ở Trường Xuân (Sơn Tịnh), phụ nữ kéo lên đấu tranh đòi bọn giặc rút khỏi lô cốt ở đầu cầu Trường Xuân, dưới sự chỉ nuy của các chị Nguyễn Thị Tinh, Phạm Thị Quế (ức Giám), Nguyễn Thị Bớt (ức Hoa), phụ nữ Đông Dương (nay thuộc Tịnh Ấn - Sơn Tịnh), bằng các vũ khí dao bầy, gươm, gậy gộc kéo lên cướp đồn Thương Chánh. Trong trận này chị em thu được một khẩu súng lục về nạp cho chị Trinh. Cùng với anh em du kích, chị em đã tham gia đánh Nhật ở trận Xuân Phổ (trưa ngày 15 tháng 8) diệt hai xe hiến binh Nhật và một số tên hiến binh, quan một, quan hai... ngày 17 tháng 8, phụ nữ tham gia đánh Nhật ở các trận Mỏ Cày, Thi Phổ (Mộ Đức) ; Sa Huỳnh, Cổ Lũy. Riêng trận Cổ Lũy chị em tham gia rất đông với vũ khí là các dao lờ xắt chuối. Nhân dân Mộ Đức còn nhắc một chuyện vui và cảm động : khi xe Nhật chạy qua, có chị phụ nữ đã lấy câu liêm khoèo bánh xe Nhật. Chị em phụ nữ ở Mộ Đức còn bắt một tên lính Nhật để nằm trên giường, lấy dây dừa ràng chặt không cho nó cựa quậy rồi khiêng đi giao cho dân quân, theo đằng sau là một số chị em nổi trống mõ lên để tống tiễn. Tên lính Nhật sợ chết nên kêu khóc ầm 1...

Trong những ngày khởi nghĩa sôi động, chị em ở tất cả các địa phương đều tham gia tích cực trong việc bắt viết gian, phản động ; nấu cơm tiếp tế cho du kích.

Ngày 30 tháng 8, đông đảo phụ nữ các huyện cùng nhân dân biểu tình tuần hành đổ về thị xã Quảng Ngãi. Số lượng phụ nữ "nòng cốt" tăng khá nhanh : Mộ Đức 50 chị, Đức Phổ 70, Nghĩa Hành 30 chị... các chị đã góp phần lớn vào việc giác ngộ, vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia vào sự kiện lịch sử trọng đại này.

Thời kỳ 1930 - 1945 là thời kỳ lịch sử quan trọng, đánh dấu một bước phát triển có tính quyết định của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời. Lần đầu tiên sau 80 năm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp và tay sai phong kiến ; dân tộc Việt Nam, giai cấp công nhân và nông dân Việt Nam đã thực sự giành được quyền độc lập tự chủ của mình. Đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ, *đây là một cuộc giải phóng có tính chất hoàn toàn, triệt để nhất, có những thay đổi rất quyết định và cơ bản về vị trí của người phụ nữ trong xã hội.*

Nhìn lại chặng đường lịch sử đầy chông gai từ khi Đảng Cộng sản được thành lập, nhìn lại những bước thăng trầm của phong trào, những tổn thất, hy sinh, mất mát nặng nề của mỗi con người, mỗi một gia đình trong cộng đồng dân tộc mới thấy hết giá trị của thắng lợi này. Tiếp tục truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của Võ Thị Đệ, Trịnh Tuyết Anh... lại có Đảng lãnh đạo, phụ nữ Quảng Ngãi như được chấp thêm đôi cánh. Các chị đã đứng lên phá tung xiềng xích trói buộc dân tộc, giai cấp, xóa bỏ thân phận "nữ nhi thường tình" đầy bi thương trong xã hội phong kiến, thực dân. Chính vì lẽ đó nên dù biết rằng phía trước đoàn biểu tình là súng đạn, lưỡi lê của kẻ thù các chị vẫn cầm cờ đỏ dẫn đầu đoàn người xông lên. Những chị Hiệp, Trinh, Nhạn, Thục, Lan, mẹ Viêm... và hàng trăm các mẹ, các chị đã góp phần tô thắm cho trang sử đỏ của giới mình, xứng đáng với truyền thống cách mạng của phụ nữ Việt Nam.

Trong những thời kỳ đen tối nhất của phong trào cách mạng (1932 - 1935, 1940 - 1944), phụ nữ vẫn *một lòng chung thủy, kiên trung với cách mạng*. Bị đánh đập, tù đầy, tra tấn nhưng các mẹ, các chị không hề lay chuyển chí khí, mà càng tôi luyện, càng tăng thêm lòng căm thù và quyết tâm. Lực lượng phụ nữ tham gia cách mạng ngày càng đông đảo, trở thành những cơ sở bí mật, đặc biệt tin cậy của Đảng, những người nâng niu, chăm sóc, nuôi dưỡng đồng chí mình trong hiểm nguy, gìn giữ lực lượng cách mạng ngày một phát

triển. Đặc biệt phụ nữ đã làm hầu hết và có kết quả công tác giao thông liên lạc, đúng như đồng chí Hà Huy Tập đã viết trong "sơ thảo lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương": "Phụ nữ là những người giao thông và tuyên truyền giỏi nhất, thường thường người ta nghe phụ nữ nhiều hơn nam giới, vì sự dũng cảm của phụ nữ luôn khuyến khích lòng hăng hái cho số nam giới còn do dự và sợ sệt" (1). Đặc biệt, số chị em chẳng may sa vào tay địch hầu như không có chị nào đầu hàng, khai báo, phản bội.

Trong và sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (tháng 3-1945), các tổ chức phụ nữ bí mật hình thành khắp nơi trong tỉnh. Phong trào phụ nữ Quảng Ngãi đã có lực lượng để tạo ra bước chuyển quyết định : thành lập Ban chấp hành lâm thời Phụ nữ cứu quốc tỉnh, hình thành sự lãnh đạo thống nhất và có hiệu quả cao. Sự ra đời của tổ chức này đáp ứng được yêu cầu của phong trào phụ nữ, có tác dụng tập hợp tối đa mọi sức mạnh của phong trào đã có, đang có, để cùng toàn dân tham gia vào trận quyết chiến cuối cùng giành chính quyền. Trong thời kỳ lịch sử này, các chị Phạm Thị Trinh, Đoàn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Thị Thông... thực sự là những con chim đầu đàn của phong trào.

Sự đóng góp của mọi tầng lớp phụ nữ trong quá trình thành lập và phát triển đội du kích Ba Tơ, xây dựng hệ thống dân quân du kích ở cơ sở... trong thời kỳ tiền khởi nghĩa có ý nghĩa rất lớn. Nó góp phần quan trọng để tạo nên thực lực cho phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển, tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Tham gia cách mạng và trưởng thành trong phong trào chung, phụ nữ Quảng Ngãi đã xây dựng cho mình một lực lượng, một kinh nghiệm tranh đấu khá phong phú, nâng cao thêm bản lĩnh và ý chí của mình để cùng nhân dân trong tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ ở các giai đoạn lịch sử sau này.

(1) Tư liệu lưu tại Bộ nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi.

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

CÁCH mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Một trang sử mới mở ra trong lịch sử dân tộc. Song, cùng một lúc thù trong giặc ngoài, thiên tai đe dọa sự tồn tại của chính quyền cách mạng. Quả thật, giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền càng khó hơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, nhân dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn của tình huống "nghìn cân treo sợi tóc" trong năm đầu sau cách mạng và bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

Cùng toàn dân và phụ nữ cả nước, phụ nữ Quảng Ngãi có những đóng góp to lớn trong nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc.

CHƯƠNG SÁU

PHONG TRÀO PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG NĂM ĐẦU SAU CÁCH MẠNG (1945-1946)

Cách mạng tháng Tám thành công, phụ nữ Quảng Ngãi bước vào cuộc sống mới. Từ đây đã chấm dứt thân phận người dân mất nước. Cuộc đời tui nhục, cơ cực và bao nhiêu lễ giáo, tập tục hà khắc, trói buộc người phụ nữ đã bị xóa bỏ. Tiếp tục truyền thống Cách mạng của các thời kỳ trước, phụ nữ Quảng Ngãi hăng hái tham gia mọi công tác.

Số hội viên sau Cách mạng tháng Tám tăng nhanh, Ban chấp hành các cấp (huyện, tổng, xã) được thành lập và củng cố. Để đáp ứng nhu cầu cán bộ, được Việt Minh Quảng Ngãi và Hội Phụ nữ Trung Bộ giúp đỡ, Quảng Ngãi mở nhiều lớp tập huấn huyện và củng cố Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc Tỉnh.

Ngày 2-9-1945, Đại hội lần thứ nhất Đoàn Phụ nữ cứu quốc Quảng Ngãi khai mạc. Tham gia đại hội có Ban chấp hành Phụ nữ tỉnh, bí thư, phó bí thư các huyện Hội. Đồng chí Phạm Thị Trinh chủ trì đại hội.

Đại hội đã kiểm điểm công tác trong thời gian qua và nhất trí đề ra những nhiệm vụ chung sắp tới là "Đoàn kết, động viên các tầng lớp phụ nữ tham gia xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, ra sức xây dựng thực lực chính trị, võ trang, kinh tế, văn hóa !" Về tổ chức, đại hội quyết định "Tiếp tục phát triển, củng cố các tổ chức Phụ nữ cứu quốc từ tỉnh đến cơ sở, chăm lo đào tạo cán bộ, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác của Hội cũng như mọi nhiệm vụ khác của Đảng giao."

Tại Đại hội bầu Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc Quảng Ngãi, các Ủy viên Ban chấp hành cũ đều trúng cử lại, cùng một số đồng chí mới (1). Đồng chí Phạm Thị Trinh-nguyên Bí thư Ban chấp hành lâm thời tỉnh Hội, Tỉnh ủy viên và ủy viên Ủy ban vận động cứu

(1) Bổ sung thêm Nguyễn Thị Nga, Võ Thị Bân, Nguyễn Thị Nhạn

quốc Quảng Ngãi-được bầu lại Bí thư Tỉnh hội, đồng chí Nguyễn Thị Xuân, phó Bí thư.

Tổ chức phụ nữ các huyện, xã lần lượt tổ chức đại hội và bầu Ban chấp hành các cấp.

Việc củng cố về tổ chức tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào phụ nữ Quảng Ngãi phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn mới của cách mạng. Tuy nhiên, vấn đề cán bộ vẫn được đặt ra cấp thiết. Nhờ sự giúp đỡ của Tỉnh ủy, Tỉnh hội đã mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phụ nữ. Các đồng chí trong thường trực Tỉnh ủy (Nguyễn Đôn, Nguyễn Chánh...) đã tham gia giảng dạy. Ngoài ra nhiều cán bộ phụ nữ Quảng Ngãi (1) tham dự các lớp huấn luyện do phụ nữ Trung Bộ tổ chức, với sự giúp đỡ của Xứ ủy.

Nhiều nhiệm vụ quan trọng đang đặt ra cho đất nước chúng ta lúc bấy giờ mà phụ nữ phải chung vai gánh vác.

Ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra 6 việc cấp bách, "một là phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói... mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Hai là mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Ba là, tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu.

Bốn là, mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện cần, kiệm, liêm, chính.

Năm là, bỏ ngay ba thứ thuế : thuế thân, thuế chợ, thuế đò, tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Sáu là, tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết (2).

(1) Các đồng chí Nguyễn Thị Diệp, Văn, Đình, Lê Hằng, Văn Anh, Thanh Trúc, Nguyễn Thị Lê, Nguyễn Thị Ái, Thúy Hồng, Bội Lan, Nguyễn Thị Nga đã tham dự các lớp này.

(2) Hồ Chí Minh, tuyển tập, tập I, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1980, trang 355.

Những công việc cấp bách ấy cụ thể hóa nguyện vọng to lớn của Bác là mong cho nhân dân được tự do, đồng bào có cơm ăn, áo mặc, được học hành. Vì vậy, nhân dân ta nhiệt liệt hoan nghênh và hưởng ứng thực hiện.

Cũng như phụ nữ cả nước, phụ nữ Quảng Ngãi hăng hái thực hiện những công tác mà Chính phủ nêu ra. Trước hết để góp phần xây dựng "Quỹ độc lập", nhân dân Quảng Ngãi hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "hãy quyền góp vàng xây nền độc lập". Những kết quả thu được trong "Tuần lễ vàng", được tổ chức từ 17 - 24/9/1945 đã biểu hiện "lấm lòng vàng" của những người dân yêu nước Quảng Ngãi, mà phụ nữ gương mẫu đi đầu. Nhiều chị em cùng chồng con đem những vật gia truyền, những đồ kỷ niệm (hoa tai, nhẫn cưới, vòng tay, dây chuyền...) ủng hộ Chính phủ. Kết quả, nhân dân Quảng Ngãi đã đóng góp 49 kg 500 vàng, 107 kg bạc, 316 kg đồng vào quỹ độc lập (1). Chỉ lính riêng ở làng Thanh Sơn tổng Phan Bằng, phủ Nguyễn Nghiêm (nay thuộc xã Phổ Cường, Đức Phổ) đã có 65/108 phụ nữ đóng góp trong tuần lễ vàng được cấp trên khen.

Trong việc chống giặc đói, phụ nữ cũng đi đầu, 100% gia đình thực hiện "ngày đồng tâm", "hũ gạo cứu đói", "hũ gạo tiết kiệm" để "nhường cơm xẻ áo" cho những người thiếu thốn. Câu ca dao khá phổ biến lúc bấy giờ là :

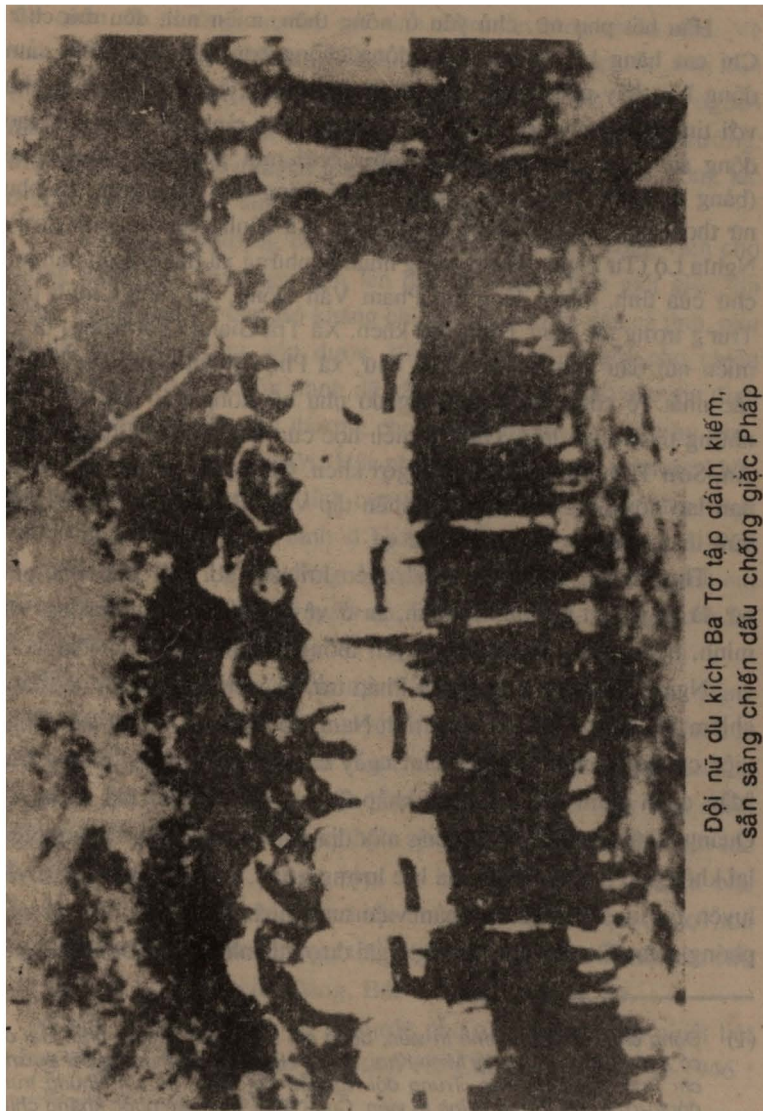
"Ai đi Nam Định, Ninh Bình

Gửi theo nắm gạo chút tình miền Nam".

600 tấn gạo của nhân dân Quảng Ngãi đã gửi ra miền Bắc (2). Hàng trăm tấn gạo, hàng ngàn tấn muối được đưa đến giúp đỡ các vùng đói kém, miền núi.

(1) Theo hồ sơ báo cáo tổng kết của Ủy ban KCHC Quảng Ngãi "kháng chiến về mặt kinh tế, từ 9-1945 - 8-1954" tài liệu lưu tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi.

(2) Theo báo "Đời sống mới" của Quảng Ngãi, ra ngày 15-8-1946. Tài liệu lưu tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi.



Đội nữ du kích Ba Tơ tập đánh kiếm,
sẵn sàng chiến đấu chống giặc Pháp

Hầu hết phụ nữ, chủ yếu ở nông thôn, miền núi, đều mù chữ. Chị em hăng hái đi học, vận động chồng con đến lớp. Thật cảm động khi thấy những người vừa thoát đời nô lệ, vùng lên làm chủ với linh thần hiếu học hiếm có : học vào lúc rảnh rỗi, giữa giờ lao động sản xuất, trên các nẻo đường, với mọi phương tiện sẵn có (bảng đen, mo cau, phấn, than...). Chỉ trong một thời gian, số phụ nữ thoát nạn mù chữ ngày càng nhiều. Xã Bình Chánh (Bình Sơn), Nghĩa Lộ (Tư Nghĩa) được công nhận là những xã thanh toán nạn mù chữ của tỉnh, được đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Chính phủ Trung ương tại Nam Trung Bộ khen. Xã Trà Giang (Trà Bồng) là xã miền núi đầu tiên xóa nạn mù chữ, xã Phổ Thuận (Đức Phổ) xuất sắc nhất về công tác này, trong đó phụ nữ đóng góp khá lớn vào những thành tích trên. Gương hiếu học của Huỳnh Thị Chánh (Tịnh An, Sơn Tịnh) được cả nước ngợi khen. Chị bị cụt cả hai tay, vì tai nạn lao động, đã bền bỉ dùng chân tập viết. Chị vừa sản xuất giỏi, vừa tham gia dạy bình dân học vụ.

Thực hiện "đời sống mới", theo lời kêu gọi của Bác Hồ, phụ nữ đã giảm bớt mê tín, dị đoan, ăn ở vệ sinh, giữ gìn nếp sống văn minh, lịch thiệp - đặc điểm truyền thống của phụ nữ Việt Nam.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, đánh chiếm Sài Gòn, rồi lan ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Công việc chuẩn bị chống ngoại xâm ngày càng khẩn trương, phong trào "đầu quân Nam tiến" rầm rộ khắp Trung Bộ và Bắc Bộ, trong đó Quảng Ngãi khá sôi nổi. Không một địa phương nào của Quảng Ngãi lại không có phụ nữ tham gia lực lượng tự vệ, du kích, thường xuyên luyện tập quân sự, đảm nhận việc nuôi quân. Một đại đội nữ giải phóng quân đầu tiên của Quảng Ngãi được thành lập(1). Đại đội luyện

(1) Đồng chí Tịnh làm chính trị viên, đồng chí Lê, chính trị viên phó. Đại đội có 2 trung đội : trung đội Minh Khai, do chị Hồng Tâm làm trung đội trưởng, chị Tịnh, chính trị viên. Trung đội Nguyễn Thị Bình, do chị Nhung, trung đội trưởng, chị Trang chính trị viên. Cuối 1946, khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ, đại đội nữ giải phóng quân giải thể

tập quân sự thường xuyên, với tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Về sau nhiều đồng chí (Nhưng, Cảnh) được điều đi giúp các tỉnh bạn (Phan Rang, Phan Thiết) huấn luyện các đơn vị nữ. Nhiều người tham gia Vệ quốc quân (Đinh Thị Đò) chiến đấu ở chiến trường. Một số phụ nữ tình nguyện gia nhập các đơn vị Nam tiến, công tác ở công binh xưởng, làm y tá, cứu thương, tiếp tế.

Phụ nữ là lực lượng chủ yếu trong việc tổ chức, động viên cho chồng, con, em, cháu yên tâm lên đường ra mặt trận giết giặc lập công. Trong ngày "Nam Bộ kháng chiến", cùng nhân dân cả tỉnh, phụ nữ đã vận động, thu góp được 102.884.751 đồng gửi cho chiến trường miền Nam. Chiến tranh đã gây mất mát lớn cho các gia đình binh sĩ. Để giảm nhẹ đau thương cho những người vì nước hy sinh, "Hội binh sĩ bị nạn" ra đời. Hội nhanh chóng được tổ chức khắp nơi trong tỉnh. Phụ nữ đã tích cực hoạt động, mỗi tháng thu được 15.000 đ. Riêng "tuần lễ binh sĩ bị nạn", tổ chức vào tháng 3-1946 đã quyên góp hơn 10 vạn đồng. Ngoài ra, phụ nữ đã gửi cho anh em thương bệnh binh 2.000 bộ quần áo, 506 chiếc chăn, 200 chiếc màn, 37 đôi giày và 9.000 đồng(1).

Để củng cố chính quyền cách mạng mới giành được, Đảng quyết định sớm tổ chức tổng tuyển cử, bầu quốc hội đầu tiên của nước ta. Lần đầu tiên, phụ nữ được thực hiện quyền công dân cao quý nhất, bỏ lá phiếu quyết định bầu những đại biểu thay mặt mình vào cơ quan Nhà nước tối cao. Nếu chúng ta biết rằng, cho đến lúc bấy giờ, trên thế giới chỉ có phụ nữ Liên Xô mới có quyền bầu cử các cơ quan lập pháp, mới hiểu được giá trị của quyền lợi mà phụ nữ Việt Nam được hưởng, tính chất ưu việt của chế độ dân chủ nhân dân và công ơn của Đảng, Bác Hồ đối với phụ nữ.

Vì vậy, cũng như phụ nữ cả nước, phụ nữ Quảng Ngãi nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 5-1-1946 :

(1) "Báo đời sống mới" Quảng Ngãi, số dẫn trên

"Ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình. Ngày mai dân ta sẽ tỏ cho các chiến sĩ ở miền Nam rằng : về mặt quân sự, thì các chiến sĩ dùng súng đạn mà chống quân thù, về mặt chính trị, thì nhân dân dùng lá phiếu mà chống với quân địch. Một lá phiếu có sức lực một viên đạn.

Ngày mai, quốc dân ta sẽ tỏ cho thế giới biết rằng : dân Việt Nam đã

"Kiên quyết đoàn kết chặt chẽ ;

Kiên quyết chống bọn thực dân ;

Kiên quyết tranh quyền độc lập"(1)

Ngày 6-1-1946, ngày bầu cử Quốc hội, là ngày hội toàn dân. Từ sáng sớm, cùng với cử tri nam, các mẹ, chị ăn mặc chỉnh tề, đến các địa điểm bỏ phiếu, được trang hoàng đẹp đẽ với Quốc kỳ, chân dung Bác Hồ để làm nghĩa vụ công dân của mình. Nói sao cho hết niềm tự hào, xúc động của phụ nữ Quảng Ngãi tay run run viết những nét chữ nguệch ngoạc, song tràn trề lòng, lên những người mà mình ướn nhiệm hoặc trầm ngâm suy nghĩ nhờ cán bộ bầu cử viết tên những người hy sinh cả cuộc đời mình cho độc lập dân tộc, cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ, như Phạm Văn Đồng, Phạm Quang Lược, Nguyễn Trí, Hà Văn Tánh, Nguyễn Duân, Đinh Mai, Lê Hồng Phong. Tất cả 7 người có một đại biểu dân tộc ít người.

Sau cuộc tổng tuyển cử Quốc hội, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp cũng được tiến hành (17-2-1946 bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, tháng 4-1946, bầu Hội đồng nhân dân xã). Nhiều phụ nữ được cử tri ướn nhiệm, đã trúng cử cùng nam giới bàn việc làng, việc nước (2).

(1) Hồ Chí Minh tuyển tập, Số 379.

(2) Phạm Thị Trinh và Nguyễn Thị Nhan trúng cử vào HDND tỉnh : ở các huyện nhiều đ/c tham gia Ủy ban Kháng chiến Hành chính như : Nguyễn Thị Nga ở Đức Phổ ; Trần Thị Mai, Mộ Đức ; Nguyễn Thị Ái, Tư Nghĩa ; Phạm Thị Trinh, Sơn Tịnh.

Vào đầu năm 1946, Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị kiểm điểm công tác trong thời gian qua và đề ra những nhiệm vụ cấp bách như ủng hộ các đoàn quân Nam tiến (1), đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, công tác bình dân học vụ. Hội nghị bổ sung một số Ủy viên vào Ban chấp hành và bầu đồng chí Nguyễn Thị Sâm (tức Nguyên) làm Bí thư, thay Phạm Thị Trinh nhận nhiệm vụ khác (2).

Việc củng cố các tổ chức Hội ở cơ sở được quan tâm. Từ sau Đại hội phụ nữ tỉnh (9-1945), các huyện Hội lần lượt tiến hành Đại hội : Đức Phổ (đầu 1946), Sơn Tịnh (4-1946), Mộ Đức (10-1946)... Đại hội đã thảo luận việc thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh hội, trong đó việc củng cố phát triển tổ chức Hội ở xã, thôn được đặt lên hàng đầu. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành mới để lãnh đạo phong trào phụ nữ trong huyện. Tiếp sau đó, các tổ chức phụ nữ cơ sở phát triển nhanh chóng, thu hút hầu hết phụ nữ vào Hội.

Cuối năm 1945, đầu 1946, Đại hội phụ nữ Trung Bộ tổ chức ở Huế. Bốn đại biểu của Tỉnh hội Quảng Ngãi tham gia tại Đại hội. Các đồng chí Lâm Thị Tâm, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Nga được bầu vào Ban chấp hành Xứ Hội Trung Bộ (3)

Vấn đề cán bộ có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của phong trào ; vì vậy, Tỉnh hội phụ nữ Quảng Ngãi, được sự hỗ trợ của Việt Minh tỉnh, mở 3 lớp huấn luyện cho cán bộ phụ nữ. Mỗi lớp có khoảng 30 học viên. Thời gian một tháng, nội dung gồm có các vấn đề :

- Những phong trào phụ nữ thế giới.

-
- (1) Từ Bắc vào chiến đấu ở các chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Ghé lại Quảng Ngãi để nghỉ ngơi hay huấn luyện.
 - (2) Có ý kiến khác cho rằng, hội nghị này tiến hành vào cuối 1946 (tháng 10 hay 12).
 - (3) Sau đó đồng chí : Nguyễn Thị Xuân và Phạm Thị Hồng được điều vào công tác ở Bình Định

- Nhiệm vụ của phụ nữ hiện nay.

- Cách tổ chức một Hội nghị và thế nào là khoáng đại Hội nghị (1).

Những lớp huấn luyện như vậy giúp cho cán bộ hiểu biết thêm về phong trào của giới mình, nâng cao trình độ tổ chức lãnh đạo, trao đổi kinh nghiệm công tác.

Có tổ chức, có đội ngũ cán bộ, phong trào phụ nữ Quảng Ngãi trong thời gian cuối năm 1946 tiếp tục phát triển. Các nhiệm vụ chống giặc đói, giặc dốt, thu được nhiều thành tích mới. Đến cuối tháng 6-1946 có 94.838 người thoát nạn mù chữ. Tổng số giáo viên là 5.042 người. Tháng 7-1946, toàn tỉnh có 2.341 lớp học văn hóa, trong đó có 1.906 lớp công cộng và 335 lớp tư gia với 59.509 người học chữ, 9.227 người học bổ túc văn hóa. Số giáo viên tăng lên 5.594 người. Phần lớn học viên các lớp bình dân học vụ, bổ túc văn hóa là phụ nữ(2).

Trong phong trào tăng gia sản xuất, tỉnh hội đã chỉ đạo phụ nữ tiếp tục khai hoang, vỡ hóa để tăng lương thực, ủng hộ bộ đội ăn no, đánh thắng, làm yên lòng chồng, em, con ở mặt trận. Trên mảnh đất cần, hẹp của Quảng Ngãi, vào mùa nắng hạn 1946 mà đâu đâu cũng một màu xanh tươi của lúa, bắp, sắn, khoai lang, các loại rau, đậu do bàn tay phụ nữ chăm trồng.

Việc ủng hộ tiền tuyến là mối quan tâm đặc biệt của phụ nữ Quảng Ngãi. Nó thể hiện tấm lòng của người hậu phương đối với tiền tuyến. Trong các cuộc hội chợ (3) phụ nữ cả tỉnh tổ chức nhiều gian hàng với nhiều hàng hóa, do bàn tay khéo léo của chị em làm ra. Số tiền thu được ủng hộ cho tiền tuyến, cho quý." mùa đông binh

-
- (1) Các đ/c Nguyễn Chánh, Nguyễn Thành Nghị, Nguyễn Sơn... đã tham gia giảng dạy các lớp huấn luyện của phụ nữ.
 - (2) Theo báo "Đời sống mới" Quảng Ngãi (đã dẫn trên).
 - (3) Hội chợ đầu tiên tổ chức vào đầu năm 1946, tại sân vận động thị xã, do đồng chí Nguyễn Thị Sâm khai mạc, với sự tham gia của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quảng Ngãi - Nguyễn Công Phương.

sĩ", cung cấp cho du kích, tự vệ các xã luyện tập quân sự tập trung.

Trong phong trào ủng hộ chiến tuyến, lúc bấy giờ ở Quảng Ngãi đã ra đời "Hội từ mẫu", gồm các mẹ lớn tuổi, chăm lo, săn sóc thương bệnh binh. "Hội từ mẫu" Quảng Ngãi sau này trở thành "Hội mẹ binh sĩ".

Thực dân Pháp ngày càng mở rộng chiến tranh xâm lược. Được các đế quốc giúp đỡ, thỏa hiệp với chính phủ Quốc dân Đảng, Tưởng Giới Thạch, Pháp muốn nhanh chóng thiết lập sự thống trị ở Việt Nam, rồi cả Đông Dương. Song âm mưu của chúng không thể nào thực hiện trước sức kháng chiến mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam. Chúng buộc phải ký hiệp định sơ bộ 6-3, ngồi vào bàn hội nghị ở Phòng-ten-bờ-lô (1), mời Chủ tịch Hồ Chí Minh làm thượng khách nước Pháp (2) rồi ký tạm ước 14-9. Nhưng vốn bản chất ngoan cố, tham vọng thực dân lớn, chúng tìm cách phá hoại những điều đã thỏa thuận ký kết và âm mưu đánh chiếm cả nước.

Cùng toàn dân, phụ nữ quan tâm, lo lắng theo dõi những diễn biến có quan hệ đến vận mệnh của dân tộc, của bản thân mình, quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Đảng "...Pháp sẽ đánh mình và mình cũng phải nhất định sẽ đánh Pháp"(3). Lời kêu gọi của Bác Hồ ngày 5 tháng 11 năm 1946 tăng sức mạnh cho nhân dân Việt Nam, cho phụ nữ cả nước và Quảng Ngãi. "Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa xuân" (4).

Một điều khích lệ lớn đối với phụ nữ Việt Nam là bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước ta - Hiến pháp năm 1946 - đã khẳng định về mặt pháp lý *"phụ nữ Việt Nam đã đứng ngang hàng với đàn ông để hưởng mọi quyền công dân"*.

-
- (1) *Tại hội nghị Phòng-ten-bờ-lô, trường phái đoàn chính phủ Việt Nam, đồng chí Phạm Văn Đồng đã trình bày lập trường kiên định của nhân dân Việt Nam trong đấu tranh cho độc lập dân tộc.*
 - (2) *Chủ tịch Hồ Chí Minh là thượng khách nước Pháp từ 6-9-1946.*
 - (3) *Văn kiện Đảng - Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng, tập I, trang 94.*
 - (4) *Hồ Chí Minh tuyển tập, Số trang 399.*

Chiến tranh xâm lược của thực dân ngày càng lan rộng ; ngày 21 tháng 11 năm 1946, thực dân Pháp dùng tàu thủy, máy bay lập trung bắn phá thị xã Quảng Ngãi. Các cơ quan của tỉnh và nhân dân thị xã sơ tán về nông thôn, miền núi, được các mẹ, chị ở địa phương giúp đỡ tận tình. Việc bố phòng, chuẩn bị đánh giặc được tiến hành khắp nơi. Phụ nữ cùng nam giới tham gia phá hoại từng đoạn, đắp ụ chướng ngại trên quốc lộ 1, các đường nội tỉnh, liên xã, lộ đường sắt, tiêu thổ kháng chiến, làm vườn không, nhà trống ở thị xã, các nơi đông dân...

Đảng, Chính phủ, Bác Hồ luôn luôn quan tâm đến công cuộc kháng chiến sắp tới của nhân dân miền Nam. Cuối năm 1946, đồng chí Phạm Văn Đồng được cử đại diện Trung ương Đảng, Chính phủ ở miền Nam Trung Bộ. Nhân dân, phụ nữ Quảng Ngãi nhiệt liệt chào đón đồng chí ngày 11 tháng 11 năm 1946 trở về tỉnh nhà.

*

*

*

Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, phụ nữ Quảng Ngãi, cùng nhân dân cả nước, cả tỉnh phấn đấu xây dựng và củng cố chính quyền, vượt qua bao nhiêu khó khăn bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ và nhất định thắng lợi.

Tiếp tục truyền thống "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh", truyền thống cách mạng trong thời kỳ trước, *phụ nữ Quảng Ngãi đã đóng góp xứng đáng vào việc vượt qua tình hình "nghìn cân treo sợi tóc" của đất nước lúc bấy giờ.*

CHƯƠNG BẢY
PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CÔNG CUỘC
XÂY DỰNG VÙNG TỰ DO, PHỤC VỤ
TIỀN TUYẾN (1947 - 1950)

Thực dân Pháp đã công khai xóa bỏ Hiệp định sơ bộ 6-3, Tạm ước 14-9, khiêu khích nhiều nơi ở Hà Nội, Hải Phòng và nhiều địa phương. Chúng ta đã kìm chế, nhân nhượng để tránh đổ máu. Song thực dân Pháp "đánh chết, nứt không chữa" ra sức thực hiện âm mưu xâm lược. Chúng ta không lùi bước, quyết tâm thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng "Tất cả hãy sẵn sàng !".

Đêm 19 tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, đồng thời lời kêu gọi vang dậy núi sông của Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền đến khắp mọi nẻo đường, đến tận người dân Việt Nam :

"Hỡi đồng bào toàn quốc !

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng.

Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa !

Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

... Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước..." (1)

Theo lời kêu gọi của Bác, nhân dân ta đã vùng dậy đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

(1) Hồ Chí Minh, tuyển tập, Sđd, trang 403.

Cuộc kháng chiến anh dũng trong các đô thị (Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng...) lan rộng đến khắp nơi. Quảng Ngãi không bị Pháp trực tiếp đánh chiếm, song luôn luôn bị chúng đe dọa. Vì vậy việc bố phòng chống giặc cũng là nhiệm vụ quan trọng lúc bấy giờ, trong đó việc phá hoại, tiêu thổ kháng chiến là một công tác trọng tâm bởi vì "... đánh thì phải phá hoại. Ta không phá thì Pháp cũng phá. Bây giờ ta phải phá để chặn chúng lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng... kháng chiến thắng lợi rồi tôi ra sức cùng đồng bào sửa sang tu bổ lại hết. Chúng ta sẽ làm những đường sá cầu cống khéo hơn, những nhà cửa tốt hơn và xứng đáng với một dân tộc tự do, độc lập hơn.(1)

Để quán triệt đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng, Chính phủ và Bác Hồ và chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, tháng 2 năm 1947, Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị mở rộng đến các Bí thư, Phó bí thư huyện, thị xã, tại thôn Ba La, xã Nghĩa Đông, Tư Nghĩa (nay thuộc thị xã Quảng Ngãi), do đồng chí Nguyễn Thị Sâm, Bí thư tỉnh Hội - chủ trì. Đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Trung ương Đảng và chính phủ ở Nam Trung Bộ và đồng chí Trương Quang Tuân, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi tham dự hội nghị.

Hội nghị học tập để thấu suốt nội dung, tinh thần các Nghị quyết, chủ trương của Trung ương Đảng, lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ. Trên cơ sở ấy Hội đề ra những nhiệm vụ cấp thiết : "động viên và tổ chức các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh tham gia kháng chiến bằng mọi hình thức, ở mọi miền ; làm tốt công tác hậu phương, phục vụ tiền tuyến". Hội nghị này cũng đã nhấn mạnh đến việc tiếp tục xây dựng các tổ chức phụ nữ cơ sở vững mạnh để làm tốt hơn nữa các nhiệm vụ được giao ; đồng thời ra sức củng cố và phát triển các tổ chức khác của Hội, như "Hội mẹ chiến sĩ",

(1) Hồ Chí Minh, tuyển tập, Sđd, trang 412 - 413.

"Hội mùa đông binh sĩ" để nuôi dưỡng thương, bệnh binh và động viên chiến sĩ ngoài mặt trận.

Các Nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành tỉnh Hội được triển khai nhanh chóng và có hiệu quả ở các cấp Hội ; tạo nên một phong trào sôi nổi, hoàn thành nhiều công việc cụ thể, thiết thực, có ý nghĩa. Chị em đã động viên chồng, con, em tham gia các lực lượng vũ trang của tỉnh và khu, các đơn vị dân quân, du kích xã để luyện tập, canh gác, tuần tiễu. Phụ nữ vùng ven biển có nhiều thành tích trong việc bố phòng chống giặc. Cùng với nhân dân, phụ nữ tham gia phá đường, đắp ụ chướng ngại trên khắp nẻo đường, đặc biệt dọc đường số 1, đoạn từ Châu Ổ đi Sa Huỳnh ; đường 5A từ Thạch Trụ (Mộ Đức) đi Giá Vụt (Ba Tơ) ; đường 5B từ Sơn Tịnh đi Sơn Hà v.v...

Công sức của phụ nữ Quảng Ngãi cũng đổ vào việc xây dựng các tuyến chiến đấu ở đèo Mỹ Trang (xã Phổ Cường), hầm địa đạo ở núi Dầu (Đức Phổ). Ở nội thành thị xã Quảng Ngãi, chị em tham gia phá sập các nhà lều để địch không sử dụng gây tổn thất cho ta. Đi đôi với công tác dựng chướng ngại vật, chị em tích cực xây dựng làng chiến đấu : rào các đường cũ, trở các ngách mới, đào hào giao thông, hầm bí mật, hầm cá nhân, hầm tròn nắp máy bay ; lập các vọng gác và hệ thống báo động dây chuyền.

Chí khí anh hùng của phụ nữ Quảng Ngãi, cũng như ở nhiều địa phương khác trong nước, thể hiện ở việc tự nguyện, tự tay mình đập phá nhà cửa, ở những nơi giặc Pháp có thể đánh chiếm. Tiền của ai không xót, song thân mình còn dám hy sinh cho độc lập, tự do của dân tộc, thì tiếc gì ngôi nhà hoặc bất cứ tài sản quý giá nào khác.

Việc phòng gian bảo mật, thực hiện "ba không" (không biết, không nghe, không thấy)(1) ; đấu tranh trên mặt trận kinh tế (chống việc

(1) *Lúc bấy giờ trong phụ nữ Quảng Ngãi phổ biến câu ca*

"Không cần, không nói làm chi.

Nếu ai cần thì phải tìm hiểu, chỉ về đường đi, dò tìm" .

mua bán, tiêu dùng hàng nước ngoài), được phụ nữ nghiêm chỉnh thực hiện, làm gương cho con em noi theo.

Phụ nữ Quảng Ngãi trong thời gian này vẫn giữ vai trò chủ yếu trong lao động sản xuất, thay thế cho chồng con đi chiến đấu. Vì điều kiện chiến tranh, lúa gạo không thể nhận tiếp vận từ các tỉnh Nam Bộ như trước. Do đó việc tự túc lương thực càng đặt ra cấp thiết. Công việc này trở nên vô cùng khó khăn đối với một tỉnh có ít ruộng lúa như Quảng Ngãi, nhân lực lao động lại giảm, số người thoát ly sản xuất càng nhiều. Trong điều kiện như vậy, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến Hành chính tỉnh Quảng Ngãi chủ trương giảm diện tích trồng mía từ 27.000 mẫu Trung Bộ xuống 8.000 mẫu để lấy đất trồng lúa, hoa màu và cây bóng dẹt vài(1). Tỉnh hội phụ nữ đã động viên hội viên tích cực sản xuất. Bài hát phổ biến ở liên khu V lúc bấy giờ diễn tả quyết tâm của nhân dân trên mặt trận nông nghiệp "Lúa khoai ta gắng trồng, sườn non đến bờ sông. Áo ta chưa ấm lòng, thay mía ta trồng bông".

Một trọng những công tác sôi nổi, có kết quả của phong trào phụ nữ Quảng Ngãi giai đoạn này là hoạt động của "Hội mẹ binh sĩ", một thành viên của Hội phụ nữ tỉnh, gồm những bà mẹ từ 50 tuổi trở lên. Nhiều người trong "Hội mẹ binh sĩ" đã tham gia Ban chấp hành Hội phụ nữ các cấp.

Đồng chí Phạm Văn Đồng đánh giá cao những thành tích của "Hội mẹ binh sĩ" Quảng Ngãi và nêu rõ những nhiệm vụ cấp thiết, cụ thể của Hội :

- May áo trấn thủ gửi ra mặt trận cho chiến sĩ.
- Quyên góp ủng hộ nuôi quân.
- Nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh tại các bệnh viện.
- Giúp thương binh xây dựng gia đình, nơi ăn chốn ở".

(1) Hồ sơ báo cáo tổng kết của UB KCHC Quảng Ngãi, tài liệu đã dẫn.

Hoạt động của "Hội mẹ binh sĩ" Quảng Ngãi quả thực đã trở thành phong trào quần chúng trong phong trào chung của phụ nữ Quảng Ngãi. Khắp các huyện ở trung châu, cũng như miền núi, các Hội mẹ binh sĩ đã làm tốt nhiệm vụ của mình.

Ở Đức Phổ, năm 1947, phụ nữ huyện đã tổ chức diễn kịch để lấy tiền ủng hộ cho phong trào "Mùa đông binh sĩ". Mỗi một thôn ở đây đều có Hội mẹ binh sĩ. Các mẹ ở xã Phổ Văn (nơi bà Trần Thị Tòa phụ trách) nhận nuôi từ một đến hai người thương binh. Riêng bà Tòa, tự đem tiền vàng của mình để cưới vợ cho người thương binh làm con nuôi của bà. Phong trào xã Phổ Văn được Việt Minh tỉnh biểu dương, nêu gương tốt về công tác nuôi dưỡng thương binh trong toàn tỉnh.

Ở Mộ Đức, trong cuộc họp ban chấp hành Huyện hội mở rộng (năm 1947) đã lập ra "Hội mẹ binh sĩ". Huyện Hội cử ba chị trong Ban chấp hành Nguyễn Thị Điểm, Cửu Minh, Huỳnh Phổ An phụ trách Hội, mỗi xã có từ sáu đến bảy chị phụ trách Hội đến từng thôn xóm.

Ở Nghĩa Hành, năm 1947 tổ chức nhiều buổi lễ mẹ nhận con có tác dụng rất tốt. Phụ nữ toàn huyện tham gia tích cực vào việc may áo mùa đông cho chiến sĩ, trong đó, phụ nữ các xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Phong... đóng góp khá nhiều. Riêng xã Hành Phước, các bà mẹ tham gia 100% vào Hội mẹ binh sĩ.

Ở Sơn Tịnh, phong trào ủng hộ binh sĩ mạnh và đều khắp. Vùng Đông Sơn Tịnh là nơi bộ đội thường xuyên về đóng quân hàng hai, ba tháng trời, phụ nữ ở đây (nhất là xã Tịnh Khê) đã quyên góp nhiều loại lương thực, thực phẩm ngon và bổ để bồi dưỡng cho các chiến sĩ. Các chị hội trưởng của Hội mẹ binh sĩ ở Khê Hội, Khê Thành (thuộc xã Tịnh Khê) như chị Điền, chị Biền rất tích cực trong việc vận động nuôi quân.

Ở Bình Sơn, Sơn Hà, là những huyện có nhiều đơn vị bộ đội đóng quân như trung đoàn 92, 108, đại đội 14 Tây Nguyên và đại đội 106 Sơn Hà... đóng quân. Hội mẹ chiến sĩ đã lập quỹ nuôi quân, mỗi

mẹ, chị đã đóng từ 4 ang đến 20 gùi lúa vào quỹ này. Các bà như bà Nú, Bôm (Sơn Nham) giá Ôn, giá Rạch (Sơn Thành)... là những người đi đầu trong phong trào này.

Không những làm tốt công tác nuôi quân, các mẹ, các chị còn đón nhiều thương, bệnh binh về gia đình làm con nuôi, anh em nuôi.

Tình thương sâu nặng của Hội mẹ binh sĩ thật xứng đáng với lời khen tặng của Bác Hồ : "Đã hòa lẫn với lòng yêu nước, yêu con, yêu chiến sĩ thành một mối yêu thương không bờ bến".

Cuối năm 1947, Hội nghị về công tác Hội mẹ binh sĩ tổ chức tại Nghĩa Hành nhằm sơ kết, rút kinh nghiệm công tác này và triển khai tiếp phong trào mẹ nhận con. Tham dự Hội nghị gồm đại diện Hội mẹ binh sĩ ở các huyện, đại diện các đơn vị bộ đội và một số ngành liên quan đã đến dự.

Để ghi nhận một phần trong đóng góp to lớn của Hội mẹ binh sĩ, trong "Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)" (1) viết: "Hội mẹ binh sĩ đã đóng góp 153.737 đồng và 1.044 ang lúa. Quỹ đồng tâm kháng chiến 700.834 đồng. Tuần lễ "Mùa đông kháng chiến" 616.510 đồng. Ủng hộ Đại hội luyện quân lập công của liên khu V tổ chức tại thị xã Quảng Ngãi 100.000 đồng. Ngoài ra còn đóng góp nuôi dân quân, du kích trong những lần luyện tập gần bốn triệu đồng ; đóng góp hàng triệu đồng cho các bệnh viện, bệnh xá ngoài vùng tuyến, chưa kể 3.991 thương, bệnh binh được đưa về từng địa phương, cho từng gia đình nuôi dưỡng".

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến, thực dân Pháp mở rộng đánh phá, lấn chiếm ở vùng tự do khu V. Ở Quảng Nam, chúng đã chiếm phía Bắc, lấn le đánh các huyện phía Nam, giáp Quảng Ngãi. Ở phía Tây, các tỉnh Gia Lai, Kon Tum đã bị chiếm. Hàng nghìn đồng bào, cán bộ, bộ đội các tỉnh bạn kéo về Quảng Ngãi. Nhân dân Quảng Ngãi,

(1) Do bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghĩa Bình xuất bản năm 1988, trang 104.

chủ yếu là phụ nữ, lo toan nơi ăn, chốn ở, sắp xếp việc làm cho đồng bào tản cư.

Phong trào phụ nữ trong tỉnh lớn mạnh, cán bộ phụ nữ cũng trưởng thành nhanh chóng. Nhiều đồng chí tham gia cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền, Mặt trận Liên Việt, chứng tỏ khả năng của phụ nữ trong công tác quản lý xã hội và lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh - một công việc quá xa lạ với phụ nữ trong lịch sử Việt Nam, cũng như ở nhiều nước. Tại Đại hội tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi năm 1946, ba phụ nữ đã được trúng cử vào Tỉnh ủy : Phạm Thị Trinh, Nguyễn Thị Sâm, Nguyễn Thị Nga. Nhiều cán bộ phụ nữ cũng tham gia vào cấp ủy huyện, Nguyễn Thị Nhạn (Tư Nghĩa), Nguyễn Thị Diệp (Đức Phổ) v.v...

Tuy nhiên việc đào tạo cán bộ kế cận cho phong trào phụ nữ đang phát triển mạnh mẽ ở Quảng Ngãi vẫn là nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh Hội. Được sự giúp đỡ của Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh Hội đã tổ chức nhiều lớp huấn luyện cho cán bộ phụ nữ các cấp. Nội dung, chương trình học tập vừa thiết thực vừa nâng cao về mặt lý luận và hoạt động thực tiễn. Các học viên được nghiên cứu có hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về đường lối chính sách của Đảng, Điều lệ, tổ chức và lề lối làm việc, công tác quần chúng của Đảng và của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Các đồng chí Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy là những giảng viên nhiệt tình và có uy tín của các lớp huấn luyện(1).

Trên cơ sở nội dung và chương trình của Tỉnh Hội, các huyện Hội phụ nữ cũng tổ chức nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ cấp cơ sở. Nhiều lớp của tỉnh có quy mô lớn, tổ chức tốt, thu nhiều kết quả như lớp huấn luyện ở Nghĩa Hành vào tháng 7 năm 1947 cho 50 học viên tham dự. Một lớp học khác có quy mô lớn hơn, cũng do

(1) Các đồng chí Vũ Đình An, Trương Quang Tuấn, Nguyễn Thành Nghi; Hồng Châu...

Tỉnh Hội tổ chức ở Nghĩa Trang (Tư Nghĩa) cho 100 cán bộ phụ nữ theo học.

Kết quả của các lớp học là nâng cao nhận thức lý luận của cán bộ phụ nữ, vốn trưởng thành trong phong trào thực tiễn, giàu kinh nghiệm. Qua lớp học và hoạt động thực tiễn sau này, cán bộ phụ nữ Quảng Ngãi càng thấm thía câu nói nổi tiếng của V.I. Lê-nin, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích ghi ngay ở trang đầu quyển "Đường Cách mệnh" (1927) "Không có lý luận cách mạng, không có phong trào cách mạng".

Trên cơ sở sự phát triển của phong trào và để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, tháng 10 năm 1947, Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ hai được tổ chức tại Thi Phổ (Mộ Đức). 150 đại biểu đại diện cho các tầng lớp phụ nữ toàn tỉnh về dự. Đồng chí Trương Quang Tuấn, Bí thư Tỉnh ủy, tham dự Đại hội thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ đối với phong trào phụ nữ trong tỉnh.

Đại hội thống nhất đánh giá cao phong trào phụ nữ tỉnh nhà trong thời gian từ sau Đại hội lần thứ nhất (9-1945) đến nay, đặc biệt từ sau ngày toàn quốc kháng chiến : phong trào phụ nữ Quảng Ngãi khá mạnh. Tuy nhiên, thực tiễn cũng chỉ rõ, phong trào chưa đều trong các địa phương, Ban chấp hành Tỉnh Hội hoạt động chưa đều tay, chưa đáp ứng những yêu cầu của phong trào phụ nữ trong tình hình mới.

Đại hội đã thông qua các Nghị quyết nhằm thực hiện, đẩy mạnh những công tác quan trọng, trước mắt, chủ yếu là :

"- Cùng cố và phát triển "Hội mẹ binh sĩ", hướng hoạt động của Hội vào các công tác trọng tâm, nhận nuôi dưỡng thương binh, tổ chức thăm hỏi thương, bệnh binh tại các bệnh viện.

- Cùng cố các tổ chức phụ nữ ở cơ sở, giáo dục hội viên, động viên chị em tham gia kháng chiến, động viên chồng, con ra trận đánh giặc.

- Ra sức phát triển sản xuất, tự cấp, tự túc, vận động xây dựng

quỹ quân lương, khuyến khích dùng hàng nội hóa, đấu tranh việc dùng hàng ngoại.

- Tiếp tục tham gia học tập văn hóa, thanh toán nạn mù chữ, xây dựng đời sống mới, xóa bỏ những tập tục có hại cho sản xuất, sức khỏe."

Những Nghị quyết của Đại hội lần này rõ ràng đi sâu hơn về chất đối với yêu cầu và nhiệm vụ mới, chứng tỏ sự trưởng thành và phát triển của phong trào phụ nữ Quảng Ngãi trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến.

Đại hội bầu ra Ban chấp hành gồm 13 đồng chí (1), Ban thường vụ 5 đồng chí (Nguyễn Thị Nga - Bí thư, Nguyễn Thị Nguyên (Sâm), Võ Thị Hoàng Mai, Nguyễn Thị Minh, Trần Thị Ngộ).

Trước sức mạnh kháng chiến của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của thực dân Pháp đã thất bại. Cuộc tấn công của giặc Pháp lên căn cứ Việt Bắc hòng tiêu diệt "đầu não kháng chiến" của nhân dân ta đã bị đánh bại thảm hại. Càng đánh quân dân ta càng mạnh, sức lực địch giảm dần. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng mở rộng vào tháng 1 năm 1948 đã nhận định: "Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc và chiến tranh nổ mạnh ở miền Nam đã gây thêm únh thần nỗ lực phấn khởi trong toàn dân, tăng thêm tin tưởng ở tiền đồ kháng chiến vẻ vang của dân tộc. Nó chứng tỏ Việt Nam nước nhỏ, không có căn cứ địa chắc chắn, biên giới có thể bị bao vây, vũ khí kém, nhưng với sự đoàn kết và cố gắng của toàn dân, dưới chế độ dân chủ cộng hòa, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Hồ Chí Minh vẫn có thể kháng chiến thắng lợi (2).

Tuy nhiên, thực dân Pháp chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước

(1) Ban chấp hành có 3 đại diện cho Hội mẹ bình sĩ: Huỳnh Phổ An, Trần Thị Tỏa, Nguyễn Thị Tâm. Hai đại diện cho nữ thanh niên Nguyễn Thị Tài, và Lê Thị Huệ.

(2) Văn kiện Đảng 1945-1954, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, trang 170.

ta, chúng còn ra sức đánh phá, "cho nên, quân và dân ta phải luôn luôn gắng sức đề phòng, luôn luôn tấn công địch và phá hoại địch..."

Để tăng thêm sức mạnh kháng chiến lâu dài, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, ngày 27 tháng 3 năm 1948, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào "thi đua ái quốc" nhằm làm cho :

*"Người, người thi đua,
Ngành, ngành thi đua,
Ngày, ngày thi đua,
Ta nhất định thắng,
Địch nhất định thua"(1)*

Phong trào thi đua yêu nước phát triển nhanh chóng ở Quảng Ngãi, đặc biệt phong trào phụ nữ. Những khẩu hiệu, những chỉ tiêu thi đua được nêu "mỗi phụ nữ trồng 20 cây bông kháng chiến", "thi đua trồng vòng khoai kháng chiến", "thi đua nuôi con gà kháng chiến".

Tinh thần, sức lực của phụ nữ tăng lên gấp bội trong lao động sản xuất (đắp đập, khai mương, vét giồng, đào ao, chống hạn bằng gàu sòng, gàu giai, cày máy bơm chạy than...). Câu hò, hát vang lên trên các cánh đồng rộn rang không khí thi đua sản xuất :

*"Sáng trăng sáng cả cánh đồng,
Em đi tát nước gàu sòng, gàu giai,
Phận em chẳng đặng làm trai,
Nên đành tát nước gàu giai, gàu sòng;
Một mai, mai một nên công;
Lúa xanh chín đồng, em để của riêng.
Hỡi người bạn cũ thanh niên,
Anh ra đi lính, ta nguyện đợi nhau.
Lúa kia mà bán chợ Cầu,*

(1) Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1955, tập II, trang 20.

*Em nhận ân trời, may áo cho anh
Trắng vàng sáng cả ruộng xanh,
Có chồng đi lính duyên lành biển bao.*

Cùng với nhân dân trong tỉnh, phụ nữ Quảng Ngãi lập nhiều thành tích xuất sắc trong thi đua sản xuất. Chị em đã góp nhiều công sức cùng nam giới để phá đá, đào đất làm nên con kênh Bầu Súng nổi tiếng (1), kênh Sơn Tịnh (2), kênh Tư Nghĩa (3), kênh Bình Minh (Bình Sơn) (4), đập được các đập Cà Rinh (Bình Sơn) (5) ngăn nước mặn, đập Đá Sơn (Tư Nghĩa) (6), đập An Thọ (Đức Phổ) (7) v.v...

Để tận dụng nguồn nước sông Vệ, chị em tham gia đào đắp đưa nước sông vào các con kênh và sông nhỏ như sông Thoa (Mộ Đức), An Chỉ (Nghĩa Hành), kênh Tứ Đức (Mộ Đức), kênh Nghĩa Phương (Tư Nghĩa)... Đào đắp tổng cộng 130.000 m³ đất chỉ trong 1 tháng, tưới thêm 1.234 mẫu và bảo đảm đủ nước cho 7.298 mẫu ruộng cấy hai mùa.

Ngoài việc đào kênh, đắp đập, chị em còn góp sức xây dựng bốn bờ xe nước ở sông Trà Khúc, bốn bờ ở sông Trà Bồng.

-
- (1) Kênh Bầu Súng (Mộ Đức) dài 1.500m song phải đục xuyên qua lớp đá ong 1.000m, có nơi đào sâu 40 - 65m, nhưng đoạn lộ thiên cũng sâu 9,6m đào trong 3 năm mới xong, thoát nước cho 200 mẫu ruộng ứng tưới 300 mẫu khác.
 - (2) Kênh Sơn Tịnh dài 16km, đáy rộng 4m, dẫn nước sông Trà Khúc và tưới cho đồng ruộng. Trong lòng kênh có 4 bờ xe nước một bánh và 47 máy bơm than tưới 3.007 mẫu Trung Bộ cho ruộng đồng Tịnh Ấn, Tịnh Thành, Tịnh Phong, Tịnh Hòa.
 - (3) Kênh Tư Nghĩa dài 4 km; tưới 11.000 mẫu ruộng một vụ thành 2 vụ.
 - (4) Kênh Bình Sơn đào trong một năm, tưới được 250 mẫu.
 - (5) Đập Cà Rinh, ngăn mặn cho 165 mẫu ruộng ở Bình Trị (Bình Sơn) và cải tạo 800 mẫu đất hoang thành đất tốt.
 - (6) Đập Đá Sơn tưới cho 150 mẫu ruộng của đồng bào dân tộc ở Nghĩa Lâm.
 - (7) Đập An Thọ (Đức Phổ) tưới cho 280 mẫu.

Không chỉ chú trọng công trình thủy lợi lớn và vừa, chị em là những người tích cực tiên phong trong việc đắp các đập nhỏ, đào ao, đào giếng, đặt xe lừa, xe than, cần vọt (chỉ tính riêng xã Tịnh Thành, Sơn Tịnh, đã có 1.434 giếng cần vọt).

Các công trình thủy lợi đã làm tăng sản lượng lúa hàng năm của các huyện Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ từ 3000 - 4000 tấn ; tiết kiệm được 100.000 công tát nước, 200 tấn lúa chi phí cho việc dựng các bờ xe trên sông Vệ. Những công trình thủy lợi này đã tưới thêm cho 7 vạn một nghìn mẫu ruộng (tăng 12 lần so với diện tích được tưới trước cách mạng Tháng Tám), đồng thời thay đổi tập quán sử dụng và phân phối nước từ mấy trăm năm trước để lại. Tuy nhiên, sức lực của phụ nữ Quảng Ngãi vẫn còn phải đổ nhiều cho việc chống hạn. Các mẹ, chị, các cháu nhỏ dưới nắng chang chang của trưa hè vẫn kiên nhẫn kéo cần vọt đổ nước vào ruộng, gạn từng gàu nước tưới cho cây khô héo vùng đất bãi, phải tát nước hoặc dùng xe lừa đưa nước lên 6, 7 bậc. Người phụ nữ Quảng Ngãi còn quá gian nan trong công việc ruộng đồng, qua đây càng bộc lộ những bản chất cần cù, chịu thương chịu khó của người phụ nữ Việt Nam.

Công sức và mồ hôi người phụ nữ Quảng Ngãi đổ xuống ruộng đồng đã góp phần thắng thiên tai, nuôi quân khỏe đánh thắng giặc. Sản lượng hàng năm tăng 36 ngàn tấn lúa, góp phần rất lớn cho việc tự túc và nuôi quân, chấm dứt tình trạng phải đi mua lúa từ các tỉnh trong miền Nam. Đây là một trong những thành tích rất nổi tiếng của Liên khu 5 mà chủ yếu là các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú về tự túc lúa gạo. Đặc biệt công tác thủy lợi trong thời kỳ kháng chiến, trong đó mọi tầng lớp phụ nữ đóng góp rất lớn để thay nam giới ra trận.

Các ngành nghề thủ công cũng phát triển, đảm bảo mọi nhu cầu cho nhân dân và bộ đội trong thời kỳ kháng chiến. Nghề làm muối trước kia chỉ phổ biến ở Sa Huỳnh, Sa Kỳ, nay chị em đã cùng nhân dân làm muối ở Tuyết Diêm (Bình Sơn). Ngoài muối phơi, chị em đi cào đất thấm mặn, gánh nước biển về để nấu muối. Nhờ vậy, dù

con đường vận chuyển muối từ Nam tỉnh ra Bắc tỉnh bị giặc đánh phá, phía Bắc tỉnh vẫn có muối dùng.

Nghề làm giấy thời kỳ này phát triển, cung cấp cho nhu cầu công tác, học tập, in tín phiếu. Từ một xưởng giấy nhỏ được thành lập tháng 10-1945, chất lượng chưa tốt, đến thời kỳ này đã phát triển lên 13 xưởng (trong tổng số 41 xưởng của toàn Liên khu 5) với 24 máy xay, năng suất đạt 13 tấn giấy/tháng. Đội ngũ nữ công nhân trong các xưởng giấy Đức Hiệp (Mộ Đức), Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa), Phổ An (Đức Phổ) với tay nghề cao, ý thức trách nhiệm tốt, góp phần làm cho các xưởng giấy này nổi tiếng về chất lượng và năng suất.

Phụ nữ là đội quân chủ lực trong công việc trồng dâu, nuôi tằm, trồng bông, dệt vải. Chị em ở Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành trồng rất nhiều bông. Chị em ở Bình Sơn, Mộ Đức, Sơn Tịnh lại nuôi nhiều tằm. Ở miền núi, vùng cao Sơn Hà, Sơn Mùa cũng có phong trào trồng bông, bán bông kéo ra sợi... lúc đầu mới phát động, mỗi năm chỉ kéo được 20 tấn sợi, sau này lên đến 2000 tấn với số người tham gia 30.000 (1953). Các xưởng Nam Cường (Phổ Minh, Đức Phổ) do bà Trần Thị Tòa giúp phụ nữ huyện xây dựng, xưởng Tân Lợi (Bình Sơn), Việt Thắng (Mộ Đức)... đã cung cấp đủ vải mặc cho nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là vải xi-ta cho bộ đội (1), ngoài ra còn phục vụ nhu cầu các tỉnh bạn. Chỉ tính 6 tháng đầu năm 1951, tỉnh ta chớ ra chiến trường Bình Trị Thiên 2.060 mét vải xi-ta, 24.040 mét lụa, 1.200 mét thao, 300 kg sợi.

Trong nhiều ngành nghề thủ công khác (làm xà-phòng, dệt chiếu, làm nón, tời, đồ sành, gốm, in, thuốc da, ép dầu, làm thủy tinh...) đều có bàn tay phụ nữ tham gia và đem lại kết quả cao.

(1) *Vải Xi-ta (tên gọi theo chữ viết tắt XI TA - Công ty mĩ nghệ dệt Trung Kỳ thời Pháp thuộc). Vải Xi-ta của khu V nổi tiếng trong cả nước lúc bấy giờ.*

Phụ nữ Quảng Ngãi trong giai đoạn này của cuộc kháng chiến toàn quốc, phát huy truyền thống khởi nghĩa Ba Tơ, đã tham gia tích cực phục vụ chiến trường. Các nữ du kích, tự vệ luyện tập quân sự, tham gia tuần tiễu, hồ phòng, đào hầm trú ẩn, công sự, cứu thương, tải đạn. Ở xã Tịnh Khê và nhiều xã khác thuộc miền ven biển các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ... mỗi thôn có từ 15 đến 20 nữ du kích tham gia tuần tiễu ven biển. Các mẹ, chị như Phạm Thị Biền, Phạm Thị Điền, Nguyễn Thị Huệ (Tịnh Khê - Sơn Tịnh) vừa làm công tác nuôi quân giỏi, vừa vận động gác biển tốt. Ở Đức Phong (Mộ Đức) có bà mẹ thường xuyên đứng gác biển với vũ khí là con dao xắt chuối. Chị em phụ nữ Bình Sơn không những tuần tra canh gác, còn tham gia đào địa đạo, xây làng chiến đấu rất tích cực. Ở Đức Phổ có chị Nghiêm (Phước Điền) rất giỏi tuần tra, là chiến sĩ thi đua du kích cấp tỉnh. Ở miền núi từ sau Cách mạng Tháng Tám, các đội nữ dân quân du kích phát triển rất mạnh ở Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng. Chỉ riêng xã Sơn Nham có 4 đội du kích ở cả 4 thôn, mỗi đội có 10 chị, về sau lập 1 trung đội nữ gồm 40 chị. Tính từ 1949 đến 1951, tổng số nữ dân quân du kích ở Quảng Ngãi có 30.000 chị (Trong tổng số 114.887 nữ dân quân của 4 tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú (1)).

Phong trào thi đua học lập văn hóa, chống nạn mù chữ vẫn duy trì và sôi nổi. Đảo Lý Sơn ở ngoài biển khơi, bị địch luôn rập rình đánh phá, chiếm đóng, cắt đứt giao thông với đất liền, vẫn phát triển phong trào thanh toán nạn thất học. Gần 20 lớp học thường xuyên hoạt động trong 2 xã của đảo. Trong lĩnh vực văn hóa, phụ nữ không những đóng góp trí tuệ, mồ hôi mà cả xương máu : cô giáo Hoa trường Trung học Lê Khiết, hy sinh năm 1949. Quảng Ngãi là một trong 10 tỉnh thanh toán nạn mù chữ sớm nhất trong cả nước lúc bấy giờ.

(1) . Báo cáo tổng kết của phụ nữ khu V, năm 1951.

Phụ nữ Quảng Ngãi đã góp phần vào xây dựng các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua của tỉnh. Các xã Bình Chánh (Bình Sơn), Phổ Cường (Đức Phổ) được công nhận là xã kiểu mẫu toàn diện về thi đua của Liên khu 5, được đồng chí Phạm Văn Đồng đại diện Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ khen thưởng năm 1948. Các xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Nhơn (Đức Phổ) ; Đức Nhuận, Đức Hiệp (Mộ Đức) ; Nghĩa Hiệp (Tư Nghĩa) ; Tịnh Long, Tịnh Sơn (Sơn Tịnh)... có phong trào thi đua tự cấp, tự túc rất khá.

Đầu năm 1949, Đại hội tỉnh Đảng bộ và Đại hội Đảng các cấp trong tỉnh được tiến hành để kiểm điểm tình hình trong những năm qua, xác định nhiệm vụ mới. Toàn Đảng bộ Quảng Ngãi đã nhất trí với chủ trương "đẩy mạnh phong trào thi đua kháng chiến, kiến quốc, tiến lên chuyển sang giai đoạn mới". Nhiều nữ đảng viên được bầu vào cấp ủy các cấp, với sự tin nhiệm cao.

Để hoàn thành những nhiệm vụ, mà Đại hội Đảng các cấp xác định, Hội chủ trương đẩy mạnh phong trào thi đua trong giới đi vào bề sâu. Xuất phát từ kinh nghiệm trong những năm qua và yêu cầu công tác cách mạng trước mắt, Tỉnh Hội phụ nữ Quảng Ngãi đề ra "*Phong trào phụ nữ chức nghiệp đi liền với phong trào xây dựng quý quân lương và phong trào nuôi dưỡng thương binh*". Đại hội phụ nữ liên khu V, họp từ 16 - 17-7-1949, tại An Thượng (Bình Định) đã chính thức phát động trong toàn liên khu phong trào phụ nữ chức nghiệp. Nội dung chính của phong trào nhằm "*tiếp tục động viên, tập hợp các tầng lớp phụ nữ tham gia mạnh mẽ hơn nữa vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc ; ra sức đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng chính quyền cách mạng ; xây dựng người phụ nữ mới*".

Khẩu hiệu chính của cuộc vận động là : "mỗi phụ nữ phải có một nghề thay thế cho nam giới ra trận".

Nghị quyết của phụ nữ Liên khu V chỉ rõ : "Chúng ta phải có quan niệm đúng về ngành nghề. Khi có ngành nghề rồi phải trau dồi cho

ình xảo. Có nghề chính rồi phải học thêm nghề phụ ; hướng chọn nghề phải phụng sự cho quyền lợi dân tộc, giải quyết được nhu cầu cho kháng chiến kiến quốc".

Liên khu ủy V, Mặt trận, Chính quyền và các đoàn thể đã có những chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn cụ thể thiết thực để xây dựng phong trào này. Phong trào được phát động đến tận cơ sở, gây một khí thế mạnh mẽ trong giới phụ nữ toàn liên khu.

Sau khi tiếp thu Nghị quyết chính thức về phong trào phụ nữ chức nghiệp, tháng 10-1949, Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc tỉnh họp và vạch một kế hoạch cụ thể, phát động phong trào sâu rộng trong toàn tỉnh, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phong trào đạt kết quả tốt.

Có thể xem "phong trào phụ nữ chức nghiệp" là một bước tiến lớn của phong trào phụ nữ khu V. Phong trào này không những phát huy được nhiều hơn tiềm năng trí tuệ và lao động nghề nghiệp của phụ nữ mà còn góp phần tích cực vào việc giải phóng chị em khỏi những quan niệm cũ của chế độ phong kiến ràng buộc (phụ nữ chỉ lo việc bếp núc, phụ giúp chồng con trong việc đồng áng...), thêm tự tin vào khả năng làm chủ và đóng góp cho xã hội. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho "Phong trào phụ nữ chức nghiệp" ở Quảng Ngãi phát triển nhanh chóng.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày càng thắng lợi. Nhân dân ta càng phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ. Những chiến thắng từ chiến trường Tây Nguyên, Quảng Nam... dội về làm cho nhân dân và phụ nữ Quảng Ngãi vô cùng phấn khởi, càng hăng hái thi đua phục vụ chiến trường, tăng gia sản xuất giỏi.

Phong trào cách mạng thế giới trong năm 1949 đạt được nhiều thắng lợi to lớn, có ảnh hưởng và cổ vũ cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta (cách mạng Trung Quốc thành công, cuộc kháng

chiến chống Pháp của nhân dân hai nước anh em Lào, Cam-pu-chia cũng thu nhiều thắng lợi).

Trong điều kiện trong và ngoài nước như vậy, phụ nữ Quảng Ngãi, cùng phụ nữ và nhân dân cả nước chuẩn bị bước vào một giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Pháp, tuy còn phải trường kỳ, gian khổ, song nhất định thắng. Phụ nữ Quảng Ngãi góp phần to lớn vào những thành tích của nhân dân, Đảng bộ Quảng Ngãi, xứng đáng với sự khen thưởng của Ban chấp hành Trung ương Đảng "... là tỉnh đứng đầu trong việc chống Nhật cướp chính quyền ở miền Nam Trung Bộ", "cung cấp cán bộ, bộ đội nhiều nhất cho cuộc kháng chiến", là "nơi gây cơ sở cho việc sản xuất vũ khí đầu tiên ở miền Nam Trung Bộ" (1).

Từ năm 1947 đến năm 1949, phong trào phụ nữ Quảng Ngãi tiếp tục phát triển về mọi mặt. Sự phát triển đi vào bề sâu, thể hiện ở kết quả, thành tích trên các mặt một cách khá vững chắc, ở ý thức người phụ nữ đối với vận mệnh đất nước. Phụ nữ Quảng Ngãi có những đóng góp to lớn đối với thành tích kháng chiến kiến quốc của tỉnh nhà.

-
- (1) *Trích "Nghị quyết khen thưởng Đảng bộ Quảng Ngãi" của Ban chấp hành Trung ương Đảng, ngày 30 tháng 10 năm 1949. Tài liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi.*

CHƯƠNG TÁM

PHONG TRÀO PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG GIAI ĐOẠN 1950-1954

Từ năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi nhân dân thế giới, Chính phủ Trung Quốc, Liên Xô, Mông Cổ và các nước Trung Đông Âu, lần lượt công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta. Đây là một thắng lợi lớn trên mặt trận đối ngoại, thể hiện sức mạnh và tinh thần chính nghĩa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Cách mạng Trung Quốc thành công, chiến thắng của nhân dân ta ở biên giới Việt - Trung (Thu Đông 1950) tạo điều kiện cho Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước khác. Nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Pháp ngày càng hiểu rõ nên tiếp tục ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam và phản đối "cuộc chiến tranh bẩn thỉu" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Ở Pháp, chị Rây - Mông-diên, dũng cảm nằm ngang đường chặn đoàn tàu hỏa chở binh lính, vũ khí của thực dân Pháp sang Việt Nam, gây tiếng vang lớn trong nhân loại tiến bộ, cổ vũ phụ nữ, nhân dân Việt Nam kháng chiến. Phụ nữ thế giới, thông qua liên đoàn Phụ nữ dân chủ quốc tế đã hết lòng ủng hộ phụ nữ và nhân dân Việt Nam chống Pháp. Để tỏ lòng biết ơn của nhân dân thế giới ủng hộ ta và giáo dục cho nhân dân tinh thần quốc tế vô sản, Đảng và Chính phủ đã tổ chức tuần lễ hữu nghị Việt - Trung - Xô.

Thực dân Pháp tuy bị sa lầy trong chiến tranh, bị nhân dân Pháp, nhân loại tiến bộ phản đối mạnh nhưng vẫn chưa từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam. Lợi dụng sự suy yếu của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ với danh nghĩa "viện trợ đồng minh" nhảy vào Đông Dương, hòng hất cẳng Pháp. Thế là từ năm 1950, nhân dân Việt Nam phải đồng thời đối đầu với thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ.

Đúng như Bác Hồ nhận định và nhắc nhở "Càng gần thắng lợi, càng nhiều gian nan".

Tháng giêng năm 1950, Hội nghị toàn quốc của Đảng vạch rõ "Cần phải nhân đà tiến bộ của bản thân ta, dựa vào sự giúp đỡ của các lực lượng bạn, lợi dụng sự lúng túng của địch, góp sức hoàn thành nhiệm vụ, chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công"(1).

Hội nghị chủ trương thực hiện chế độ tổng động viên. Ngày 12 tháng 2 năm 1950, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh "tổng động viên" với khẩu hiệu : "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng".

Tháng 3 năm 1950, Tỉnh đảng bộ Quảng Ngãi tổ chức Đại hội, tập trung thảo luận vấn đề : "Tích cực cầm cự chuyển mạnh sang tổng phản công" nhằm động viên nhân tài vật lực trong tỉnh đáp ứng nhiệm vụ mới.

Thời gian này, giặc Pháp đang ra sức tập kích đánh phá vùng ven biển tỉnh ta, tung gián điệp, dùng phi pháo, phá hoại các cơ quan đầu não, đơn vị vũ trang, cơ sở kinh tế, hậu cần của ta. Ở miền núi, chúng đã dùng bọn Pháp đóng ở Tây Nguyên, nhất là ở các cứ điểm gần ranh giới tỉnh ta như Mang Den, Măng Bút, Kom Plong, để móc nối với bọn phản động trong số tầng lớp trên ở Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long gây bạo loạn. Mục tiêu của chúng là phối hợp với quân từ biển đánh lên, xóa vùng tự do liên khu V, phục vụ ý đồ chiến lược của chúng. Vụ phiến loạn Sơn Hà ngày 25 tháng 11 năm 1950 - mà chúng đã bị thất bại thảm hại - cũng nằm trong âm mưu đó.

Trong tình hình mới, để động viên tập hợp đồng bào mọi tầng lớp phụ nữ tham gia tích cực, có hiệu quả hơn nữa vào sự nghiệp cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1950, Đại hội thành lập Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi được tiến hành ở Hành Đức (Nghĩa Hành). Nội dung Đại hội :

(1) *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, sđd, trang 107.

- Kêu gọi các tầng lớp phụ nữ hãy đoàn kết lại để thực hiện công cuộc kháng chiến, kiến quốc thành công.

- Chính thức phát động phong trào "phụ nữ chức nghiệp".

- Về tổ chức : Đại hội bàn kế hoạch chuẩn bị hợp nhất với tổ chức Phụ nữ cứu quốc tỉnh.

- Đại hội bầu Ban chấp hành Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh, gồm đại biểu các tầng lớp phụ nữ, tiêu biểu cho tinh thần đoàn kết của nữ giới (1)

Đại hội đánh dấu một bước tiến mới trong phong trào phụ nữ Quảng Ngãi, thể hiện sự trưởng thành và yêu cầu tập hợp đông đảo các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh.

Nhân dân mà nhất là phụ nữ Quảng Ngãi nhiệt liệt hoan nghênh việc thành lập Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ở tỉnh nhà. Một cuộc mít tinh lớn chào mừng Tỉnh Hội được tổ chức và hàng nghìn phụ nữ, có đại diện Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến Hành chính, Ủy ban Mặt trận liên việt tỉnh, đại biểu các ngành, các giới tham dự. Đồng chí Dương Thị Khiển, Hội trưởng Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh đã báo cáo Nghị quyết của phụ nữ khu về phong trào phụ nữ chức nghiệp ; kêu gọi mọi tầng lớp phụ nữ trong tỉnh tích cực hưởng ứng phong trào và đề nghị các ngành, các cấp hết lòng tạo điều kiện và ủng hộ.

Cuộc kháng chiến đang ở giai đoạn cuối, yêu cầu tập hợp các tầng lớp phụ nữ vào một tổ chức Hội duy nhất để tập trung toàn lực cho kháng chiến thắng lợi được đặt ra. Tháng 10 năm 1950 tại

(1) *Đ/c Dương Thị Khiển (tức bà Phan Quỳnh), được bầu làm hội trưởng. Từ tháng 7 năm 1949, bà là trưởng ban vận động Đại hội thành lập Hội LHPN Việt Nam tỉnh (các ủy viên : đ/c Minh Hiền, Lê Thị Ngọc Sương và bà Hoàng Tiến Hối). Nhiệm vụ của ban : tổ chức Đại hội ở cấp cơ sở, tiến tới Đại hội thành lập Hội LHPN Việt Nam tỉnh ; đồng thời vận động một số phụ nữ thân sĩ, trí thức, tầng lớp trên tham gia Đại hội và vào Hội.*



Đồng chí DƯƠNG THỊ KHIỂN
Hội trưởng Hội liên hiệp-phụ nữ
Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi năm 1950



Ban Chấp hành Hội phụ-nữ Việt Nam tỉnh
Quảng Ngãi tháng 10 - 1950

Hành Phong (Nghĩa Hành), Đại hội hợp nhất 2 tổ chức : Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh và Phụ nữ cứu quốc tỉnh thành Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi. Đại hội bầu đ/c Dương Thị Khiển, hội trưởng, Phạm Thị Trinh, hội phó, kiêm Bí thư Đảng đoàn. Các chị trong Ban thường vụ gồm : Dương Thị Khiển, Phạm Thị Trinh, Lương Thị Minh Hiền, Nguyễn Thị Minh. Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 15 chị.

Sau khi kiện toàn tổ chức Hội, một phong trào thi đua mới dấy lên mạnh mẽ, sôi nổi, đạt kết quả cả bề rộng, bề sâu. Tháng 10 năm 1949, Tỉnh hội triển khai phong trào phụ nữ chức nghiệp và phát động chính thức vào đầu năm 1950. Bên cạnh khẩu hiệu cho thanh niên : "Mỗi thanh niên là một người lính", phụ nữ có khẩu hiệu : "Mỗi phụ nữ phải có 1 nghề thay thế cho nam giới ra trận". Để góp phần tuyên truyền cho phong trào, thời gian này, chỉ lính 2 tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định đã có :

10 nghìn tờ hiệu triệu .

2.383 khẩu hiệu viết lớn trên bảng .

11.665 khẩu hiệu nhỏ viết trên tường và giấy.

39.613 người dự mít tinh .

35.539 người dự giải thích ở tiểu tổ (1).

Nội dung chính của phong trào :

"Chị em nông dân tăng cường học cày bừa, đánh tranh, lợp nhà, làm ruộng, quán xuyến gia đình, đồng áng. Những chị đã có nghề chính tiến lên học thêm nghề phụ. Hướng học nghề trọng tâm là Ang gia sản xuất.

- Những chị em có trình độ văn hóa, làm việc ở văn phòng.... học thêm các nghề y tế, cô giáo để dạy bình dân.

(1) Báo cáo tổng kết phong trào phụ nữ chức nghiệp của phụ nữ Liên khu V (1949 - 1950).

- Nữ học sinh ngoài việc học văn hóa, tăng gia sản xuất thêm vào giờ nghỉ học, học thêm các nghề thủ công như chằm nón, đan áo, quay tơ, kéo sợi.

- Chị em ưu chuộng được vào các trường học dệt, may, làm thuốc hút...(1).

Thật cảm động khi chúng ta được nghe những khẩu hiệu của thời bấy giờ : " phụ nữ phải biết đánh tranh, lợp nhà", "phụ nữ phải biết đóng cối xay thóc", " phụ nữ phải biết cày bừa"... Lúc đầu do xấu hổ chị em phải học cày ban đêm, sau đó phong trào lan rộng, được nhiều người hiểu biết và ủng hộ nên chị em học cả ban ngày. Ngay cả việc học lợp nhà cũng không phải dễ vì phong tục cổ truyền kiêng kỵ phụ nữ tèo lên mái nhà, nhưng do kiên trì vận động, cuối cùng các chị đạt kết quả tốt.

Huyện Bình Sơn đứng đầu tỉnh Quảng Ngãi về phong trào phụ nữ chức nghiệp. Mỗi xã có hàng trăm chị biết cày thành thạo. Ngoài những nghề thông thường mà các chị học và làm được như cắt tóc, lợp nhà, đánh tranh, quay tơ, nuôi tằm, kéo sợi... phụ nữ ở xã Bình Thạnh còn xây lò để nung gạch. Các chị Nguyễn Thị Đề (xóm Ngọc Hương, xã Bình Thạnh, tức Bình Hòa bây giờ), xuất sắc về cày và lợp nhà, chị Nguyễn Thị Trắc (Đông Phước, chồng là bộ đội) có thành tích cao về cày cấy, gặt, nuôi tằm. Có chị ở Phước Thuận (Bình Trung) được dự Đại hội chiến sĩ thi đua khu V.

Huyện Đức Phổ đứng thứ nhì sau Bình Sơn. Phụ nữ ở Phổ Thuận học làm ruộng, Phổ Thạnh làm muối, Phổ An, Phổ Quang học đan lưới. Đặc biệt, ở vùng biển Phổ An, Phổ Vinh, phụ nữ còn ra biển đánh cá - một việc mà trước đây chỉ đàn ông làm được. Cùng với việc phát triển mạnh nghề nông, nghề đánh cá, phụ nữ Đức Phổ tham gia rất sôi nổi vào phong trào trồng dâu nuôi tằm, trồng

(1) Trích : báo cáo tổng kết phong trào phụ nữ chức nghiệp Liên khu V (đã dẫn)

bông kéo sợi. Nhiều chị em ở Phố An, Phố Phong nhờ nghề kéo sợi mà kinh tế gia đình từ chỗ nghèo khổ tiến lên bằng người trung nông. Cũng trong thời gian này, phụ nữ Đức Phổ đã tập hợp một số chị em dệt vải giỏi, ra tận Bình Sơn dạy chị em ở đây dệt vải thành thạo mới về.

Trong quá trình chỉ đạo phong trào này, Ban chấp hành phụ nữ tỉnh đã có một kế hoạch cụ thể và phù hợp. Từ khâu đầu tiên là phát động thi đua để tạo một khí thế, tạo đà vững chắc cho những bước tiếp theo. Quá trình chỉ đạo, các chị luôn bám sát nhu cầu thực tiễn để ra, cứ hai tuần hội ý báo cáo một lần, nếu có khó khăn phát sinh, kịp thời giải quyết. Để động viên phong trào, Ban chấp hành đã tổ chức các cuộc thi, thao diễn đánh tranh, cày bừa, đan lát, có chấm điểm và khen thưởng, rút kinh nghiệm.

Phong trào phụ nữ chức nghiệp đã đem lại những kết quả to lớn. Trong 2 năm 1949 - 1950, ở Quảng Ngãi có 67.892 người (trong tổng số 173.283 hội viên phụ nữ của cả 4 tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú) học nghề, học việc.

Cày : 22.882 chị.

Đánh tranh : 13.558 chị.

Tơ tằm : 4.054 chị.

May : 1.367 chị.

Đến đầu tháng 9 năm 1950 đã có 17.598 chị em thành nghề (1). Tỉnh Quảng Ngãi xuất sắc nhất về phong trào này trong toàn khu V, huyện Bình Sơn và Đức Phổ đạt giải nhất và nhì trong toàn tỉnh.

Phong trào phụ nữ chức nghiệp đã góp một phần rất quan trọng vào kết quả của phong trào tự cấp tự túc trong tỉnh. Tự túc từ giấy viết (năm 1951 có 500 tấn giấy viết cho cán bộ và học sinh ở hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi) ; tự túc vải xi-la trang bị cho toàn quân,

(1) Tài liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam - Trung ương Hội - Số TL 02.

lụa tơ tằm dùng may mặc, màn, ra, cặp da, xác cốt cho cán bộ, bộ đội; đến xà phòng, thuốc đánh răng, ngòi bút, khăn mặt và hàng chục loại hàng tiêu dùng khác.

Một thành quả rất quan trọng trong phong trào là tự cấp tự túc được lương thực. Với khẩu hiệu "tắc đất tắc vàng" phụ nữ ngoài việc sản xuất ở ruộng đồng, còn tận dụng công thừa, công xấp để sản xuất hoa màu... nhằm cung cấp đủ lương thực để đánh giặc lâu dài.

Trong cuộc họp tổng kết phong trào phụ nữ chức nghiệp năm 1951 đồng chí Lương Minh Hiền đã đọc báo cáo về phong trào "phụ nữ chức nghiệp" của phụ nữ Quảng Ngãi. Hội nghị nhất trí tặng Quảng Ngãi lá cờ xuất sắc nhất trong toàn Liên khu V, đồng chí Bùi San đã phát biểu đánh giá về phong trào:

"Phụ nữ muốn được bình đẳng về chính trị, xã hội, phải độc lập về kinh tế và có trình độ hiểu biết. Ngoài việc vận động phụ nữ tham gia phong trào cách mạng chung, phải phát triển phong trào riêng của giới, có nội dung phù hợp với nhiệm vụ chính trị chung. Phong trào đó phải có đặc điểm và màu sắc riêng của giới, phải liên tục mới trở thành phong trào quần chúng mạnh mẽ rộng rãi(1)".

Tháng 7 năm 1953, Đại hội phụ nữ Liên khu V được tổ chức. Trong Đại hội, đại diện của thường vụ Liên khu ủy khu V đã đánh giá: phong trào phụ nữ chức nghiệp đã đi vào từng người, từng gia đình, đã giáo dục và nâng cao ý thức tự cường, tự lập cho các tầng lớp phụ nữ. Phong trào gắn liền và phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ trọng tâm của Đảng, đồng thời là một phong trào riêng của giới, duy trì lâu dài và đã trở thành phong trào quần chúng sâu rộng (1949 - 1953), có lúc sôi nổi, có lúc lắng chìm về bề sâu; có tác dụng mạnh mẽ, cải thiện cuộc sống nhân dân, phục vụ tiền tuyến, có ý nghĩa kinh tế,

(1) Tài liệu TL 02 (đã dẫn).

chính trị và cách mạng to lớn đối với phụ nữ. Bước đầu thực hiện quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi đối với gia đình và Tổ quốc (1).

Các cuộc đánh phá liên tiếp của địch ở vùng ven biển, sự hoạt động của Pháp ở miền núi dựa vào bọn phản động bị lừa phỉnh, dụ dỗ trong cuộc bạo loạn ở Sơn Hà gây cho ta không ít khó khăn. Ngày 30/4/1951, Pháp thả bom ở Châu Thuận (Bình sơn), làm cháy 500 nóc nhà, giết hại 51 dân thường, phần lớn là phụ nữ và trẻ em. Ngày 30/8/1951, giặc Pháp huy động một lực lượng lớn đánh chiếm Lý Sơn, uy hiếp thường xuyên vùng ven biển, đốt phá ghe thuyền, làm cho nhân dân không ra khơi đánh cá được. Cùng với địch họa, thiên tai gay gắt, hạn hán kéo dài.

Trước tình hình ấy, phụ nữ Quảng Ngãi cùng đồng bào trong tỉnh tham gia chống địch quấy rối, lấn chiếm, đánh phá. Ở Sơn Hà, chị em trực tiếp tham gia các chiến dịch diệt bọn phiến loạn, phục vụ bộ đội trong việc làm giao liên, đào đường, tiếp tế, vận động người thân làm đường trở về với nhân dân. Bà Giá Rạch ở Sơn Thủy đã vận động hàng trăm người mang hàng trăm súng về cho chính quyền cách mạng. Bà còn nuôi 150 anh em người Kinh bị bọn Chí Xềng (phiến loạn) đánh đuổi, mưu sát hại. Bà xứng đáng được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua khu V". Phụ nữ Sơn Nham (Sơn Hà) đã góp phần đắc lực vào việc bảo vệ các xưởng tén phiêu, đúc lựu đạn, các chị còn tự đánh tranh cướp được 25 nhà cho các xưởng. Trong việc phát hiện và xử những tên phản loạn, các chị có những đóng góp lớn. Giá Đảnh (thôn Gò Cà, xã Sơn Hạ) phát hiện chỗ ẩn trốn của tên Nguyễn Nền, phó tư lệnh quân khu ; các chị Đui Brú, Mí Trễ... tham gia khai thác tù binh để biết âm mưu địch ; các chị Diệp, Óp, Rái... là những thành viên hội thẩm, tham gia phát hiện và xét xử các tên Dý, Ngô, Cốt.

(1) *Tài liệu TL 02 (dẫn dẫn).*

Năm 1952, đồng chí Hoàng Thị Diệp - Ủy viên Ban chấp hành phụ nữ tỉnh dẫn đầu đoàn đại biểu phụ nữ khu Tây đi dự Hội nghị chiến sĩ thi đua khu V ở núi Dầu (Đức Phổ). Hai chị vinh dự được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua khu là Giá Rạch (xuất sắc trong nhiều công tác như dân công, sản xuất, nuôi thương binh, binh vận), và chị Đinh Thị Kít (Minh Long) - xuất sắc về công tác dân công và sản xuất). Các chị Núa, Ranh (Sơn Bao), chị Rái (Sơn Lăng), chị Óp (Sơn Cao), mẹ Lăng (Sơn Thủy)... được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua của tỉnh.

Phụ nữ Ba Tơ góp phần tích cực trong việc dẫn đường tiếp tế cho lực lượng của quân khu và của tỉnh tiêu diệt nhóm phản động Già Kiêu (tháng 10/1950). Thắng lợi này đã tạo thuận lợi cho việc tiếp tục phá tan âm mưu của địch lấn chiếm miền Tây tỉnh ta, làm bàn đạp đánh chiếm Quảng Ngãi và vùng tự do Liên khu V.

Phụ nữ Trà Bồng, nhất là chị em các xã Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình, một phần Trà Sơn, Trà Thủy đã nuôi nấng giúp đỡ anh em thương binh và bộ đội rất tốt trên dọc đường lên Tây Nguyên mở chiến dịch. Các bà mẹ Cao Bá, Thủ Sự chăm sóc 3 thương binh một lúc trong gia đình mình.

Cùng với công tác phục vụ chiến đấu, chị em hường ứng tích cực chính sách của Đảng về ruộng đất, giảm tô tức, chia ruộng đất của Việt gian, vâng chủ cho dân nghèo. Đây là cuộc đấu tranh bảo đảm quyền lợi nông dân, bồi dưỡng sức dân, đem lại cho người nông dân những điều mà hàng nghìn năm mơ ước không thực hiện được. Cuộc đấu tranh không những nâng cao ý thức giai cấp mà còn động viên phụ nữ tích cực đóng góp cho cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi cuối cùng.

Phụ nữ còn tham gia đóng góp vào các quỹ nuôi quân kháng chiến, làm cho số thu tăng lên rất nhanh (phụ thu kháng chiến năm 1949 được 2.600 tấn lúa, quỹ quân lương 1950 - 1.800 tấn lúa). Chị em hăng hái động viên và trực tiếp đóng góp thuế nông nghiệp :

1951 : Đã thu trong toàn tỉnh	4.383.065 kg lúa
1952 :	13.448.999 kg lúa
1953 :	21.433.212 kg lúa
1954 : chưa tròn năm đã thu	9.941.352 kg lúa (1).

Các thứ thuế công thương nghiệp từ năm 1952 đến 1954 thu được 2.131.253.668 đồng. Với sự tham gia tích cực của phụ nữ toàn tỉnh, quỹ đảm phụ thu được :

Tiền mặt :	389.184.892 đồng
Lúa : 2.222.000 kg	82.102.881 đồng
Vàng : 6 lạng 1 chỉ 2 phân, 5 ly	221.014 đồng
Bạc 21 đồng+2 thoi+922 giác	70.295 đồng
Đường : 36.295 kg	2.046.130 đồng
Trâu bò : 47 con	168.789 đồng
Ngựa : 5 con	113.000 đồng
Nồi đồng và đồng : 64 cái + 56 kg	100.938 đồng
Vải : 982 mét	256.070 đồng
Ruộng đất hiến vĩnh viễn :	
148 mẫu 1 sào, 08 thước	9.641.592 đồng
Ruộng đất hiến có thời hạn :	
1.082 mẫu, 1 sào, 11 thước	31.819.915 đồng
Tổng cộng :	515.725.447 đồng (2).

Thành tích trên là của Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh. Song phụ nữ có những đóng góp rất tích cực, từ việc vận động chị em và nhân dân nộp đủ thuế, đến việc thúc giục chị em phơi khô quạt sạch, chị em cũng trực tiếp xúc thúc từ trong bộ nhà mình đóng góp cho cách mạng. Bài ca dao rất phổ biến lúc bấy giờ đã nói lên công lao của phụ nữ.

(1), (2) "Kháng chiến trên mặt trận kinh tế", tài liệu đã dẫn.

"Con cu, con cuốc, con cò
 Ba con bình nghị rọ hò thuê nông.
 Con cuốc vác ống đi loa
 Thi đua nộp thuế ấy là đầu công.
 Con cò lặn lội ngoài sông
 Soạn gánh, soạn gồng xúc thóc đi đong
 Xúc thóc thì xúc bồ trong
 Bồ ngoài lắm sạn đau lòng chiến binh
 Con cu chẻ lại đánh tranh
 Lọp xong kho thóc phân mình mới yên
 Nửa mai thắng lợi hoàn toàn
 Nước nhà độc lập dân làng ấm no."

Năm 1952, tình hình trong liên khu nói chung, tỉnh ta nói riêng gặp nhiều khó khăn gay gắt. Giặc Pháp tiếp tục triệt phá các con đường tiếp quân của bộ đội ta lên Tây Nguyên, liên tục đánh phá vùng biển nhằm phá hoại nhân tài vật lực, gây mất ổn định vùng tự do. Vụ phiến loạn Sơn Hà chưa giải quyết dứt điểm. Năm 1952 cũng là năm hạn nặng gây mất mùa trầm trọng. Tháng 10/1952, một cơn bão lớn làm 117 người chết, 5.520 nhà bị sập, 926 ghe thuyền bị hư hại, hơn 7.000 ang lúa bị ngập trôi. Nạn đói xảy ra nặng, nhất là đồng bào vùng ven biển. Những công việc cấp bách đặt ra cho Đảng bộ, nhân dân và phụ nữ trong tỉnh là tổ chức cứu đói, đi đôi với việc chống địch bắn phá, gây bạo loạn, phục vụ tốt yêu cầu cuộc kháng chiến trong giai đoạn tổng phản công. Chỉ trong vòng 2 tháng cuối năm 1951, ta đã liên tục tấn công, tiêu diệt các hang ổ cuối cùng của bọn phiến loạn ở Sơn Hà và miền Tây Ba Tơ. Phụ nữ miền Tây Quảng Ngãi đã kêu gọi được rất nhiều người, trong đó có chồng, con, em mình, làm đường trở về với cách mạng.

Bị thất bại nặng nề, ngày 25 tháng 4 năm 1952, Pháp đưa một lực lượng khá lớn do tướng Lơ Cốc chỉ huy mở chiến dịch La-tê-rít, từ Tây Nguyên tiến đánh vào phía Tây Ba Tơ. Ngoài quân dân Ba

Tơ với các lực lượng bộ đội địa phương tỉnh, huyện, còn có bốn đơn vị lực lượng chủ lực của Liên khu V tham gia trận đánh. Phụ nữ Quảng Ngãi đón tiếp và chăm sóc chu đáo trong lúc các chiến sĩ vừa hành quân cấp tốc, vừa đánh giặc. Dọc đường số 5 từ Mộ Đức lên Ba Tơ, chị em không quản đêm ngày bám sát các bước tiến của bộ đội để phục vụ hậu cần, góp phần đắc lực vào chiến thắng Nước Lầy ngày 5/5/1952. Chiến thắng này đã bẻ gãy mưu đồ lấn chiếm miền Tây làm bàn đạp lấn chiếm toàn tỉnh Quảng Ngãi. Bọn phiến loạn cũng không dám ngóc đầu lên nữa.

Phụ nữ Ba Tơ phục vụ tốt cơm nước cho đơn vị D 50 đánh giặc. Phụ nữ xã Ba Động nấu cơm vắt thành nắm để dọc 2 bên lề đường từ Hóc Kè đến Suối Loa (xã Ba Động), suốt chiều dài 5 km có 1.250 nắm cơm. Sau khi kết thúc chiến dịch, đơn vị D 50 lại về nghỉ ở Trường An, được phụ nữ ở đây tận tình chăm sóc. Nhiều đồng chí đau ốm kéo dài, sức khỏe yếu, chị em phân công đưa về nuôi tại gia đình. Nhiều chiến sĩ ở đơn vị còn nhắc lại kỷ niệm : 30% bộ đội của đơn vị bị sốt rét, ghê... được chị em tìm thuốc chữa trị khỏi bệnh.

Trong quá trình phục vụ chiến đấu, nữ hộ lý Nguyễn Thị Dung, phục vụ ở bệnh viện dã chiến Ba Ngát, đã nêu một tấm gương sáng. Dưới làn mưa đạn xối xả và những đám cháy do bom na pan của giặc, chị đã lấy thân mình che chở thương binh và chuyển vào vị trí an toàn. Chị Dung bị bỏng toàn thân nhưng đã thể hiện tình thương yêu chiến sĩ đến quên mình của người phụ nữ Quảng Ngãi.

Nhiệm vụ cứu đói lúc này là một trong những việc chủ yếu và cấp thiết nhất của phụ nữ toàn tỉnh. Năm 1952, nhân dân vùng ven biển Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa bị đói nặng. Có nơi giá một ang lúa lên tới 10.000 đồng (bình thường chỉ có 2.000 đồng). Ban chấp hành phụ nữ tỉnh đã phát động toàn thể hội viên tích cực tăng gia sản xuất, đồng thời gom góp lương thực, quần áo, tiền bạc, tranh tre, nôi xoong... để giúp cho những vùng có nạn đói. Phụ nữ tỉnh đã tổ

chức chuyển 500 cháu bé từ vùng biển đem gửi các gia đình ở đồng bằng, vận động các mẹ, các chị cứu mang chăm sóc trong thời kỳ đói nặng. Trong công tác này, chị Lê Thị Hùng, Ủy viên Ban chấp hành phụ nữ xã Tịnh Kỳ đã trực tiếp công 30 cháu nhỏ lên các vùng không có nạn đói ở Tư Nghĩa, Nghĩa Hành gởi nuôi. Chị đứng ra quyên góp gạo, nấu cháo, đồ cho những người đói lả. Với thành tích trên chị được Ủy ban kháng chiến Hành chính tỉnh tặng bằng khen.

Trước tình hình nạn đói xảy ra ở Quảng Ngãi và 1 số tỉnh khác thuộc Liên Khu V, Bắc Hồ và Trung ương gởi vào 500 tấn lúa, 500 triệu đồng; Khu ủy, Ủy ban kháng chiến Hành chính Liên khu V xuất 500 tấn lúa, 2.000 triệu đồng để cứu giúp nhân dân toàn liên khu. Nhân dân và phụ nữ Liên khu V trong đó có Quảng Ngãi đời đời ghi nhớ công ơn của Đảng, của Bắc Hồ đã cứu giúp trong những ngày gian lao ấy. Vì vậy, nhân dân càng ra sức tăng gia sản xuất để nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Nạn đói vừa được khắc phục, từ 1953 địch đổ bộ, càn quét đánh pha liên tiếp vùng ven biển Đức Phổ, Sa Huỳnh, Mỹ Á, Sơn Tịnh, Bình Sơn. Quân và dân ta đánh bại các trận càn của địch trong tháng 5, tháng 6/1953 vào vùng biển Phổ Thạnh (Đức Phổ) và Bình Đông (Bình Sơn). Trong các trận chống địch đổ bộ, nữ dân quân du kích đều tham gia. Những nơi khác chị em luôn đề cao cảnh giác, luyện tập quân sự, sẵn sàng đánh địch. Các mẹ, các chị động viên con em tham gia bộ đội. Năm 1952 - 1953 có gần 3.960 thanh niên và 600 học sinh trường trung học Lê Khiết gia nhập quân đội.

Tin thắng lợi lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, Quảng Nam-Đà Nẵng, là nguồn động viên lớn cho phụ nữ nông dân hăng hái đấu tranh thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng. Tính đến cuối năm 1953, Chính quyền cách mạng tạm cấp 638 mẫu ruộng vắng chủ, chia 500 mẫu ruộng của già Kiêu ở Ba Tư, 25.675 mẫu công điền, công thổ cho nông dân, giảm tô được 8000 tấn thóc, (Nếu kể đến tháng 8 năm 1954 có 37.413 tá điền được hưởng quyền lợi giảm tô

trên một diện tích 55.498 mẫu). Phụ nữ tham gia đấu tranh đòi lại 19.304 mẫu ruộng địa chủ đã chiếm. Số ruộng đất của việt gian gồm 1110 mẫu được chia cho 3.751 người (trong đó có 323 đồng bào dân tộc ít người).

Làm chủ ruộng đất được chia, hưởng quyền lợi giảm tô, giảm tức ; phụ nữ tham gia xây dựng các hội vòng công, đổi công, đoàn kết giúp đỡ nhau sản xuất, thay thế phần lớn nam giới ra trận. Hội vòng công được xây dựng ở 1.501 cơ sở gồm 21.514 người với số quỹ 110.377 kg lúa và 23.110.935 đ. Tổ đổi công ở 1.700 cơ sở gồm 26.700 người. Ở miền núi, Đảng có chủ trương giải phóng nông nô và nô tỳ (thực chất là đầy tớ và vợ lẽ của những tên địa chủ) được trở về quê làm ăn.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh thi hành chính sách ruộng đất đem lại quyền lợi thiết thực, và một tài sản rất có giá trị cho người nông dân sản xuất nông nghiệp là ruộng đất. Điều này cũng có nghĩa là thay đổi và cải thiện cuộc sống của đông đảo nông dân nghèo, là sự động viên to lớn và có giá trị đối với những chiến sĩ ngoài mặt trận yên tâm chiến đấu.

Cuối năm 1953, Đại hội phụ nữ khu V đã tiến hành bầu Ban chấp hành. Đồng chí Phạm Thị Trinh được bầu làm Hội trưởng, đồng chí Khiển làm ủy viên Ban chấp hành Phụ nữ khu. Sau đó, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức Đại hội tại Nghĩa Phương (Tư Nghĩa) nhằm phát động một phong trào mới trong toàn thể hội viên phụ nữ, đẩy mạnh công tác phục vụ tiền tuyến. Đại hội bầu Ban chấp hành mới gồm có đồng chí Dương Thị Khiển, hội trưởng, đồng chí Nguyễn Thị Nhạn, hội phó, các đồng chí Lương Minh Hiền, Nguyễn Thị Minh là ủy viên thường vụ kiêm Đảng đoàn.

Để phá tan kế hoạch của địch nhằm đánh chiếm vùng tự do Liên khu V và đẩy mạnh cuộc kháng chiến lên cao hơn nữa, tháng

11/1953, Bộ chính trị quyết định : "Trong đông xuân này, Liên khu V cần phải tập trung lực lượng tiến công lên Tây Nguyên" (1) ; Nhiệm vụ cụ thể được nêu rõ : phát triển lên Tây Nguyên là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất, củng cố vùng tự do là nhiệm vụ quan trọng thứ hai".

Chấp hành Nghị quyết Bộ chính trị, Bộ tư lệnh liên khu V quyết định : Tập trung lực lượng chủ lực cho nhiệm vụ tiến công Tây Nguyên. Nhiệm vụ bảo vệ vùng tự do giao cho lực lượng địa phương.

Đầu năm 1954, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp và quyết định : "Huy động nỗ lực cao độ của Đảng bộ và quân dân trong toàn tỉnh, ra sức chiến đấu bảo vệ giữ vững vùng tự do, đồng thời tập trung sức phục vụ đắc lực cho chiến dịch Bắc Tây Nguyên" (2).

Để hoàn thành những nhiệm vụ trên, Quảng Ngãi phải xây dựng thêm bốn đại đội độc lập, huy động 700 dân quân du kích bổ sung cho bộ đội chủ lực. Phụ nữ Quảng Ngãi tiếp tục động viên chồng, con em vào lực lượng chính quy, chị em trực tiếp tham gia dân quân du kích thay chồng con đánh giặc giữ làng. Tính đến đầu năm 1954, toàn tỉnh có 32.012 du kích nam, 12.317 du kích nữ, đặc biệt có 317 cụ ông, cụ bà xung phong vào du kích. Lực lượng dân quân du kích được phiên chế thành 505 tiểu đội và 8.493 tổ.

Tháng 12 năm 1953, Pháp tăng cường binh lực ở chiến trường Nam Trung Bộ, mở cuộc hành quân Ất-Lăng nhằm đánh chiếm vùng tự do liên khu V.

Ở Quảng Ngãi, máy bay Pháp đánh phá cầu sông Vệ, cầu Cây Bứa, thị trấn Châu Ổ (Bình Sơn), Thị Phố (Mộ Đức), Hành Thịnh (Nghĩa Hành), những nơi chúng nghi có kho tàng của ta để cung ứng cho chiến trường. Bọn phản động ở một số địa phương nổi dậy phá rối, cắt dây điện thoại, viết khẩu hiệu xuyên tạc... Đông Xuân

(1), (2) *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975) sđd, trang 130, 131.*

1953-1954 chiến tranh đã mở rộng ra vùng tự do liên khu V, nhưng thực dân Pháp càng sa lầy, vì bị đánh đau ở nhiều chiến trường.

Trước nhu cầu ngày càng tăng về vũ khí, lương thực, quân trang, quân dụng... phụ nữ Quảng Ngãi đã tham gia tích cực vào công tác dân công hỏa tuyến, tiếp vận cho chiến trường.

Để phù hợp với tình hình thực tế, chị em tham gia vào các hình thức dân công khác nhau. Những chị em vì hoàn cảnh gia đình không đi xa, đi dài ngày được, thì đảm nhận việc xay lúa, giã gạo, sắp xếp và trông nom nhà cửa cho những chị em đi dân công hỏa tuyến (thời gian 3 tháng đến 6 tháng). Ngoài ra còn có loại dân công ngắn ngày từ 15 ngày đến 1 tháng.

Phụ nữ Mộ Đức, Đức Phổ đi dân công đưa gạo lên đến Mang Đen, vượt qua sông Rhe, dốc Ui nổi tiếng khó đi kéo dài 8km, khi đến nơi lại xung phong đi Đắc - Tô.

Hàng nghìn phụ nữ Bình Sơn (các xã Bình Thanh, Bình Hải, Bình Cổ) tập trung ở Bình Chương rồi lên Trà Bồng, mỗi chị gánh 30kg. Các chị Quỳ (Bình Thanh), chị Ngọ (Bình Khương) và nhiều chị em khác rất xuất sắc trong công tác này.

Ở Nghĩa Hành, từ năm 1952 đến năm 1954 có 5 đợt dân công với hàng nghìn phụ nữ tham gia.

Không những tham gia đi dân công với nam giới, chị em còn được thành lập các đơn vị độc lập của mình. Trong chiến dịch Đông Xuân, một đơn vị nữ thanh niên xung phong phục vụ từ Ba Tơ đến Kon Tum, được tuyên dương toàn khu. Ở Bình Sơn, năm 1954 thành lập đơn vị nữ dân công có 150 chị, đồng chí Nguyễn Thị Triều đại đội trưởng. Nhiệm vụ chính của đại đội vận chuyển hàng lên sông Rhe, Giá Vụt (Ba Tơ). Đại đội nữ đã nêu cao tinh thần liêm khiết, đoàn kết nội bộ tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tinh thần và ý thức của phụ nữ khi tham gia dân công tiếp vận rất cao. Chị em làm mọi việc từ y tế, hộ lý, làm lán trại bệnh xá,

vác đạn, tải thương... Nhiều mẩu chuyện cảm động lúc bấy giờ còn được nhắc lại : trên vai các chị là những gánh gạo ưu nặng, nhưng các chị lại tìm rau rừng, ớt và những củ khoai, sản đồng bào dân tộc ít người đã dành sẵn cho các chị để ăn.

Sẽ là một thiếu sót rất lớn nếu không đề cập đến sự tham gia của phụ nữ dân tộc ít người ở miền Tây Quảng Ngãi. Với những chiếc gùi trên lưng, chị em ở Ba Vì, Ba Xa, Ba Ngát đã đóng góp hàng vạn ngày công cấy gạo, muối phục vụ chiến trường Tây Nguyên. Phụ nữ Trà Bồng tham gia tiếp đạn tải lương cho chiến trường Kon Tum và Quảng Nam - Đà Nẵng. Ở Sơn Hà có 22 xã, trung bình xã lớn 60 chị, xã nhỏ 30 chị đi dân công. Mỗi đợt có hàng nghìn phụ nữ tham gia. Giá Rạch là người xuất sắc nhất, một năm gùi 15 lần kể cả đi dân công ngắn ngày, dài ngày. Ngoài ra, các chị Núa, chị Rái và nhiều phụ nữ khác đã đóng góp lớn trong công tác này. Để phục vụ chiến dịch Bắc Tây Nguyên, đông đảo phụ nữ cùng nhân dân Sơn Hà tham gia làm cầu ngầm qua sông Rinh, sông Rhe để bộ đội, dân công đi qua.

Từ Xuân hè năm 1953 đến chiến dịch Đông Xuân năm 1953-1954, toàn tỉnh có 117.154 người đi dân công phục vụ các chiến trường. Trong đó 11.022 dân công hạng A, 54.903 hạng B, 51.117 hạng C và 112 nữ cứu thương, hộ lý, 23 tập thể và 29 cá nhân tham gia phục vụ chiến đấu, được Bộ tư lệnh Liên khu V và Ban chỉ huy tiền phương tỉnh, huyện khen thưởng.

Tiếp tục truyền thống cần cù lao động, đảm đang việc nước, việc nhà, trong những năm 1953-1954, phụ nữ Quảng Ngãi có nhiều cố gắng rất lớn để phát triển phong trào "phụ nữ chức nghiệp". Với tinh thần *cáng đáng công việc hậu phương, thay thế nam giới ra trận*, các chị đã *tích cực sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, góp phần quan trọng cho chiến thắng trong các chiến dịch*. Một đóng góp lớn trong thời kỳ này, đặc biệt Đông xuân 1953-1954, là phong trào *đi dân công hóa tuyến phục vụ chiến*

trường. Cùng nhân dân cả tỉnh, phụ nữ Quảng Ngãi đã cung ứng kịp thời, đầy đủ các nhu cầu cần thiết trong chiến đấu.

Bên cạnh những thành tích to lớn về sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, từ sau Cách mạng tháng 8-1945, phụ nữ Quảng Ngãi còn vươn lên trong học tập văn hóa, hoạt động giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật... sự trưởng thành không ngừng của phụ nữ Quảng Ngãi trong các lĩnh vực này từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đã góp phần không nhỏ vào việc hình thành một đội ngũ gồm hàng nghìn kỹ sư bác sĩ, tiến sĩ, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú trong những giai đoạn cách mạng sau này.

Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu V ngày càng thắng lợi to lớn, góp phần vào chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và ký kết hiệp nghị Giơ-ne-vơ (tháng 7-1954) về Đông Dương, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến và đạt được thắng lợi to lớn "*Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng*".

Cùng với nhân dân miền Nam "đi trước về sau", phụ nữ Quảng Ngãi tiếp tục bước vào một cuộc đấu tranh mới vô cùng gay go, ác liệt, với một kẻ thù vô cùng thâm hiểm. Song tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ, phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, phụ nữ Quảng Ngãi lại tự tin, dũng cảm xông lên hàng đầu.

KẾT LUẬN

Hòa chung vào lịch sử dân tộc, trong truyền thống của phụ nữ cả nước, phụ nữ Quảng Ngãi đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước. Những nét riêng của phụ nữ Quảng Ngãi tô đẹp thêm những trang sử của dân tộc, của phụ nữ Việt Nam anh hùng.

Chúng ta có thể rút ra những kết luận cần thiết về phong trào phụ nữ Quảng Ngãi trong cuộc đấu tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.

Thứ nhất : Phụ nữ Quảng Ngãi được nuôi dưỡng trong tình thần lao động cần cù, sáng tạo, trọng ý chí đấu tranh bất khuất, chống mọi sự áp bức, bất công xã hội. Cho nên trong bất cứ chế độ thống trị nào của phong kiến hay thực dân đế quốc-người phụ nữ Quảng Ngãi *luôn luôn đứng trong hàng ngũ những chiến sĩ đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, tiền bộ của xã hội.* Từ thế hệ này sang thế hệ khác, lớp lớp phụ nữ Quảng Ngãi vùng lên quật khởi, tiêu biểu là những Nguyễn Thị Dung, Huỳnh Thị Cúc, Trịnh Tuyết Anh, Võ Thị Đệ, Trần Thị Hiệp... mà tên tuổi không bao giờ xóa nhòa trong tâm trí nhân dân.

Truyền thống yêu nước, quật khởi, lao động, trung hậu... của phụ nữ Việt Nam được tiếp nối, gìn giữ và phát huy ở người phụ nữ Quảng Ngãi, trong mọi công việc bình thường, giản dị, song cũng

rất anh hùng. Truyền thống ấy đã trở thành sức mạnh vô song trong mọi tầng lớp phụ nữ, qua các thế hệ khác nhau của Quảng Ngãi.

Thứ hai : Từ ngày Bác Hồ ùm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, sau khi Đảng ta ra đời, đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam thì mọi uềm năng của phụ nữ được khơi dậy mạnh mẽ. Nhờ có Đảng và Bác Hồ mà người phụ nữ Việt Nam hiểu rõ hơn bao giờ hết những bất công, đè nén, áp bức mà mình phải gánh chịu bao lâu nay, ý thức về trách nhiệm, khả năng của mình trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, uốn bộ xã hội, giải phóng phụ nữ.

Chính vì vậy mà ta không ngạc nhiên trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, các cao trào tiếp sau 1936 - 1939, 1939 - 1945 trong tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, phụ nữ Việt Nam, phụ nữ Quảng Ngãi bao giờ cũng là *một trong những người xông trận đầu tiên, đứng ở hàng đầu, lấy "Gan vàng chọi với đạn sắt"*. Đẹp đẽ biết bao những người phụ nữ, cầm cờ đỏ búa liềm xông lên phía trước ! Thông minh và dũng cảm biết bao những người cộng sản trẻ tuổi đối đáp với quân thù, đánh gục chúng bằng lý lẽ và ý chí. Làm sao kể hết bao nhiêu gương hy sinh dũng cảm của các nữ đảng viên, quần chúng cách mạng hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào.

Có thể nói rằng, lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa, đường lối đúng đắn của Đảng, sự tin tưởng tuyệt đối, chung thủy với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lòng căm thù giặc sâu sắc là những yếu tố làm cho truyền thống anh hùng, quật khởi của phụ nữ Việt Nam trên đất Quảng Ngãi được tăng lên cấp số nhân, tạo thành sức mạnh vô địch.

Đảng đã mở đường chỉ lối cho dân tộc, cho phụ nữ Việt Nam, vì vậy Đảng, Bác Hồ mãi mãi sống trong sự nghiệp của chúng ta. Dù

trong bất cứ tình huống nào, dù còn trải qua muôn vàn khó khăn gian khổ và

"Dù ai nói ngà nói nghiêng,

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân".

Bài học tin tưởng vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội, vào lý tưởng cộng sản tốt đẹp, lòng chung thủy gắn bó với Đảng, với chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tình cảm, lòng biết ơn đối với Bác Hồ muôn vàn kính yêu là bài học, mà nhân dân ta, phụ nữ ta rút ra từ cuộc đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh và oanh liệt.

Thứ ba: Phụ nữ Quảng Ngãi cũng như phụ nữ cả nước, phần lớn là nhân dân lao động không chỉ cần cù, hay lam hay làm một nắng hai sương, không chỉ biết tận tụy để nuôi chồng, nuôi con mà còn là *những người lao động thông minh, sáng tạo, dũng cảm tuyệt vời*. Ý nghĩa của "Phong trào phụ nữ chức nghiệp" được phát động đầu tiên và phát triển nhanh chóng ở Quảng Ngãi, không giới hạn ở việc "mỗi phụ nữ phải có một nghề" mà có ý nghĩa sâu xa hơn trong việc phát huy mọi tiềm năng của người phụ nữ, chứng minh rằng, cũng như nam giới, phụ nữ có khả năng làm được, làm tốt mọi công việc có ích cho dân, cho nước, trong bất cứ tình huống khó khăn nào. Trong kháng chiến chống Pháp, ở một vùng đất bạc màu, thiên tai liên tiếp, địch họa liên miên, nhưng người phụ nữ Quảng Ngãi vẫn có thể *đảm đương trên mọi lĩnh vực kinh tế, cung cấp mọi nhu cầu ăn mặc, học tập, vui chơi cho nhân dân, cán bộ, bộ đội*. Trên chiến trường, dưới bom đạn của giặc, với những điều kiện cay nghiệt, người phụ nữ Quảng Ngãi đã *hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu với hiệu quả cao*.

Bài học ở đây là một khi người phụ nữ được giác ngộ chính trị, nhận thức về sự bình đẳng cả trong quyền lợi và nghĩa vụ, về trách nhiệm công dân của mình thì họ sẽ *phát huy trí tuệ và tài năng to lớn trong lao động sản xuất, chiến đấu, công tác và học tập*. Vì vậy,

việc giáo dục chính trị cho phụ nữ, cho mọi người bao giờ cũng có ý nghĩa quan trọng, miễn là công việc này phải có nội dung cụ thể, không khuôn sáo, theo lối mòn, phải phù hợp với từng lứa tuổi, từng đối tượng, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Vai trò phụ nữ Quảng Ngãi trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp đã chứng minh ý nghĩa to lớn câu nói nổi tiếng của Các Mác *"Một khi tư tưởng thâm nhập vào quần chúng nhân dân thì trở thành lực lượng vật chất cực kỳ vĩ đại"*.

Thứ tư : Phong trào cách mạng của phụ nữ Quảng Ngãi chứng minh chân lý : sức mạnh của quần chúng là to lớn. Song, sức mạnh ấy chỉ có thể dẫn đến thắng lợi nếu nó được tổ chức tốt.

Ngay trong những phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, cuộc đấu tranh của quần chúng nói chung, của phụ nữ nói riêng đã được tổ chức. Từ thực tiễn phong trào, các tổ chức riêng của phụ nữ Quảng Ngãi ra đời rất sớm. Từ Hội phụ nữ cứu quốc đến Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, *phong trào phụ nữ Quảng Ngãi ngày càng được tổ chức chặt chẽ, thu hút được đông đảo các tầng lớp phụ nữ, đoàn kết cùng nhau đấu tranh*. Sự lớn mạnh về tổ chức chứng tỏ sự trưởng thành của phong trào phụ nữ Quảng Ngãi. Sự lãnh đạo sáng suốt của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo kịp thời của Tỉnh Hội phụ nữ Quảng Ngãi là đã nhận thấy sự phát triển, những nhu cầu mới của phong trào mà tổ chức cho phù hợp. Bài học của phong trào phụ nữ 1930-1954 là việc củng cố tổ chức, phát triển phong trào không chỉ giới hạn ở hoạt động của Ban chấp hành các cấp, ở việc tổ chức các Đại hội, Hội nghị mà chủ yếu là *củng cố hệ thống tổ chức của Hội từ tỉnh đến cơ sở*. Đặc biệt chú ý sự hoạt động thiết thực, cụ thể, có hiệu quả của tổ chức Hội cơ sở. Trong kháng chiến chống Pháp, do sự phát triển mạnh, đều khắp của tổ chức cơ sở mà phong trào phụ nữ Quảng Ngãi được giữ vững.

Cuối cùng, vấn đề cán bộ cho phong trào là một trong những nhân tố quyết định sự phát triển của phong trào. Nhận thức đúng điều này, ngay từ khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh hội phụ nữ Quảng Ngãi đã có nhiều hình thức, biện pháp huấn luyện, đào tạo cán bộ các cấp. Nội dung chương trình học tập vừa nhằm nâng cao trình độ lý luận, vừa đảm bảo những hiểu biết, kinh nghiệm thực tế. Nhiều cán bộ phụ nữ Quảng Ngãi đã trưởng thành trong phong trào của giới mình và đóng góp cán bộ cho nhiều lĩnh vực công tác trong, ngoài tỉnh, cho phong trào chung của liên khu, phong trào chung của cả nước trong những giai đoạn cách mạng sau này.

Việc bồi dưỡng cán bộ cốt cán, kế cận cho phong trào là bài học cần được coi trọng.

Những bài học từ phong trào cách mạng của phụ nữ Quảng Ngãi trong 24 năm (1930-1954) vẫn còn nguyên giá trị đối với phong trào phụ nữ ngày nay trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

PHỤ LỤC

TUYỂN THƠ CA YÊU NƯỚC CÁCH MẠNG
CỦA PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI
(GIAI ĐOẠN 1886-1945)

ĐẸP MÁ ĐÀO(1)

*Khoác áo nam nhi, vượt sóng trào,
Hồn ôm đất nước rục trời sao !
Tuổi gươm trừ iệt phương bạo tặc
Thỏa chí bình sanh, đẹp má đào !*

(Xuân Bình Tuất, 1886)

DỆT ĐƯỜNG THƠ (2).

*Một mảnh trăng thu, rơi cõi bờ
Nửa trong hồn nước, nửa đục nơ.
Thân gái dặm trường, gươm bảy thước
Quyết trừ bạo tặc, dệt đường thơ.*

(năm 1889)

-
- (1) Bài này làm sau khi thoát chốn tù đầy của tên iệt gian Nguyễn Thân (Phủ Sơn Phòng), cải dạng nam trang, vượt sóng gió trở về với nghĩa Hội.
(Đồng chí Nguyễn Công Phương cung cấp)
(Tất cả những chú thích trong phần phụ lục này, chúng tôi lấy trong "Thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Ngãi", sách đã dẫn)
- (2) Bài này là: khi giả nhà ra đi tu nghĩa

CƯỜI NỬA MIỆNG (1).

*Mặc ai theo đuổi thú ăn chơi,
Ta tự gây riêng một cuộc đời.
Thơ "cốc" vịnh ngâm khi rảnh việc,
Đề trêu Lý, Đỗ khách trên trời.*

(Quảng Ngãi, năm 1925)

HOA ĐÌNH HƯƠNG ĐẸP NHÚT(2).

*Kìa sen, nọ cúc tiếng nơi nơi,
Ai biết hoa Đình khéo tuyệt vời.
Lân cùn dây bò tràn mặt đất,
Mùi bay ngào ngạt nước hương trời.
Tuyết sương, mưa nắng, màu thường được,
Xuân hạ thu đông vóc vẫn tươi.
Tuy với trăm hoa chung một cảnh,
So ra giá trị vẹn mười mười.*

(Quảng Ngãi, 1928¹)

-
- (1) Bài này phản đối số thanh niên sa vào thú ăn chơi trụy lạc lúc bấy giờ.
(2) Tác giả lấy hoa đình hương để ca ngợi phẩm chất cao quý của công nông, đảng động viên cán bộ, thanh niên thực hiện chính sách lao động hóa lúc bấy giờ

CÀNG BỀN CHÍ ĐẤU TRANH

Giữa chốn gông cùm, gặp gỡ anh,
Tình nhà, nghĩa nước dạ thép đanh.
Quân thù nham hiểm, càng ngăn cách,
Càng thấm, càng sâu nặng nghĩa tình.

Càng thấm, càng sâu nặng nghĩa tình,
Lòng này, xin nguyện với cao xanh,
Giàn nguy từng trái phen rèn luyện,
Son sắt thêm bền chí đấu tranh.

Son sắt thêm bền chí đấu tranh,
Nặng gánh non sông, nhẹ nổi mình.
Con đường cách mệnh đầy gai góc,
Ta quyết cùng nhau nghĩa tử sinh.

(Lao Quảng Ngãi, 1929)

GIỮ TRỌN LỜI THỀ (1).

Hạnh phúc trăm năm đã vỡ rồi !
Hỡi nhà, hỡi nước, hỡi ai ơi !
Lời thề thiếp thạc vang sông núi,
Mà bạn tri âm biệt đất trời.

Mà bạn tri âm biệt dải trời,
Hận thù để quốc, hận khôn nguôi.
Tham tàn độc ác chia yên thúy,
Gieo rắc tang thương cả cuộc đời.

Gieo rắc tang thương cả cuộc đời,
Đường trường tranh đấu rẽ làm đôi.
Anh đi, gieo hận kêu hồn dậy,
Em ở, đun lò sục sục sôi.

Em ở, đun lò sục sục sôi,
Lửa hờn rực cháy khắp nơi.
Thieu sạch quân thù, lòng mới hả,
Vẹn nghĩa yêu đương, rạng giống nòi.

(Quảng Bình, 1932)

(1) Năm 1932 đang học và công tác tại thị xã Đồng Hới được tin người đồng chí thân thiết của mình hy sinh anh dũng tại ngục Cống Tum, tác giả đau đớn làm bài thơ này.

GHÉ VAI ĐỜ LẤY SƠN HÀ

*Chị em mình cũng giống trời sinh,
Cũng gan, cũng óc thông minh kém gì
Triệu, Trung là phận nữ nhi,
Thù nhà hận nước khác chi râu mày ?
Vung gươm quét sạch đấng cay,
Diệt thù cứu nước tài trai nào bằng
Giờ đây giặc Pháp xâm lăng,
Mình đâu cam phận yếm khân mà nhìn ?
Muốn cho nam nữ bình quyền,
Giống nòi rạng rỡ, cháu con vui vầy.
Đồng lòng đứng dậy từ đây !
Hướng theo cờ Đảng dựng xây cuộc đời.
Nếu mình bỏ lỡ cơ trời,
Ngựa qua cửa sổ, lìm thoi đâu ra ?
Đôi lời nhắn bạn cùng ta,
Mau mau đứng dậy sơn hà ghé vai !*

(Năm 1930)

QUÉT RÁC

*Chị em mình xách chổi ra,
Bụi trần quét sạch nước non nhà.
Kìa phương xa rác xin trừ diệt,
Nợ lũ ngăn đường cố đuổi xa
Thanh thế cứ quen tung gió bụi,
Dãi dầu bao quân chỉ đàn bà.
Tuy công sức ấy chưa bao nả,
Nhưng cũng là gương nữ giới ta.*

(Lao Quảng Ngãi, 1931)

BON CHO KỊP NGƯỜI

Chị ơi ! Xin chị ngồi lại,
Cho em được phân giải một đôi lời :
Đã là người, gái cũng như trai,
Sao chịu để cho ai khinh rẻ ?
Trung Vương, Triệu Ẩu thuở xưa,
Cũng là bạn gái, nào thua ai nào ?
Rửa hận nước, má đào mở mặt,
Trả thù nhà, cân quốc ra oai
Chỉ qua mấy trận đua tài,
Rạng danh thực nữ, chói ngời hùng anh.
Ta đây cũng một dòng máu đỏ,
Há ngồi yên, mà ngó sự đời ?
Cam tâm làm kiếp tôi đòi,
Từ trong gia tộc, tới nơi nhân quần.
Phần nước máu, lăm than hổ nhục,
Thêm nỗi nhò, hà khắc khinh khi.
Than ôi ! Cái phận nữ nhi,
Ba tằng áp bức, bốn bề l eo.
Ngoài xã hội, cổ đeo xiềng xích,
Trong gia đình ràng buộc gia tăng.
Đói cơm, tôi lửa, tắt đèn,
Heo kêu, con khóc, ngày đêm rồi bời.
Học chẳng được, cả đời chịu đói,
Muốn chen vai, biết rút sao ra ?
Nghĩ thôi lòng những xót xa,
Nếu không đứng dậy biết ngày nào khôn ?

Đã đến lúc vùng lên tranh đấu !
Cùng mọi người cứu lấy non sông !
Hướng theo cờ Đảng công nông,
Đánh giặc, cứu nước, nữ nam bình quyền
Kìa nước bạn Xô Liên Cộng sản :
Gái như trai bình đẳng xây đời,
Cống nông, trí thức đua tài ;
Đẹp tan áp bức, mở đời tự do.
Trong xí nghiệp, khói reo sản xuất,
Ngồi nông trang, máy móc thay người ;
Nhà thương, trường học hòa vui,
Cửa hàng, ầu viện đỡ đời phụ nhân.
Đó là cảnh Việt Nam ta đó,
Có vươn lên mới có tương lai.
Chị ơi ! Nghĩ kỹ thử coi :
Người ta bay nhảy, mình ngồi thở than ?
Nay có Đảng dẫn đường chỉ lối,
Lại có Đoàn, mở hội đua tranh ;
Khắp nơi trống giục biểu tình
Chị em ta hãy bon cho kịp người !

(Năm 1930)

PHẠM THỊ TRINH :

KHÔNG NAO NÚNG

*Tháng ngày quanh quẩn chốn nhà lao,
Xiềng sắt, cùm lim, xích má đào.
Ngang dọc chỉ trong vòng cửa sắt,
Nhảy bay khó vượt lớp tường cao.
Kìa bay nghiêm cấm bao điều nghiệt,
Mà sức hồ hào chẳng lãng xao.
Chết - bỏ, Sống - về, tranh đấu mãi,
Gian nan chỉ núng phận tở đào.*

(Lao Quảng Ngãi, 1931)

CHÍ TUỔI XUÂN

*Vừa bước chân ra giữa cõi trần,
Tuổi xuân vừa gặp bước gian truân,
Tâm thân phó thác mưa cùng nắng,
Tắc dạ xin thề nước với dân.
Tay trắng quyết nương cờ xã hội,
Máu đào nguyên rửa sạch non sông.
Nắng mưa nào quản thân bồ liễu,
Gian khổ càng cao chí tuổi xuân.*

(Lao Quảng Ngãi, năm 1932)

NHỚ MẸ

Xà lim ngoài cửa bóng trắng xa,
Nghĩ đến làng quê dạ thiết tha,
Con trẻ chỉ mong nhìn thấy mẹ,
Thử xem sức mẹ đến bao giờ.
Đầu mẹ hoa râu tóc rồi rơi,
Đôi dòng lệ nuôi cha thêm rơi,
Mắt đen năm trước giờ sâu thẳm,
Sâu tựa đồng xanh tựa bể khơi.
Vì kẻ thù kia đánh mẹ nhiều,
Hồi tr. con mẹ trốn giờ đau,
Hai thằng Lao Bảo - Buôn Ma Thuột
Mẹ gương cười nhưng nửa xót đau.
Mẹ sống qua ngày bữa cháo rau,
Sầu nung so với mẹ còn thua,
Mẹ ơi mãi mãi niềm tin tưởng,
Sẽ đến cùng con dưới bóng cờ.

(1932 - 1933)

LÒNG SÔI NÓNG

Em đến thăm anh trước cảnh tù,
Tay anh xiềng lại, mặt anh tươi.
Anh dương bước đến "trường" tra tấn,
Anh vẫn chào em một nụ cười.
Em bước theo anh nóng cả lòng,
Anh rằng : "Tôi vẫn trắng và trong"
Tìm em hồi hộp trái tim giận,
Một trận mưa roi đánh đập dồn.
Anh thét lên khôn nuôi hận thù !
Căm hờn càng nghĩ nghĩ càng sâu.
Chúng ta đâu phải thân cầm thú,
Đâu phải là thân kiếp ngựa trâu ?

Nuôi hận, em quay bước trở về,
Phong trần càng nén, nén càng tê.
Lửa lòng bốc cháy, lòng sôi nóng,
Em quyết cùng anh vững bước đi !
(Lao Quảng Ngãi, 1939)

CÙNG MẸ CẤT CÁNH BAY

Xà lim nhà ngục trong đêm tối,
Muối đối, kiến bu, chân lại cùm.
Xót trẻ thơ ngây về quê ngoại,
Đứa thù bên nội cách đôi phương.

Chẳng biết ngày mô tuyên án tù ?
Con vào, mẹ thử ngấm ra sao !
Cái hôn thương nhớ vơi dòng lệ,
Lòng mẹ bấy giờ bớt đón đau.

Ngày ấy, con vừa tới cửa lao,
Mừng ghê, mẹ chạy bế con vào.
Lính canh giữ lại, nhưng không được,
Con hét ầm lên : chó đuổi tao !

Con đã vào đây cô chú thương,
Bữa ăn chia xẻ vắt cơm lường.
Chú cho chiếc rổ vừa tay bé,
Đựng bánh trong tù : miếng cháy thơm.

Cô chú thương nhiều, lại thích trêu
Bảo thằng chân đạp giống ba nhiều
Bé hay hờn giận và hay khóc,
Miếng cháy thơm đền, cháu mến yêu.

Trong góc xà lim, chú ghé tai,
Thơ, ca dạy cháu thuộc đôi bài.
Ngày ra con bước theo chân mẹ,
Nhìn ánh mây hồng cái cánh bay !

(Lao Quảng Ngãi, 1940)

VỮNG TIN Ở NGÀY MAI

*Em cũng như anh cũng cánh tú,
Chúng ta đâu phải vụng đường tu ?
Tuy rằng cay đắng, dù sao nữa,
Nhưng cũng cùng chung mối hận thù.*

*Từ đây giam hãm mỗi phương trời :
Cánh ngộ chung, mà đũa một nơi.
Vĩ phận chìm lồng chưa cái cánh,
Mà lòng uất hận cứ trào sôi.*

*Tuy chẳng ra sao cái cuộc đời,
Nhưng lòng ta vẫn cứ tươi vui.
Vui mà sống với ngày mai đẹp,
Hạnh phúc chờ nhau lúc tái hồi.*

*Sống để mang thêm mối hận này,
Phá tung ràng buộc bấy lâu nay
Trùng phùng sẽ có ngày đưa lại,
Bùi ngợt ta bù lúc đắng cay.*

Lao Quảng Ngãi 1941
(Gởi cho anh Chánh ở nhà lao Buôn Ma Thuột).

CÀNG SÔI NỔI BẤT BÌNH

Giữa bãi đêm khuya có một mình,
Vầng trăng soi xuống bóng chênh chênh.
Xe quay rạch nước lòng sôi nóng
Gió gợn dòng sông cánh vắng tanh.
Mặt nước xanh rờn càng lạnh lẽo,
Chòm mây trắng xóa lại vô tình.
Tuổi xanh giờ phút ngồi suy nghĩ,
Càng nghĩ càng sôi nổi bất bình !

(Sông Trà, 1941)

MỘT TẮC THÀNH (1)

Anh đã là thân kẻ tội tù,
Đọa đày nay tỉnh đã ba thu,
Đời anh chiến đấu, thù giam hãm,
Đâu phải tiền căn đã vụng tu ?

Em ngắm trông theo chỗ cuối trời,
Dưới từng mây bạc cánh xa khơi.
Vì sao chẳng thấy tin anh lại,
Giờ phút này đây ruột rời rời.

Vì vắng tin anh trở lại nhà,
Hỏi người thân với kẻ gần xa.
Để mai chiều lũ con trông nhắc
Vẫn ngóng ba và vẫn nhớ ba

Từ đây thân em sống một mình,
Xót người muôn dặm bước lên đênh.
Vầng trăng tuy xé làm đôi nửa,
Gan óc còn trơ một tắc thành !

Năm 1942.

(1) . Viết khi chồng bị đày ở Buôn Ma Thuột đã được ba năm.

HUỲNH THỊ TUYẾT :

CHỊ EM MAU ĐỨNG DẬY

*Đứng lên hỡi chị em mình !
Người ta cộng sản biểu tình tú tung
Chồng đi thì đi với chồng
Con đi thì cũng một lòng với con.
Cùng nhau giữ vững vương tròn
Dầu rằng sống thác, dễ mòn lá gan !
Kết đoàn ta hãy đứng lên !
Cờ hồng phải trước, sắp hàng theo sau.*

*Làm sao cho kịp với người
Cũng tai, cũng mất ở đời kẻ chi
Đấu tranh, ai cũng ra đi
Chị em ta há chẳng bị được sao ?
Dậy ! Dậy ! Dậy ! Mau ! Mau ! Mau !
Dắt diu bè bạn, nhập vào cho đông
Tiến lên gánh vác non sông
Làm cho cộng sản thành công mới là !*
1930

ĐƯỢC MỞ MÀY

*... Kể từ thuở, dân ta dựng nước
Bây giờ đây, mới được mở mày
Nữ nhi với bạn dân cày
Sánh vai bước tới ngày mai huy hoàng
Đảng Cộng sản chỉ đường, dẫn lối.
Cờ búa liềm đỏ chói niềm tin
Tự do, độc lập, bình quyền
Đưa tài sức, dựng nên cơ đồ...*
Th u 1930

TRẦN THỊ LAN

TỰ GIỮ MÌNH

Làm thân con gái phải biết lo,
Nghĩa cả tình riêng quyết vẹn thờ.
Lấy gương non nước tiêu thù hận,
Mượn bầu nhiệt huyết rửa nhục nhơ.
Chớ để gió mưa ô tiết hạnh,
Đừng vì roi vọt chuyển đào thơ.
Ra tay quét sạch đời tui nhục,
Góp phần gái trẻ dệt cơ đồ !

NGUYỄN THỊ NHẠN

LỜI NON NƯỚC

Mấy lời tâm huyết chúc dân nhau,
Bề hận chia đôi, máu một bầu.
Kẻ ở, người đi cùng găng chí,
Tình nhà, nghĩa nước cố in sâu.
Thân trong tù ngục, hồn bay bổng.
Đời dầu lao lung, dạ sáng lâu.
Thương nhau xin nhớ lời non nước,
Đường về thắng lợi, gặp mai sau.

Tiền hạn đi đây Buôn Ma Thuột

Lao Quảng Ngãi, 1931

TRẦN THỊ NGỘ

PHẬN MÁ HỒNG

Há có nài chi phận má hồng
Diệt thù cứu nước giữ non sông
Chồng con chi để cho thân bận.
Gương ấy là con, súng ấy là chồng.

5-1945

VÀO ĐỘI NỮ BINH

*Việc nước chung lo hỡi bạn mình
Nước giàu dân mạnh mới là vinh
Muốn ra tay đắp nền dân chủ
Mau bước chân vào đội nữ binh
Trai tráng hiến ngang càn quét đấu
Gái thơ dũng cảm cũng hy sinh
Cùng nhau kháng khí bền tâm chí
Rồi, mới chung vai cuộc thái bình.*

CHỐNG ĐI ĐÀY (1)

*Tổ mẹ trên đời mấy đứa điên
Cả gan chia rẽ chị em mình.
Má hồng mang nặng tình non nước
Bờ liễu càng kiên, dạ sắt đanh
Các chị bước đi đường chiến đấu
Đàn em ở lại quyết hy sinh
Lấp bằng bể khổ dần cơn giận
Rõ mặt Đông Dương gái nữ trinh.*

(1) (Thơ nữ tù Quảng Ngãi, 1931-1932).

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

7

PHẦN THỨ NHẤT

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

(1930-1945)

13

CHƯƠNG MỘT

QUẢNG NGÃI VÀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI... *Trang*

14

TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG CỦA PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRƯỚC KHI ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUẢNG NGÃI RA ĐỜI

CHƯƠNG HAI

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG (1930-1931) *Trang*

44

CHƯƠNG BA

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG THỜI KỲ KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1932-1935

Trang

63

CHƯƠNG BỐN

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CAO TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH-DÂN CHỦ (1936-1939)

Trang

75

CHƯƠNG NĂM

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG (1939 -1945) VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM

Trang

84

PHẦN THỨ HAI

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)	101
---	-----

CHƯƠNG SÁU

PHONG TRÀO PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG NĂM ĐẦU SAU CÁCH MẠNG (1945 - 1946)	
	<i>Trang</i> 102

CHƯƠNG BẢY

PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÙNG TỰ DO PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN (1947 - 1950)	
	<i>Trang</i> 113

CHƯƠNG TÁM

PHONG TRÀO PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI TRONG GIAI ĐOẠN 1950 - 1954	
	<i>Trang</i> 130

KẾT LUẬN	<i>Trang</i> 149
-----------------	------------------

PHỤ LỤC

Tuyển thơ ca yêu nước và cách mạng của phụ nữ Quảng Ngãi (1886 - 1945)	<i>Trang...</i> 155
---	---------------------

SƠ THẢO LỊCH SỬ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG PHỤ NỮ QUẢNG NGÃI

Chỉ đạo biên soạn: THƯỜNG TRỰC HỘI
LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH QUẢNG NGÃI

Chịu trách nhiệm xuất bản : HỒ THỊ HẠNH

Biên soạn : PHẠM NHỚ

Biên tập : XUÂN HỒNG

Hiệu đính : G.S PHAN NGỌC LIÊN

Trình bày : CAO CHƯ

Sửa bản in : NHẬT NAM

Giấy phép xuất bản số : 36/XB - In, ngày 12 tháng 12 năm 1991
do Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao Quảng Ngãi cấp.
In 1000 cuốn. Khổ 13 x 19 tại Xí nghiệp in Lê Trung Đình tỉnh
Quảng Ngãi.

In xong và nộp lưu chiểu ngày 30 tháng 1 năm 1992.

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



ĐC.N.000127